VM
95
V17

tuyển tập : Mùa Giáng Sinh
đầy đủ các mục thường xuyên

VAN

tiếng hát lên trời

VĂN

TẬP-SAN VĂN-CHƯƠNG TƯ-TƯỞNG NGHỆ-THU

NĂM THỨ BẢY ✱ SỐ 168 ✱ BA NGÀY 15 THÁNG 12 NĂM 19

đọc trong số này :

● TUYỂN-TẬP « TIẾNG HÁT LÊN TRỜI » :

2. Đêm thánh vọng, *thơ* — Chu-trầm Nguyên-minh
5. Ngày mai, Giáng sinh, *truyện* — Nguyễn-thị Hoàng
26. Mặc khải, *thơ* — Hoài Tuyết Trâm
27. Bài ca của Tuyết bàng, *tùy bút* — Kinh Dương-vương
35. Mùa thiêng liêng, *thơ* — Khê Kinh-Kha
37. Quà tặng sinh nhật, *truyện* — Nguyễn Thiếu Nhân
41. Bài ca Trinh khiết, *thơ* — Đinh Quang Nghi
46. Một kỷ niệm Giáng sinh, *truyện*, nhà văn thời danh Hoa-kỳ — Truman Capote
63. Năm đất, *thơ* — Nguyễn Minh-Hoàng
65. Bức tranh Giáng sinh ba tấm, *truyện*, nhà văn Hòa-lan — Felix Timmermans
85. Bài thơ suông, *thơ* — Nhã-Điền
87. Lễ Giáng sinh của Cha Hiền, *truyện*, nhà văn Pháp lai Trung-hoa — Bình Nguyên
— Jean Pasqual
— Mai-Dzam

● MỤC THƯỜNG-XUYÊN :

97. Trò than, *truyện dài* [tiếp theo] — Nguyễn-đình Toại
101. Giải đáp thắc mắc bạn đọc
107. Tin văn văn

● BÌA : « ĐÊM THÁNH VỌNG » TRANH CỦA RỪNG

VĂN

Tòa-soạn và Trị-sự : 38, Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn. B.T. : 23.505

Tập-san xuất-bản do nghị-định số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1964

● Chi-phiếu, đề tên ông Nguyễn-đình Vượng (chủ-nhiệm kiêm chủ-bút)
★ Thư-từ, bản-thảo, đề tên ông Trần Phong-Giao (thư-ký tòa-soạn)
● Giao - thiệp trực - tiếp : ông Gia - Tuấn (phụ-tá thư-ký tòa-soạn)
★ In tại nhà in riêng của báo VĂN. — Quản-lý : cô Nguyễn-thị Tuấn

Số 168 : « Tiếng hát lên trời »

Tuyển-tập đặc-biệt mùa Giáng-sinh

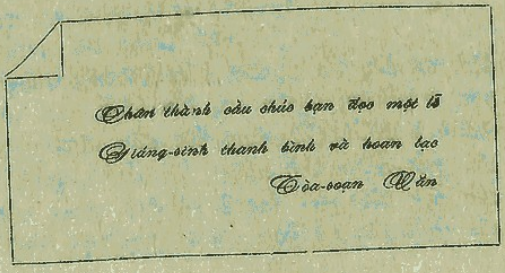

Chu-trầm Nguyên-Minh

Đêm Thánh vọng

gởi Hoàng Bảo Việt

đêm đã đến và sương bắt đầu rơi
trên cánh đồng hoang, trong khu vườn xám
em cũng bắt đầu thức dậy
với chiếc áo hiến dâng
với đôi tay ngưỡng vọng
nụ cười đầu đêm bỗng nở
trên môi đời giá băng

đêm đã đến và chuông bắt đầu rền vang
trên trời cao, vườn sao lấp lánh
thánh ý NGƯỜI cũng bắt đầu sáng
cho một niềm khổ nhục
cho một kiếp phù du
cho tình yêu vô hạn

em cũng bước qua bậc thềm đầu tiên
ngăn cách địa ngục, thiên đàng
trong tận cùng khát vọng
em hát lời ca nguyện cuối cùng
và bắt đầu khóc

giọt nước mắt hồng và dấu chân yêu
khắc nên lời thệ ước

đêm đã đến và tiếng kinh cầu tới
phúc âm dâng lên ngang hồn
cùng đôi môi và trái tim
em bắt đầu nức nở
như những đài hoa xé thân đơm nụ
thành trái dâng NGƯỜI
hỡi em, giọt nước mắt kỳ diệu
cho niềm hạnh ngộ âm thầm

đêm đã đến và đất trời rực rỡ
bước chân chiên hân động yêu vì
dấu thánh NGƯỜI máu đau còn chảy
trong tim NGƯỜI tình ấy bao la
hỡi khổ đau, nước mắt nhòa
hãy ngẩng mặt đón giờ thánh phúc

đêm đã đến, đã khuya rồi tàn
như cuộc đâng lên cao rồi tắt
như tiếng chuông vang xa rồi buồn
như lời cầu âm âm rồi hết
như cuộc đời vừa có rồi không
em trở về trên con đường cũ
thấy lại ngôi kia sẵn những buồn rầu
úp khuôn mặt đầm đìa nước mắt
đợi một thời sẽ đến mai sau.

chu-trầm nguyên-minh

Nguyễn-thị Hoàng

Ngày mai, Giáng-sinh

BÂY GIỜ LÀ BUỔI CHIỀU, BUỔI CHIỀU CUỐI CÙNG. THỊNH phân vân không biết phải ở lại, trở về, hay đi một nơi nào khác. Không biết làm gì hơn là loay hoay trong căn phòng rộng mênh mông với mùi thơm quen thuộc của máy lạnh và hoa hồng vàng, hút liên miên hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác, mở rồi tắt máy nhạc, kéo màn cửa trông xuống phía dưới nhìn và không thấy gì hết, vào phòng tắm mở nước nóng và lạnh, không tắm, đi trở ra nhấc điện thoại lên gọi một người nào nhưng đầu kia chưa có tiếng trả lời đã vội vàng bỏ xuống.

Cùng một lúc Thịnh nghĩ đến nhiều thứ, nhớ đến nhiều điều nhưng không một hình ảnh nào đậu lại lâu trong trí. Thật ra thì Thịnh không biết mình muốn gì và phải làm gì. Sự mong muốn quá độ làm tuyệt vọng, cuối cùng cũng chỉ là sự chán nản mà thôi. Thịnh cũng không biết chắc là điều mình mong muốn cuối cùng có thực hay không bởi vì không phải thường xuyên mà thỉnh thoảng anh lại nghĩ đến đàn bà như nghĩ đến một vài hình ảnh nào mơ hồ trong chiêm bao. Thịnh cố dỗ dành an ủi dù sao chiêm bao cũng của riêng mình không một người nào có thể xóa mờ hay chiếm đoạt và chiêm bao hay hình bóng người đàn bà là điều độc nhất bây giờ anh có thể nghĩ đến trong khoảng không.

Buổi chiều, những người quen đã xuống phố. Họ sục sạo tìm kiếm mua sắm những đồ đạc hay thú vui bên ngoài. Trời đã mưa như buổi chiều nào trời đã mưa ở Đài-bắc. Nhưng bây giờ Thịnh không còn nghe âm vang nào kêu gọi hồn mình trong tiếng mưa rơi, không còn cảm thấy gì hết khi nhìn qua cửa kính những giọt nước nặng và dài nhỏ xuống mơ hồ. Anh chỉ muốn một điều độc nhất là trở về đó, căn phòng màu xanh với sàn trải thảm nhung đỏ, cửa kính trong suốt với những tấm màn trắng mỏng chập chờn nhấc ống điện thoại trắng lên quay một vòng số quen thuộc mỉm cười và gọi tên người đàn bà để nghe tiếng nàng đầu đường dây kia dịu dàng nói một câu vu vơ nào đó. Nàng sẽ hỏi anh đang làm gì, bao giờ anh đi, tối hôm qua anh có vui hay không, mình có thể đi với nhau ra ngoài phố, những câu không diễn tả một ý nghĩa nào không chứa đựng một hứa hẹn âm thầm nào nhưng giữa hai người hình như có một thứ tiếng nói bằng im lặng, không bao giờ nói ra với nhau như đang trả hình với một thứ ngôn ngữ, và hình thức nào đó để che giấu niềm hoan lạc mênh mông trước mắt người khác và với chính mình. Niềm hoan lạc âm thầm và dịu dàng như một thứ của cải riêng tư họ nhận từ nhau và cho nhau trong một trao đổi vô tội và kỳ diệu.

Thịnh nghĩ chính điều đó làm mình nghĩ đến nàng lâu dài và triền miên bởi vì từ bao nhiêu năm nay Thịnh không hề nghĩ đến một người nào đúng ra là không một hình ảnh hay một cơ hội nào gợi lên trong lòng Thịnh chút xao xuyến mơ hồ của những ngày xưa gặp gỡ.

Hình như Thịnh đã chết đi từ lâu mười năm hay hai mươi năm từ trước và giọng người đàn bà xa lạ từ đàng kia dây điện thoại đã đánh thức Thịnh từ dưới đáy mồ dịu dàng mời mọc Thịnh trở về đời sống đầm ấm trên kia. Hoặc vì bất cứ một lẽ thầm kín nào đó tất nhiên từ người đàn bà xa lạ kia mà Thịnh không muốn tìm hiểu đã biến anh từ xác chết trở thành người sống. Điều đó làm anh nghĩ đến người đàn bà như nghĩ đến một phép nhiệm mầu và chính vì là phép nhiệm mầu cho nên anh đã cảm thấy quá bơ vơ trong không khí huyền hoặc và xa vời của những ngày bất ngờ vừa qua.

Bây giờ thì không còn gì hết ngoài bóng dáng người đàn bà đang lu mờ dần trong trí nhớ Thịnh cho đến một lúc nào đó

trí nhớ kia cũng chỉ là khoảng không trắng xóa và Thịnh lại trở về trong đáy mồ lạnh lẽo của tháng ngày cô đơn trước.

Đôi khi trong đêm Thịnh thức dậy lắng nghe. Hình như tiếng chuông đang reo lên ngoài cửa. Hình như tiếng một người nào đang gọi tên anh. Hình như một bàn tay dịu dàng ma quái nào làm lung lay ống điện thoại và Thịnh cảm thấy như mình vừa mất đi một dịp may giây phút trong trùng trùng điệp điệp thời gian của đời người để nói chuyện với nàng một lần bất cứ một lời nào chỉ một lần cuối cùng rồi thôi. Cảm tưởng sẽ không bao giờ gặp lại nàng lần thứ hai trong đời làm cho Thịnh băn khoăn và hối tiếc đã bỏ phế những ngày hồng xôn xao ghé qua Đài-bắc. Lẽ ra Thịnh đã đưa nàng đi một vòng đâu đó ngoài trời, ăn cơm tối với nàng ở một nhà hàng xa lạ nào đó, nhảy với nàng một bản nhạc, hay ít nhất gặp nhau một lần cho đúng và đủ ý nghĩa của một lần hẹn hò và gặp gỡ.

Nhưng không, không điều gì xảy ra ngoài những thoáng bắt gặp xôn xao của hai mắt nhìn nhau trong đám đông, tình cờ chung nhau lên xuống một đường thang máy để cuối cùng như thường lệ mỗi người yên lặng về tầng và phòng riêng của mình như những người hoàn toàn xa lạ và cách biệt nhau.

Mà họ cũng đã là người xa lạ và cách biệt nhau hoàn toàn rồi còn gì. Sự xa cách ở ngay trong chính định mệnh của nàng hay trong chính tâm hồn lạnh nhạt của anh. Mọi điều về nàng anh chỉ linh cảm và đoán biết. Người đàn bà đã từ chối không nói với anh điều gì về mình. Nàng nói biết hay không biết về nhau cuối cùng rồi không ai nhìn thấy ai lần nữa đâu. Thịnh đã trả lời chính vì thế ta phải biết nhau để khi mỗi người một nơi có thể sống đời sống của nhau trong xa cách. Nàng nói mọi sự đều vô ích ngay từ đầu mình gặp nhau. Thịnh cố cãi rồi em sẽ thấy trong trí nhớ mọi điều sẽ không vô ích như ta nghĩ bây giờ. Nàng nói thà nghĩ đến sự vô ích không có thực còn hơn nhắc tới một niềm tuyệt vọng có thực. Tại sao. Đừng bắt em nói ra những điều không thể nói. Khi Thịnh bắt đầu cảm thấy hiểu được điều gì về nàng thì chuyến bay đã bỏ lại mây trời phía dưới.

Và bây giờ.

Buổi chiều, trong cơn mưa Thịnh đã ra phố tưởng sẽ tìm thấy một niềm vui bất ngờ nào có thể mờ xóa bóng hình người

đàn bà trong trí nhớ. Một tờ báo quen gởi lại cho Thịnh một cô phóng viên đi theo dẫn đường. Cô ta nói rất kém tiếng Anh và tiếng Pháp mà Thịnh thì không thể nói tiếng Đại-hàn cho nên hai người đã phải trò chuyện với nhau bằng cách chỉ trỏ lung tung ngoài phố. Đó là một cô gái thấp lùn xấu xí với hai con mắt chuột nhỏ choắt và hai bắp chân mập tròn thô và cứng lấm tấm những giọt đất bùn bẩn thỉu. Bề ngoài của cô ta làm Thịnh bỗng dưng giận dữ vô cớ. Đối với Thịnh tất cả cái gì không gây mỹ cảm cũng làm cho anh chán ghét bất thần như thế.

Cuối cùng Thịnh đuổi cô ta đi để được một mình nhưng cô ta không chịu, cứ đi cách khoảng xa và theo dõi. Thịnh loay hoay đi hết phố này sang phố khác tìm không thấy một quán cà phê, một tiệm ăn nào. Đói lạnh chán nản buồn rầu Thịnh đâm ra bực mình đến nỗi chỉ chờ cô ta không trả lời một câu hỏi nào đó của mình là lớn tiếng gây gổ và nhảo lên một chiếc taxi trống bảo chạy về khách sạn. Anh đi vào phòng khách hấp tấp và ướt át như một người điên không thèm trả lời bất cứ một câu hỏi nào của những người quen biết ra vào Thịnh cảm thấy mình đang nổi cơn điên ước mong một điều gì bất ngờ làm dịu lắng tâm hồn mình.

Anh vào phòng giải khát gọi một cốc cà phê, đốt một điếu thuốc và ngồi cố không suy nghĩ gì hết.

Bỗng dưng Thịnh cảm thấy một nỗi mỏi mệt khủng khiếp đang xâm chiếm khắp cơ thể mình như anh đang đau khắp tâm hồn thể xác vì một thứ bệnh kỳ dị không bao giờ chữa khỏi.

Thịnh mơ hồ cảm thấy hình như mọi sự bắt đầu từ ý nghĩ không bao giờ còn gặp lại người đàn bà xa lạ. Không bao giờ còn trở về một phút giây nào nữa trong căn phòng khách sạn lộng lẫy bên kia. Không bao giờ được nghe dù chỉ là bằng đường dây điện thoại tiếng nói của nàng bất ngờ gợi lên âm hưởng thao thức và mông lung của một thời gian đẹp nhất đời người.

Thịnh uống hết chén cà phê, hình như lần đầu tiên trong đời Thịnh uống cà phê mà không chừa lại phân nửa như thường lệ. Thịnh muốn uống cho hết chất mật đắng của kỷ niệm còn gần gũi hơn nhưng đã suốt đời xa vời thăm thẳm. Anh tự hỏi tại sao mình có thể tuyệt vọng vô lý như thế. Chỉ một cái vé,

chỉ vài giờ bay. Và rồi nhấc máy lên gọi số điện thoại, và sau đó..., nhưng Thịnh không thể làm như thế bao giờ nữa. Bây giờ từ Đài-nam trở về có lẽ nàng đang giữ lại căn phòng cũ, trải qua một đêm hay hai đêm, một mình trước khi trở về nhà, với ai và ở đâu không bao giờ Thịnh được biết đến. Thịnh chỉ biết mỗi một điều là ngay bây giờ, chiều nay lên máy bay trở về đó quay điện thoại là hai người sẽ gặp nhau lần cuối cùng còn kịp.

Nhưng ngày mai, ngày mai là mất tăm suốt đời không còn hy vọng vào một sự bất ngờ nào của chính mình hay của định mệnh mỗi người. Thịnh cũng không thể hiểu tại sao mình lại không về đó. Không có điều gì ngăn cấm Thịnh được hết cũng như không một kẻ nào giam giữ được người đàn bà khi người đàn bà đã tìm thấy hay trở về với tình yêu. Hình như Thịnh sợ. Đời đã bất ngờ đẹp lại một phút giây nào đó. Một vẻ đẹp chỉ có thể đẹp thực sự và lâu dài trong một giới hạn định mệnh nào đó thôi. Thịnh không thể kéo dài tìm lại bằng một cố gắng hay cưỡng ép nào đó. Đúng ra là Thịnh sợ mất đi vẻ đẹp vừa tìm thấy. Sợ mất đi nếu tìm thấy lại được cùng lúc với ý muốn tìm thấy lại vẻ đẹp đó làm cho Thịnh bứt rứt đau đớn lạ lùng đến nỗi đâm ra hẫn học với tất cả mọi người xung quanh và chán ghét những phút giây có thể tuyệt vời hiện tại.

Cuối cùng rồi quyết định không bao giờ trở về tìm gặp người đàn bà làm cho Thịnh rã rời trong một niềm tuyệt vọng không nguôi ngoai. Thịnh vào thang máy bấm nút số 7 trở về phòng mình. Cánh cửa tự động mở ra và đóng lại yên lặng lạnh lẽo. Vẫn là căn phòng lộng lẫy với màn trắng và thảm đỏ, những khung cửa kính mở xuống đường vừa thắp sáng đèn. Thịnh nghe tất cả nỗi xa vắng mênh mông lùa vào tâm hồn cùng lúc với hình ảnh của quá khứ và tương lai nhập nhòa trộn lẫn biểu hiện không ngừng như khúc dạo của một bản đàn định mệnh. Thịnh buông người xuống giường và như trong cơn mê anh với tay lấy ống điện thoại quay một vòng số. Những con số bây giờ chắp nối vô nghĩa không diễn tả điều gì không hướng tới người nào. Bỗng dưng Thịnh cảm thấy sung sướng lạ lùng vừa nhận ra ở chính mình một điều vừa quen thuộc vừa mới mẻ, mình đang yêu và si. Đầu dây kia có tiếng người vọng lại.

— Ai đó ?

— Tôi.

— Tôi là ai ?

— Tôi là tôi.

Thịnh gác máy lại chỗ cũ úp mặt xuống gối. Chao lượn trong trí nhớ Thịnh bây giờ màu nắng vàng rực rỡ của buổi chiều đi xuống Yến-tử-oa. Màu nắng cũng vàng như áo người đàn bà ngày hôm đó.

— Anh làm gì hôm qua, nàng hỏi khi cúi mình bên cạnh tránh một giọt nước rơi từ trần động đá.

— Nghĩ đến em, Thịnh trả lời.

— Em không tin, nàng nói.

— Đúng rồi, em không tin bởi vì chính trời cũng không thể tin được điều đó.

— Vậy ra trời vẫn hơn em hay sao ?

— Không, trời không hơn em nhưng bây giờ em xa hơn trời.

Mỗi lần gặp nhau tình cờ họ chỉ nói và trả lời với nhau vẩn vơ như thế. Bây giờ từ Đài-nam trở về có lẽ nàng đi tìm một phòng làm tóc nào đó, trang điểm lại nhan sắc, thay một cái áo khác, xuống tầng thứ nhất, vào nhà hàng ăn, tìm một cái bàn trống, cái bàn vuông nhỏ phủ khăn trắng với bình thủy tinh nhỏ cắm một bông cúc vàng hay một đóa hồng nhung đỏ thắm, gọi một tách cà phê pha vào một tí sữa tươi, không bao giờ bỏ đường, không bao giờ với một chất ngọt nào, khuấy thật nhẹ như sợ làm vỡ tan một chứa đựng mong manh nào dưới đáy, nhấp một ngụm cà phê thật đắng và nóng, những ngón tay thon màu hồng vẫn ủ kín trong găng tay bằng lưới mỏng màu đen, nhìn ra vườn hoa, đình thủy tạ với nóc và cột sơn màu đỏ chói, với những hòn giả sơn khổng lồ bên con suối nhỏ chảy qua những bụi bờ lúp xúp tùng bách niên và trắc bá diệp trồng trong những chậu sứ chậu sành sặc sỡ kê từ thềm cao xuống sân thấp men theo những lối đi khảm cẩm thạch trắng giữa những bờ cỏ nhung non. Em đang nghĩ gì đến ngày mai hay hôm qua, đến tôi hay đến một người nào khác, đến sự tràn đầy làm rợn ngợp hay khoảng trống không làm buồn rầu. Bây giờ em mặc áo màu vàng như hôm kia đi về Hoa-liên chiều nắng hay em đang mặc áo màu đỏ như ngày tiếp tân trên điện

ương Minh Sơn, bây giờ tóc em đang vấn cao kiêu hãnh và sang
i hay buông xõa trễ tràng và lười biếng, bây giờ em đang hút
ếu thuốc thứ nhất hay là điếu thuốc thứ hai mươi để trở lên
hòng một nhoài và lười biếng nằm chết hàng giờ trong bồn tắm
ước nóng.

Thịnh choàng tỉnh dậy vì tiếng chuông gọi cửa bên ngoài.
gười bồi phòng hỏi xin lỗi hình như ông cần gọi một người
ấm bóp. Thịnh cười tôi không bao giờ gọi một người đấm bóp,
ói mỗi trong này, Thịnh chỉ vào đầu mình. Người bồi phòng xin
ỗi và lễ phép quay ra.

Cánh cửa đóng lại, Thịnh trở vào và tiếp tục những ý nghĩ về
người đàn bà. Thịnh nghĩ không bao giờ gặp lại người đàn bà lần
ữa nhưng từ đây mãi mãi Thịnh còn tìm thấy nàng trong khắp trí
hớ mình bao giờ và ở đâu. Thịnh tự hứa với mình và với nàng xa
ách như thế. Thịnh cũng biết mình dại khờ và ngu xuẩn sống với
một hình bóng như thế qua khắp đời mình. Nhưng chính điều đó làm
cho đời sống còn đẹp trong những góc xó tối tăm nhất và anh *không*
thể tiếp tục một phút giây nào của đời sống mà không còn cảm nhận một
vẻ đẹp nào từ bên ngoài hay ở chính bên trong mình dù đôi khi
mơ hồ hiểu rằng chính vẻ đẹp tìm thấy cũng sẽ dẫn đưa mình
tới sự chết. Dù sao đó cũng chỉ làm sự quân bình tương đối như
thứ trang sức phỉnh phờ cho bề ngoài của người đàn bà xấu xí
mà thôi. Thịnh cũng đã nghĩ hình như mình cố tạo nhiều thứ
hào quang ảo tưởng quanh người đàn bà xa lạ, sự gặp gỡ tình
cờ kỳ diệu giữa hai người, bởi vì thực ra điều đó có thể có bất
kỳ ở đâu, có thể xảy ra cho bất cứ người nào không cần gì phải
là nhan sắc của người đàn bà kia và vẻ đẹp của tâm hồn mình.

Thịnh chợt nhận ra mình đã chết đi từ mấy hôm nay trong
căn phòng lạnh lẽo này và bây giờ phải bắt đầu lại một cái gì đó
để trở về với chính mình đúng là một hành khách phiêu du. Tại
sao ta đã chịu đựng đời sống quá nhiều mà không bao giờ nghĩ
đến việc thưởng thức hương vị của đời sống đó dù nhạt nhẽo và
mong manh đến chừng nào. Thịnh chợt nhớ đến những bài phóng
sự sẽ phải viết cho tờ báo, đến những công việc nhàm chán và buồn
bực ở quê nhà. Quả tình là Thịnh quá hoang mang không biết
mình đang cố thử đi qua đời như một người khách nhàn du muốn
thưởng thức tất cả mọi vẻ đẹp của đời sống đó hay chính mình

đang phiêu lưu vào những đổi thay và mới lạ để tìm một chút lãng quên nào đó. Người đàn bà Thịnh tưởng đã quên đi. Nhưng người đàn bà ở lại, quá lâu dài quá ngập tràn trong trí nhớ. Hình như điều đó làm cho Thịnh trở nên xa vắng giữa đám đông, lạnh lùng với tất cả mọi liên hệ và khước từ tất cả mọi gọi mời của hiện tại. Thịnh lan man suy nghĩ và tưởng tượng đến sự sung sướng có thể có của người đàn bà nếu tình cờ Thịnh trở về đó với nàng. Lần này thì nhất định anh sẽ cùng với em đi xuống phố khuya, sẽ cùng với em đi dạo chơi dưới một khoảng trời gió xa nào đó, sẽ... Thịnh bồi hồi và chóng mặt với nhiều tưởng tượng quay lốc về mình và người đàn bà khi gặp lại. Ta đã bảo không bao giờ còn gặp lại người đàn bà, Thịnh lần thần tự nhủ và cảm thấy xót xa với quyết định cuối cùng của mình.

Hình như bên ngoài tiếng chuông gọi cửa lại reo lên. Thịnh nhớ tới người bồi và những câu hỏi lầm của hắn. Một người đấm bóp. Bỗng dưng anh cảm thấy mỏi mệt thật sự. Thịnh nghĩ sau bữa ăn một mình như thường lệ, có lẽ mình nên gọi một người đấm bóp để đỡ dành giấc ngủ. Cho giấc ngủ sẽ ngập tràn chiêm bao. Cho chiêm bao sẽ ngập tràn hình bóng người đàn bà.

•

Hình như Thịnh đã ngủ được một giấc ngắn. Và mơ thấy người đàn bà áo vàng trong chiêm bao. Họ lại rủ nhau xuống nhà hàng tầng thứ nhất ăn điểm tâm. Bánh mì nướng và trứng omelet spanish. Nàng nói, mọi điều rồi sẽ là giấc mơ thôi, và Thịnh cũng cười buồn như giấc mơ thôi và sẽ còn mãi mãi trong trí nhớ. Anh có nghĩ đến em không, nàng hỏi. Thỉnh thoảng, Thịnh trả lời chân thành. Hình như nàng thoáng cau mày. Đối với đàn bà phải dùng những chữ luôn luôn, thường xuyên, mãi mãi. Nhưng Thịnh vẫn nghĩ đến sự thờ ơ lạnh lẽo của mình hơn. Thỉnh thoảng đã là quá rồi. Bởi vì nhiều lúc đến hàng năm, Thịnh không hề nghĩ đến một người nào khác ngoài chính mình.

Bên ngoài chiều như đã xám. Ánh sáng đục nhạt khỏa xuống những lớp cửa kính buồn phiền. Tiếng nhạc mơ hồ đâu đó không rõ hướng. Nhạc nhẹ, dài và lững lờ như khói thuốc mông lung bay lên. Cơn mưa buổi chiều thấm vào khắp xương tủy khi Thịnh

trở mình. Hãy thử tìm một cảm giác khoan khoái, dễ chịu, Thịnh với tay lên ống điện thoại trắng, quay số. Mấy phút sau là tiếng chuông cửa reo nhỏ. Cánh cửa đã không khóa trước giấc ngủ vật vờ cô liêu. Và Thịnh nói, vào đi.

Cánh cửa đẩy nhẹ, và một bóng trắng lẻn vào.

— Thưa ông, tôi là người được gọi tới đấm bóp.

Thịnh đứng dậy, tiến ra cửa. Bỗng dưng Thịnh lúng túng không biết phải đối đãi, những cử chỉ đầu tiên, ra sao với người mới vào. Anh ngạc nhiên theo dõi từng cử động nhẹ nhàng rón rén của người con gái Đại-hàn. Nàng như bơi trong khoảng trống đầy hơi sương tỏa và khói lan. Không gian như bốc lên một mùi hương dịu nhẹ, ấm áp quanh nàng. Trên đôi môi hồng mỏng manh, Thịnh ngần ngơ nhận ra một nụ cười thật dịu. Khuôn mặt người con gái, như tươi vui khoảng từ mũi trở xuống cằm và ưu phiền thầm lặng khoảng mắt tóc bên trên, với một chiếc kính đen thật rộng: Nàng lần hai tay vào khoảng không, và đi nhẹ như bơi về phía giường.

Thịnh bỗng có cảm tưởng kỳ lạ là mình đang chạy đến một vùng thinh không hoang vắng nào trên trời cao khi nằm sấp xuống mặt nệm và lắng nghe rợn ngợp phủ trùm xuống sống lưng áo mỏng.

Giọng người con gái nhỏ, an phận, phảng phất một nỗi gì thương tâm và đằm thắm :

— Ông không cởi áo ra sao ?

— Tôi lạnh. Cô có lạnh hay không.

— Dạ không, em quen rồi, những phòng máy lạnh thế này.

— À. Ngày nào cô cũng làm việc.

— Dạ, em đến đây từ một giờ trưa, và làm cho đến một giờ khuya mới được về nhà.

— Có nhiều người như cô không trong khách sạn.

— Dạ, chừng mười người, thay phiên nhau, và được gọi theo số. Em số chín, và tên em là Ying. Nàng vừa nói vừa chỉ dấu tên thêu trên ngực áo trắng. Ông thích em đấm mạnh hay nhẹ.

— Sao cũng được.

— Em phải hỏi để chiu khách. Có người xoa mạnh sợ đau xương. Có người lại không ưa nhẹ tay, không hết mỏi được. Thôi thì em làm cho ông những gì em thường làm vậy.

Thịnh xoay mặt lên trên cánh tay nhìn lại. Người con gái tháo chiếc hài trắng. Hai bàn chân nhỏ nhắn được bọc kín trong đôi vớ ngắn màu da hồng nhắc lên và xếp lại trên nệm giường, thật rón rén và dịu dàng. Rồi nàng kéo vạt áo trắng phủ kín hai khoảng đùi trần da hồng non, đôi môi vẫn tươi cười dưới vầng mắt kính đen âm u, rướn mình lên trên lưng Thịnh, lùa những ngón tay lên phía gáy anh, bắt đầu xoa bóp.

— Ông nhiều xương quá.

— Những người khác thì sao.

— Phần nhiều mập béo, và to lớn. Ông là người Mỹ.

— Không, Việt-nam.

— Em chưa bao giờ gặp người Việt-nam nào. Vậy người Việt-nam nhiều xương à.

— Không hẳn.

— Em không hiểu sao cả.

Thịnh nói bâng quơ :

— Không phải người Việt-nam nhiều xương. Nhưng nhiều xương trong người Việt-nam.

— Người Việt-nam khó hiểu.

— Cũng không hẳn.

Người con gái xoa nắn xuống hết sống lưng, bắt qua vai và cánh tay Thịnh, rồi xuống hai chân. Mỗi khi xong phía này, nàng luồn tay nhắc người Thịnh lật qua bên phía kia để xoa bóp. Nàng làm việc tỉ mỉ, cẩn thận, như người bán mía róc thận trọng những lớp ngoài của những cây nhiều mắt.

— Cô có thể lên thang máy một mình.

— Họ dẫn đường, nhưng vào trong phòng thì em quen, vì phòng nào cũng giống nhau, dễ nhận ra chỗ để bàn ghế giường tủ.

— Một giờ khuya, làm sao cô về nhà ?

— Nhà gần, lần theo vỉa hè, em có thể đi bộ, thỉnh thoảng xe khách sạn chở về, nhưng rất hiếm.

— Cô ở với ba má.

— Em không có ba má.

— Với anh chị.

— Cũng không có anh chị, có một người chị, nhưng vợ chồng người chị, xa lắm, dưới Pusan.

— Vậy cô ở với ai.

— Một mình, sau lều nhỏ của một người bán hàng.

— Không nhìn thấy gì, làm sao cô tự lo lấy mọi việc.

— Được chứ. Em làm cơm, khâu vá. Em cũng có thể lo cho người khác được, nhưng không bao giờ có người khác để lo. Mà sao ông để ý tới những điều đó, em xoa bóp thế này, ông có vừa ý không.

— Có chứ, cô thật khéo tay, và thật... dễ thương

Thịnh nói, thành thật, và nhìn hai bím tóc lủng lẳng trên vai cô gái. Không hiểu nàng nghĩ và thấy gì trong hai vực thẳm mắt mù kia. Một vũng tối muôn đời lạnh lẽo. Và những căn phòng đóng kín. Với những người khách lạ.

— Có lúc nào khách xử tệ với cô không.

— Là sao.

— Nghĩa là... như một người say rượu chẳng hạn.

— Không, nếu có gì khác, em chụp điện thoại gọi xuống, dưới kia họ sẽ tới cứu mà.

— Có lần nào chưa,

— Đó là họ dặn. Chưa. Ai lại xử tệ với hạng mù lòa. Vả lại, các ông...

Hình như mặt nàng ửng hồng sau câu nói nửa vời.

— Cô có đi Pusan không.

— Mỗi năm một lần. Nhưng về đó, buồn lắm lắm.

Mặt nàng như chìm trong một vầng mây tối.

— Không ai dám đi vào rừng lửa cháy hai lần. Em sợ lắm.

— Cái gì.

— Rừng lửa. Cả một rừng lửa cháy, và khi em chạy được ra ngoài thì hai mắt không còn thấy mọi vật được nữa.

— Rừng cháy à, tại sao.

— Thôi xin ông, ông đừng hỏi. Em xoa bóp này này, ông có vừa ý không.

— Có, tôi vừa ý. Và nếu còn ở lại, ngày mai tôi lại gọi cô nữa.

Nàng mừng rỡ tíu tít :

— Có chắc không, mai, em không làm việc cho ai khác, họ sẽ trừ lương, nhưng em sẽ ở không và chờ phòng ông gọi thôi. Mai ông sẽ gọi em nữa. Ông tốt quá, ông tử tế quá. Em chưa gặp ai tử tế như ông.

— Tại sao lại không làm cho những người khác.

Giọng cô gái bỗng khác đi :

— Em cũng không biết nữa. Nhưng mà... mai ông sẽ gọi em lần nữa, trước khi ông đi. Mà chừng nào ông đi.

— Ngày kia, nhưng không chắc lắm.

Tưởng là một giờ được xoa nắn khắp người, sẽ cảm thấy dễ chịu và khuây nguôi những buồn phiền vô cớ trong lòng, Thịnh đã đánh đổi lấy thời gian ngắn ngủi với tám trăm đồng won. Bây giờ thì mọi điều trái ngược lại. Thịnh tưởng sẽ gặp một cô gái hồng hào, khỏe mạnh, vui vẻ, làm việc và chuyện trò nhanh nhẩu, giản dị. Nhưng mà một cô gái mù lòa, mảnh dẻ, dịu dàng hiền hậu đến đáng thương như thế. Có gì nơi cô gái làm cho Thịnh bứt rứt không yên. Thịnh muốn thu ngắn thời gian làm việc của cô ta, mặc dù khoản tiền tám trăm vẫn không thay đổi.

— Thôi được rồi, cô.

— Chưa xong mà, chưa đủ một giờ.

— Tôi hết mỏi rồi.

— Không được, chưa đủ một giờ, em làm chưa xong là chưa đủ một giờ.

Thịnh đành nằm yên, băn khoăn, không cảm thấy một chút thoải mái nào như đã nghĩ.

Về nhẫn nhục, đằm thắm và chịu đựng quá mức của cô gái làm Thịnh không yên lòng.

— Tại sao rừng lại cháy.

— Ông lại hỏi. Thôi em nói ra cũng được, như em đã nói với trời. Rừng cháy vì nhà em cháy. Nhà em giữa rừng.

— À, tai nạn hỏa hoạn.

— Không phải, chị em đốt nhà ấy mà.

— Sao thế, cô ta điên.

— Gần thế.

— Lúc nhà cháy sao không chạy ra ngoài,

— Em bị trói tay chân vào cột giường.

— Thế khi bị trói, sao cô không chống lại.

— Em vừa đau dậy, yếu lả ấy mà.

— Bà chị trói và định giết cô.

Cô gái ngừng tay, ngẩng lên như nghe ngóng điều gì xa xăm.

— Sao ông biết.

— Thì cô ta đốt nhà.

— Dạ. May là chưa chết cháy.

— Có người cứu.

— Dạ, anh ấy cứu.

— Ai. Người yêu của cô à.

— Dạ, gần gần như thế, và là chồng bà chị. Không, em quên, lúc đó họ chưa là vợ chồng. Bây giờ thì họ nhiều con với nhau.

Thịnh thở dài :

— Cô cũng còn về thăm họ.

— Em thăm lại em thời còn nhỏ thì đúng hơn. Dù sao vẫn nhớ chốn cũ và thỉnh thoảng lẫn mò về dù không còn nhìn thấy gì ngoài ngọn lửa đen, cuối cùng, ngày cuối cùng còn thấy được trời.

— Thật buồn, cô có oán trách không.

— Bây giờ thì không.

— Tại sao.

— Em không biết. Em mù mắt, nhưng từ đó, em *thấy* những điều khác nơi em, những điều trước kia em chưa bao giờ thấy.

Thịnh gỡ tay cô gái, ngồi dậy :

— Thôi xong rồi. Tôi tiếc không ở lại lâu nghe chuyện cô.

— Ông không ở lại quá ngày mai à. Nhưng ngày mai, cũng còn được, Giáng-sinh mà, ở đây cũng chẳng có gì vui đâu. Vả lại, ngày mai là Giáng-sinh, với ông thì khác, chắc gì ông lại gọi em.

— Tôi sẽ gọi.

Thịnh nói, nhưng lòng bàng hoàng nhận ra mai là ngày Giáng-sinh. Anh nhắm mắt. Một thoáng nhớ gọt ngang trái tim phiền muộn lâu ngày. Hay là tôi về lại với em, Thịnh nói thầm, và mình sẽ đền bù lại những phút giây thiếu sót lãng phí, em có bằng lòng.

Cô gái đứng lên, xỏ chân vào đôi hài trắng nhẹ, vuốt mái tóc và sửa lại nếp áo, rồi quơ tay lên mặt bàn đầu giường lấy cái ví nhỏ đã để lúc mới vào, nhấc ống điện thoại lên, nói một tràng tiếng Đại-hàn liên miên và gác ống lại. Thịnh đếm tám trăm won trao tận tay cô ta và nói mà không có một ý nghĩ nào về điều mình nói :

— Chiều mai tôi sẽ gọi cô nữa, tôi nhớ, tên cô là Ying.

Người bồi của khách sạn đã lên tới ngoài cửa để dẫn cô gái xuống. Thấy cô gái đi như bơi trong không khí từ giường đến phòng ngoài, Thịnh nâng cánh tay cô ta, dẫn cô ra cửa. Cô ta cười, mặt rạng rỡ trong một nỗi vui nào thầm kín lạ lùng :

— Ông tử tế quá. Em sung sướng quá.

Giọng cô ta nghẹn lại trong một niềm vui mênh mang nào người khác cũng có thể cảm nhận thấy rõ ràng dù thờ ơ cách mấy.

Thịnh nói trước khi đóng cánh cửa phòng :

— Tôi sẽ ở lại ngày mai, và khoảng tám giờ sẽ gọi cô.

Khoảng tám giờ tôi sẽ gọi cô, cô gái lầm nhầm, và định quay lại hỏi điều gì, nhưng nàng thấy quả là mình không đủ can đảm và tư cách, dù người khách có dễ dàng và hiền từ bao nhiêu,

tên của người lạ. Nàng nhớ lại số phòng của người khách, như nhớ tới một nơi hẹn hò huyền diệu của đời người, và nàng thấy như trong rừng lửa đen xưa ánh lên một vết hồng rạng rỡ.

•

Đối với Thịnh, thời gian chỉ là một cõi lưu đày nếu không còn hồi tưởng. Cho nên giữa đám đông hiện tại Thịnh đã bơ phờ và giữa những huyên náo vui chơi của kẻ khác anh vẫn là người lạnh lùng xa vắng nhất. Nhớ lại là một điều vô ích, và cũng chẳng diễn tả được gì. Vậy mà Thịnh vẫn nhớ, triền miên, y như sống là vọng hướng về một cõi nào xa và ngoài đời mình đang đi qua. Một người bạn đã nói, tại sao anh chỉ nghĩ tới mình. Thịnh nói, bởi vì bây giờ nghĩ đến những thứ khác đều vô ích, không làm được gì dầu có thừa thiện chí hay sáng kiến, không ai để cho mình làm gì đâu. Người bạn nước khác nói, nếu cứ nghĩ như anh, chiến tranh sẽ không bao giờ chấm dứt. Thịnh cười chua chát, nếu người ta cứ đối đãi với nhau như thế, đúng ra là chiến tranh chẳng bao giờ chấm dứt. Cho nên tôi thà là đi ra ngoài lề đường. Hình như không ai hiểu ai hết. Và Thịnh lại đắm chìm vào khung cảnh hắt hiu và lộng lẫy hai bên đường. Cả đến sự đổi dời cũng vô nghĩa. Anh ngồi trong xe yên lặng như mọc rễ từ nghìn năm. Những ruộng xanh, núi tím, suối khe rực rỡ lùi lại sau ô cửa kính gió mát. Trời như dâng cao lên mãi trên cõi nào thinh lặng vô cùng. Một vài mái nhà đỏ chói rực rỡ nhô lên sau một vầng cây xanh ngát. Không bao giờ Thịnh có thể tìm thấy một nét màu tương tự trong hồn mình, trừ bóng áo vàng đã mất hút của người đàn bà chiều nắng Hoa-liên.

Bây giờ thì cơn mưa biển bất ngờ phả xuống ngoài kia khách sạn. Hôm qua là Séoul. Hôm nay là Pusan. Biển ngoài đang sóng lớn. Mưa rộn ràng đổ hàng loạt xuống mái hiên cao sáng chói đèn màu. Trong hai mắt nhắm, Thịnh tưởng thấy những vòng tròn sáng láng màu vàng và màu cam của đèn vọng lên sau rèm mưa, cùng với bóng những người chạy qua sân, kiếm tìm hay lẩn trốn những thú vui bất gặp tình cờ nào đó.

Sau lưng Thịnh, bây giờ, căn phòng nhỏ xinh đẹp trang hoàng sắp đặt theo kiểu Đại-hàn. Với sàn nhà gỗ láng bóng có thể

soi thấy dáng mình cúi xuống, với những tấm nệm dày sặc sỡ mát mịn, với những tủ và bàn thấp kê sát tường chạm trổ tinh vi, những bình hoa cúc tím dịu dàng. Và dưới kia, chỗ những khung cửa lập lòa ánh sáng kia là hộp đêm riêng của khách sạn. Buổi tối, Thịnh đã xuống đó một giờ, ngồi nhìn những người khác nhảy. Không thể vui chơi khi không còn cảm thấy gì hết. Người đàn bà to béo hỏi sao anh lúc nào cũng có vẻ buồn rầu. Thịnh đáp không ai hiểu, vì cô không gầy hơn, và không mặc áo vàng. Người đàn bà trố mắt nhìn Thịnh rồi phá lên cười. Cuối cùng cô ả nhảy với một người nào đó, liên miên hết bản này đến bản khác. Ở mỗi người đàn bà Thịnh không thích thường có một điểm nào xấu. Mà người đàn bà to béo thì đủ thứ. Mùi tóc nhuộm hắng hắc. Khoảng da sần sùi trên cánh tay trần. Khoảng ống chân tiếp với đôi giày cao gót thẳng và ự xuống như cái cột lún. Còn khuôn mặt cô ta thì, ngoài hai con mắt đong đưa với một thoáng cười long lanh trong ấy, toàn thể gợi lên một vẻ già nua buồn bã làm nản lòng người nhìn ngắm. Thịnh tự nghĩ cô ta xấu xí thực hay mình đang không thiết tha tới một thứ gì ngoài bóng dáng đã khuất xa và trở về rời rạc trong trí nhớ mình.

— Anh làm gì hôm qua, người đàn bà áo vàng đã hỏi buổi sáng nào.

— Tôi đọc sách.

— Không xuống phố, không đi chơi ?

— Không, chỉ ở trong phòng, đọc sách. Và...

— Gì nữa.

— Mơ mộng đến em.

— Tôi không tin.

Thịnh mỉm cười bàng hoàng nhớ lại âm thanh của câu nói, tình cờ, dịu dàng, và chìm đắm trong một nỗi vui mông lung quá lớn, I don't believe. Với nửa vòng tóc đỏ nghiêng ngúng nguẩy và hai con mắt nồng nàn nhìn lên.

— Tại sao không tin.

— Lẽ nào.

— Hãy tin.

— Không bao giờ.

— Này em, em phải tin lời của gió, vì gió đi qua, nhưng còn lại, mãi mãi giữa trời này.

— Phải rồi, phải tin, và hãy mãi hoài là gió của nhau thôi.

Phải rồi gió. Gió đã thổi qua những rừng hoa hồng vàng. Gió đã vút tới những miền san hô nồng thắm. Gió đi về những vực thẳm non cao của cuộc tình vô vọng. Và gió, hỡi gió, hỡi gió của một ngày rực rỡ cỏ xanh. Ca khúc nào bỗng bềnh lãng lênh trong trí nhớ Thịnh, làm ngây ngất và mờ đắm tâm hồn, bàng hoàng xót xa. Giữa họ là trùng dương và lục địa, và ngoài biển động, bây giờ những viên ngọc xanh đã chìm xuống im lìm, không dấu tích.

Tiếng chuông gọi cửa.

— Thưa ông, ông có gọi một người đấm bóp không.

— Không.

Nhớ ra điều gì, Thịnh cười :

— Có, nhưng hôm qua kia, trên Séoul kia mà.

— Chắc họ nhầm. Có cô gái đến bảo là một người Việt-nam gọi.

— Chắc là người Việt-nam nào khác không phải tôi.

Lúc nãy hình như có những tiếng ồn lao xao ngoài cửa khách sạn. Một đám con trai và con gái vừa từ các tỉnh xa tới, đổ xô xuống xe. Họ đang mải mê săn đuổi cái gì đó. Hay đang vui một trò chơi nào kỳ lạ trên chuyến xe đầy người. Thịnh chỉ biết là có cái gì xảy ra ngoài cổng, trước trận mưa, bây giờ thì im lìm tản mát hết. Thịnh đột nhiên hỏi người bồi :

— Trước cơn mưa chuyện gì xảy ra ngoài cửa.

— Dạ, hình như một cô gái mù đi tìm người nào đó.

— Sao đám đông lại cười.

— Cô ả nghe trong đám đông có một người Việt-nam, nên lần mò lại tìm, làm thế nào lại ngã xuống giỏ hoa nát ngấu.

Thịnh lẩm nhẩm, có lý nào lại cô ta, không chừng cô ta đi theo xuống Pusan, cô ta nói có người chị ở đây.

Nhưng rồi Thịnh không thể nghĩ gì thêm về cô gái mù.

Cơn mưa vẫn trút xuống triền miên, như ý nghĩ Thịnh, trong im, đã nói và nghe lại những câu chuyện đã tắt chìm bên kia bờ lục địa.

•

Trời hình như sáng lên ở thế giới ngoài khi Ying thức dậy và ngửi thấy mùi gió biển mát rượi. Bọn người trong xe nhốn nháo nói chuyện về những cuộc vui buổi tối nay. Họ nói đến cô phóng viên. Và bàn tán đến những chuyện không mấy tốt đẹp về cô ta những ngày vừa rồi. Nào là nàng tới từ chiều và ở lại trên tầng thứ hai mươi mốt, trong hàng ăn đã đóng cửa, với những người đàn ông ngoại quốc, uống và hút thuốc như điên, cười nói ầm ĩ. Nào là nàng đã tới dạ hội đêm qua với chiếc váy ngắn quá mỏng. Nào là nàng chào hỏi thật suồng sã những người vừa mới quen. Nào là suốt cả tuần nay tối nào nàng cũng mời cả bọn bạn trai về nhà, ăn uống nhảy nhót và làm huyên náo cả một khu phố. Những điều đó thì Ying biết rõ hơn ai hết, dù không thấy gì, vì cô phóng viên ở phía trước nhà nàng, chỉ cách có một bức vách mỏng. Thỉnh thoảng cô ta lại ló đầu qua khung cửa, nhờ Ying một vài việc vặt, khoảng hai ba giờ sáng. Cũng như có khi, bất thần, tìm cách đuổi Ying đi chỗ khác, và lý do thì Ying không bao giờ can đảm nghĩ cho tận cùng. Chỉ biết là Ying không vâng lời, cô ta có nhiều cách để không cho Ying bám sống đằng chái nhà sau của cô ta nữa. Đôi khi Ying vẫn nghĩ, nếu vì một phép lạ nào, hai mắt Ying không mù lòa nữa, chắc chắn là cô ta không bao giờ dám để Ying ở gần, dù là đằng sau. Không một người nào có thể chịu đựng một nhân chứng, dù yên lặng và hiền lành chừng nào, trong một đời sống náo loạn và bê tha như thế. Nghe những tiếng cười và câu nói của cô ta vọng lại thì cũng đủ đoán hiểu. Nhưng nhiều năm rồi quen đi, Ying nhận ra là mình nghiện ngập những âm thanh quen thuộc kia, đến không thể sống thiếu nó. Những âm thanh, đánh thức và kêu gọi người con gái tìm tới những miền xa lạ từ cõi mù lòa câm lặng một mình. Trong yên lặng chịu đựng, Ying tưởng tượng được tất cả những gì đang xảy ra bên kia bức vách mỏng cho đến một lúc nàng tưởng chừng mình cũng tham dự phần nào đời sống của cô phóng viên, và mình chính là một phần của nàng. Nhưng sự thật

là nàng không có gì hết. Ngày nào cũng chừng ấy thôi. Hai bàn tay chai lì và lạnh lẽo với công việc quen thuộc lập lại. Những cánh cửa phòng mở ra khép lại. Những cánh tay những ống chân. Những câu hỏi và trả lời ngắn ngủi với khách, thường thường là lập lại, vớ vẩn không nghĩa lý. Sự bình thường và quen thuộc kia mỗi lúc như nung nấu trong lòng nàng một nỗi ao ước khó hiểu và lu mờ. Nàng mong. Không thể hiểu là mong gì, nhưng làm rộn ràng trái tim và bước chân mỗi một lần đi tới công việc. Họ ngoài kia nói chuyện trả lời với nhau, cười đùa và ca hát với nhau, dễ dàng, suông sẻ, như họ thở khí trời đầy ngập xung quanh. Còn Ying thì như bị đày đọa trong một thế giới tối tăm thinh, tối mịt. Như một thứ súc vật nào đó. Một đồ vật nào đó, và sự có mặt của Ying cũng vô nghĩa đến nỗi người gần gũi không chút dè dặt e ngại. Nàng biết điều đó. Bằng những buổi tối dài nghe cô phóng viên trò chuyện nhảm nhí, cười cợt với một người nào phòng ngoài. Bằng những cử chỉ của họ mà Ying có thể phác họa ra được nhờ những tiếng động cỏn con nhất. Đôi khi Ying đỏ mặt xấu hổ tự hỏi vì sao mình dò xét và nghe ngóng. Những hình ảnh đó, trong trí tưởng, như hòa lẫn quay cuồng với hình ảnh ngày xưa kia đã trông thấy ngoài cửa rừng, thời lớn lên, giữa người anh nuôi và người chị. Nó nhen nhúm, như ngọn lửa, và cũng cháy bùng lên như ngọn lửa, nhưng bây giờ đen tối, mịt mù trong hai mắt không còn thấy đường.

Bây giờ thì ngọn lửa đang cháy, sáng hồng, và Ying nghe trong gió tất cả hương thơm mênh mang của đồng ruộng và trời xanh những ngày tuổi nhỏ đi qua miền này, khoảng đường thênh thang giữa hai bên biển lớn chạy dài đến vùng khách sạn đằng kia. Hình như mọi điều không hề thay đổi, và cả trong lòng Ying nữa, những oán hờn về người chị cũng đã nguôi ngoai. Sáng mai em sẽ về thăm chị, và anh ấy. Khuôn mặt người anh nuôi ngày cũ, bây giờ Ying cũng không còn hình dung được gì ngoài một nụ cười hiền lành, và hai con mắt thật sáng. Mình có yêu anh ấy không. Ying nghĩ. Mãi đến khi bà chị biểu lộ những hờn ghen thái quá, Ying mới nhận ra thứ tình cảm ngậm ngùi trong lòng từ bé thơ đến khôn lớn về người anh nuôi. Và khi nàng nhận ra đúng và đủ, khuôn mặt dịu dàng và trắc ẩn của một thứ tình ngọt ngào dung dưỡng đời

mình thì ngọn lửa đã cuốn trôi đi tất cả ảo tưởng tuyệt vời của một thời con gái. Nhưng mà từ đó, nàng đã có một thế giới u uất riêng không ai chiếm cứ và cướp đoạt được. Nàng yêu thầm kín một người không hình dung. Bây giờ thì ngọn lửa đã sáng hồng, và nàng đi tới chỗ tình yêu chờ đợi, Ying nghĩ, bồi hồi.

Ying sẽ đem quà tặng nào đó về cho cô phóng viên đã dặn dò những người bạn cho nàng đi nhờ một quãng đường dài đến thế, dài như đi ngược lại cả nửa đời người. Nhưng không phải chỉ thế. Không có những bạn bè đàn đúm của cô phóng viên sáng hôm nay trước chuyến đi thì nàng không thể nào biết tin chàng và đuổi theo. Họ nói những người ở khách sạn, đến sáng nay sẽ theo một phái đoàn đặc biệt gì đó đi Pusan. Đến Pusan họ sẽ ở lại Kukdong một đêm, trước khi đi Taegu và Kyongju ngoạn cảnh. Nàng nói với cô phóng viên, cho tôi đi cùng những người bạn cô, chị tôi làm việc ở khách sạn gần vùng đó.

Và rồi cơn mưa đã bất thần trút xuống khi nàng tới nơi.

•

Người bồi phòng dẫn nàng lên hết cầu thang, rẽ về phía trái. Hắn nói, đó trong phòng cuối cùng đằng kia kìa, cô cứ đi tới hết bức tường, người Việt-nam trong ấy, chính tôi xách va li ông ta lên. Nàng bỗng ngẫn ngơ trong ý nghĩ thoáng đến không thể nào nói ra, có thể nào từ chiều tới giờ, ông ấy đổi sang phòng khác không. Người bồi nói không trách nhiệm, thỉnh thoảng dưới phòng quản lý cũng có thể xếp lộn phòng cho khách và khách phải đổi phòng sau khi tới...

Nhưng rồi những ý nghĩ đó mịt mờ xa đi. Trong trí Ying chỉ còn vọng lên một ý nghĩ tha thiết cuối cùng, tôi muốn nghe lại giọng nói ông, muốn *thấy* lại ông lần nữa, lần cuối cùng. Hôm qua tôi đã tìm ra, nhưng đã để cho mọi điều vuột trôi đi mà không cảm nhận điều gì hết. Bây giờ tôi tìm kiếm và bắt đầu lại phút hôm qua. Tôi sẽ làm lại công việc hôm qua, như đã làm, nhưng không phải như cho một người khách thường tình... Ying mỉm cười. Ông là của tôi, riêng tôi, không ông hay một người nào hay biết điều đó, và chính vì thế tôi

muốn tới để xác nhận với riêng tôi, thật âm thầm, lần nữa, điều mong manh và kỳ dị đó. Rồi ông sẽ đi, sẽ biến mất, và tôi lập lại muôn đời khoảng tối tăm của tôi, nhưng mà đời sống tôi sẽ *khác* đi. Đó là điều cứu rỗi. Chắc chắn. Dù rằng không bao giờ, từ ngày mai, sau Giáng-sinh, sau sự sống lại và chết đi cùng lúc, tôi sẽ không bao giờ còn *nhìn thấy* ông lần nữa, không bao giờ.

Hình như đã khuya, tiếng nhạc vọng từ dưới kia nhắc nhở cõi vui của người đời cách biệt. Ying đẩy cánh cửa không khóa thật nhẹ. Đây là căn phòng cuối cùng. Và *ông ta* trong ấy. Ying mỉm cười đứng im trong cánh cửa một lúc rồi chậm rãi, thong thả đi nhẹ như bóng ma về phía nệm. Nàng quì gối xuống, chờ đợi. Ông ngủ, hay sao im lặng thế, nàng hỏi trong im. Rồi thì bàn tay nàng ngập ngừng đặt lên trên nệm. Có cái gì *đang khác đi* đột ngột trước mắt và trong ý nghĩ Ying. Nàng rụt tay lại, muốn đứng lên, chạy ùa ra khỏi phòng, kêu to một người nào đó. Nhưng không còn kịp nữa. Một giọng nói khàn đục và ầm ĩ quất vào mặt mũi Ying, cùng lúc với cánh tay nào to lớn rà lại sau vai nàng. Trời ơi, không phải, không là ông. Ying lại kêu lên trong im. Và cả người nàng như nghiêng dần xuống một bờ vực thẳm. Rồi thì như cả một rừng lửa đen nặng nề trùm phủ lên khắp không gian trước mặt, Ying chỉ còn đủ hơi sức để kêu lên lần cuối cùng trong im, tôi là người mù mà, tôi là người mù lòa... Ngọn lửa đen tấp kín bốn bề, xô ngã Ying xuống, mùi rượu cay nồng nặc lẫn trong tiếng cười oang oang của người đàn ông to béo. Anh ơi, chị ơi, ông ơi, ông khách hôm qua ơi. Nàng kêu không thành tiếng và nghiến chặt dần hai hàng răng lên lưỡi.

NGUYỄN-THỊ HOÀNG

Văn số 169
Tưởng niệm Phạm Duy Tốn
số kỷ niệm đệ thất chu niên

Hoài Tuyết Trang

Mặc khải

Chuông vàng giọng phúc đêm mơ
vườn hoang hoa nở đúng giờ hiển linh
khuya nay trời đất giao tình
lòng vui theo những hồi kinh lên trời

lửa hồng tỏ rạng đêm vui
tôi nghe mầu nhiệm ra đời trong hang
tình Người nối lại không gian
trần gian chung một địa đàng dấu yêu

với niềm hạnh phúc đang reo
hồn tôi bỗng tháp cánh diều bay cao
tôi lên ngủ giữa bầy sao
nghe nguồn ân sủng ùa vào mênh mông.

Kinh Dương-vương

Bài ca của Tuyết băng

1.

NGÀI ĐÃ SINH RA TÔI GIÁ BUỐT, HƠN HẾT NHỮNG TẤM lòng bội bạc chốn trần thế. Ngài đã phán bảo tôi : « Hãy sinh sản và giữ quả tim băng giá để đón chờ... ».

Tiền thân tôi không là Tuyết băng. Tôi là nước trong mát dịu dàng. Nhưng sau lời phán của Ngài, toàn thân tôi bắt đầu lạnh giá. Máu đang luân chuyển trong các mạch bỗng dừng lại. Búng máu từ buồng tim sắp sửa được đưa đi vội đứng sững ở ngưỡng cửa trái tim : thân thể tôi trở nên trắng muốt, lạnh lẽo vô ngần. Hơi lạnh từ thân thể tôi toát ra khiến các thiên thần đứng gần bên ái ngại... Còn đâu là những ngày vui tôi chạy nhảy nô đùa tung tăng ca hát trên thác ghềnh, tung bọt trắng xóa ven chân đảo xanh bờ cát xa, uốn mình dịu dàng qua khe đá suối rừng hay bốc hơi thành những đám sương mù che mờ vạn vật. Tôi khóc nhưng nước mắt không còn chảy. Nước mắt tôi cũng đã đông cứng lại.

Buổi lễ tiễn biệt tôi diễn ra trong yên lặng. Từ các thiên thần đến các tinh tú, chẳng ai nói một lời chúc tụng. Họ chỉ lộ vẻ cảm động bằng những chớp mắt.

Khi mọi người ra về tôi còn nằm trong lòng tay ấm áp của Ngài. Trước hành lang, mắt buồn vời vợi, Ngài nghiêng bàn tay, tôi rơi vùn vụt vào đêm tối. « Đêm trần gian giá lạnh hơn lòng tôi ». Tôi thầm nghĩ. Nhưng vì lời phán quyết của Ngài, tôi khứng nhận số phận này.

Tôi đem hơi băng giá bao phủ địa cầu, tiêu diệt những mầm non mới nở. Tôi không có một người bạn nào : các chim chóc, hoa lá xanh tươi. Chỉ có những con gấu. Tôi không thích chúng. Chẳng bao giờ chúng biết nghĩ đến sự có mặt của bất cứ ai. Chỉ ăn rồi ngủ vùi như một lũ ngu xuẩn.

Những con nai gạc hồn nhiên hơn, chạy nhảy trên thân thể tôi nhưng chúng cũng không hề biết tôi đã âu yếm dường nào, nâng đỡ bước chân non của chúng. Tôi không thích có những người bạn ngu xuẩn và vô tâm như vậy.

Hạt giống các loài hoa, chẳng bao giờ nữa chúng nẩy mầm trong hơi giá lạnh kinh hồn, và đau khổ hơn là chúng cũng không bao giờ bị hủy diệt.

Trước kia, chúng có một đời sống rực rỡ, khoe sắc màu lộng lẫy, dưới ánh nắng ấm áp ban mai. Nhưng chúng đã héo tàn khi tôi đến. Bây giờ chúng chỉ còn giữ lại những quả tim bé bỏng nằm im khốn khổ trong cõi lòng băng giá của tôi.

Vào những đêm thanh vắng, chúng cất tiếng than van thống thiết. Chúng van tôi hãy trả lại cho chúng ánh sáng và đất mầu thuở ban đầu. Hàng triệu năm trôi qua rồi, tôi sống trong tiếng than van khóc lóc, căm hờn và tuyệt vọng của các loài hoa.

Lòng tôi chua xót khôn lường. Nhưng tôi không thể làm sao khác hơn. Định mệnh tôi nằm trong lời phán xa xăm của Ngài. Tôi muốn bày tỏ cho những mầm hoa đáng thương kia rõ thấu lòng tôi nhưng tôi hoàn toàn bất lực. Tôi không còn tiếng nói, không thể làm một cử chỉ hối lỗi nào.

Tôi sống lẳng lặng trong cô độc. Tôi cô độc, hoàn toàn như lời Ngài phán bảo : « Ta sinh ra ngươi cô độc ». Tôi chính là Cô độc và tôi bỗng oán hận, thù ghét Ngài. Ngài đã dừng lại mọi hoạt động của thân thể tôi nhưng không hủy diệt trí óc tôi cho trở thành vô tri. Ngài còn cho tôi suy tưởng và xúc động. Như thế đối với tôi Ngài đã phạm một trọng tội. Phải chăng đó là sự lầm lẫn không sao tha thứ được ?

Thời gian trôi qua... thân thể tôi lớn lên lan ra bát ngát đến những cõi xa xăm. Và dù ánh sáng mặt trời cố dọi đến ánh sáng chói chang nhưng thật là điều vô vọng. Dưới ánh sáng thân thể tôi lóng lánh như gương và vẫn toát ra hơi giá buốt kinh hồn.

Nhưng có bao giờ tôi tan chảy? Đời đời, chẳng bao giờ có ngày ấy. Ngày tình yêu hoàn toàn chiến thắng ác tâm.

2.

CHO ĐẾN MỘT ĐÊM MÙA ĐÔNG KIA...

Tim tôi tiếp nhận những vang dội êm ái lạ lùng từ chốn xa xăm đưa lại khiến lòng tôi bồi hồi xúc động. Tim tôi rung lên như một dây tơ thẳng có tay ngà chạm đến. Xúc động tăng dần lên cho đến lúc tôi hầu như sắp bất tỉnh. Âm vang kỳ bí mỗi lúc đến gần hơn và tôi nhận ra tiếng động bước chân người. Tim tôi thôi dồn dập, niềm cảm xúc bỗng lắng xuống đồi ra êm dịu tựa vuốt ve. « Ôi! Tiếng chân người sao êm ái quá! » Tôi thầm nghĩ. Nó không giống chút nào với những bước đi nặng nề của gấu, dồn dập như của bầy nai gạc và cần trọng của các tay thám hiểm. Tất cả lũ đó dày xéo lên thân thể tôi không chút xót thương — Không!... Bước chân người khoan thai êm ái nhân từ như tâm hồn một dòng sông sóng lặng. Bước chân càng đến gần tôi cảm thấy thân thể tôi thu nhỏ lại.

Nhưng ai thế? Ai mà giữa đêm giá buốt nầy lại lạc bước đến chốn hoang vu? Người đến với tôi chăng hay chỉ là một khách lãng du quên dừng gót trong Đêm Giá? Ai mà trong Đêm-đoàn-tụ nầy lại tìm đến với Cô đơn?

3.

HỠI ÔI! CHÍNH LÀ CHÀNG! THOẠT TRÔNG THẤY CHÀNG tâm hồn tôi bỗng rụng rời. Chính là chàng, nhưng sao trông thân thể chàng tiều tụy và thiều não dường kia?

Chính là chàng, tôi không sao lầm lẫn được. Trước kia tôi đã từng trông thấy chàng khi chàng hãy còn là một tượng đất trong căn phòng sáng tạo của Ngài. Chàng chỉ là một hình nhân. Trên đài trán cao mịn phẳng của chàng, Ngài đã khắc ghi dòng chữ : « Cùng với muôn loài đã tạo dựng, ta tạo dựng ngươi. Bổn phận ngươi là phải gieo rắc tình thương yêu của ta trong những tấm lòng bội bạc. Hãy đem hơi ấm của tim ta đến sưởi những trái tim người băng giá. Hãy ca ngợi Đau khổ, Bác ái, ca ngợi Hy sinh và Sự thật. Mặc khải ta cho muôn loài. Và cuối cùng hãy ca ngợi Mặt trời. Phải, Mặt trời là mắt nhân ái của ta sẽ theo dấu bước chân ngươi. Ngươi có tên là Nghệ Sĩ ».

Ôi ! Chàng chính là chàng Nghệ sĩ mà trước khi tôi trở thành Tuyết băng chàng hãy còn là một tượng đất vô tri.

Ngài đã cho tôi ra đời trước chàng để gieo băng giá vào lòng người. Phải chăng đó là dụng tâm của Ngài ? Bây giờ chàng đang đứng kia, nhẹ nhàng trên thân thể tôi tưởng chừng như không có sức nặng nào nơi chàng cả. Phải, chàng không có sức nặng vì thân xác chàng được cấu tạo bằng Tình Thương. Tôi đỡ chàng nhẹ hẳng bởi chàng thanh thoát hơn một làn hơi tinh khiết.

•

Từ bao năm thân thể tôi giá lạnh, tôi là Tuyết băng đông cứng. Nhưng từ khi chàng hiện đến tôi là Tuyết, hóa thân trong ân sủng hiến dâng. Ân sủng đó chính là hơi ấm của tình thương từ thân thể chàng tỏa ra bao phủ lấy tôi, hơi ấm trong lòng bàn tay Ngài ngày xa xăm nọ...

Chàng đã gầy ốm hẳn đi so với bức tượng tôi trông thấy. Tóc chàng rối bời. Áo quần xốc xếch như chẳng bao giờ chàng có thì giờ để ý đến. Hai cánh tay dài buông xuôi, những ngón tay gầy guộc : hiện thân chàng của một người tuyệt vọng. Ngoài thứ hơi ấm bất tuyệt tỏa ra chung quanh chàng, ngoài cặp mắt sâu, âm u như hai miệng hố thẳm còn le lói trong đáy đóm lửa sắp tàn, nơi chàng tôi chẳng còn nhận ra chút nghị lực nào.

Tôi đau đớn nghĩ đến Ngài cùng những lời ủy thác dường như chàng đã quên. Chàng tàn tạ như một đóa hoa sắp rụng. Đôi

mắt âm u của chàng hướng về cõi trời cao, nơi quê hương xa cách, dõi đến hình bóng Ngài tuyệt vọng. « Xin Ngài đem con trở lại chốn quê hương ». Lời cầu nguyện ảo não của chàng làm cho tâm hồn tôi đau xót. Thế là hết. Chàng chẳng còn thiết tha đến lời ủy thác của Ngài. Chàng đã làm cho Ngài thất vọng.

Chàng thẫn thờ lê những bước chân mệt nhọc trên tuyết giá. Chàng ngã quỵ.

Sung sướng thay tôi được ấp ủ thân thể chàng. Nhưng niềm sung sướng không lướt thắng được nỗi buồn rầu đau khổ vò xé tâm hồn tôi. « Ta phải nói cùng chàng », tôi nghĩ. Tôi có bổn phận phải nhắc lại lời Ngài đã khắc ghi trên trán chàng và lọng trọng thốt ra từ miệng Ngài nơi Ngưỡng-Cửa-Chia-Ly.

Trong niềm kính trọng, run sợ uy lực chàng — dù là thứ uy lực sắp tắt hơi — tôi khẽ gọi tên chàng : « Hỡi Nghệ sĩ ! Hỡi Nghệ sĩ ! ». Chàng không nghe, đôi tai chàng còn cố sức lắng nghe thông điệp Ngài nhắn gởi. Tôi lại gọi chàng : « Hỡi Nghệ sĩ, em là Tuyết băng đây. Chàng có nhận ra em chăng ? » Chàng ngẩng đầu lên, mắt ngỡ ngàng, đôi môi xanh tái, chàng mấp máy. Chàng lên tiếng, lời thì thầm như hơi gió thoảng. Nhưng tôi đã nghe từ lúc chúng hiện ra trong tâm trí chàng. « Ai ? Ai gọi ta ? Ai gọi tên ta trong chốn hoang vu lạnh giá ? » « Chính em, Tuyết băng đây, đứa em đã được Ngài cho ra đời trước chàng ». Chàng ngã đầu xuống, những ngón tay gầy bốc lên từng ngụm tuyết trắng ve vuốt trong tay. « Chàng có nhận ra em không, Nghệ sĩ ? Sao vẻ mặt chàng lại lạnh lẽo dường kia ? » — « Hỡi Tuyết băng ! chàng cất tiếng, ta đã từng nghe Ngài nhắc đến ngươi. Ngài cho ta biết quyền lực lặng lẽ của ngươi. Nhưng ta không ngờ, ta không thể tưởng tượng ra cái uy lực khủng khiếp của giá buốt mà ngươi đã toát ra bao trùm cả địa cầu, len lỏi vào nằm trong từng trái tim các con cái của Ngài ». « Chính em sao ? Hỡi chàng ! » Tôi thảng thốt kêu lên. « Đó chỉ là bổn phận, đó chỉ là uy lực của lời Ngài phán bảo ». « Phải, chàng trả lời, đó là một lầm lẫn của Ngài, đã cho ngươi ra đời trước ta. Đã cho Băng giá ra đời trước Tình yêu và Ánh Sáng. Ngươi không có lỗi nhưng chính Ngài đã lầm lẫn. Từ hàng bao triệu năm qua, ta cố đem hơi ấm của tình thương Ngài đến sưởi những trái tim vô cảm, nhưng ta đã hoàn toàn thất bại. Băng giá đã ngự trị cùng khắp trong tim, trong óc, trong máu huyết

con người. Ta không làm sao có thể đẩy lui sự lạnh nhạt hờ hững ra khỏi tâm hồn tăm tối đáng thương của họ nữa ! »

Tôi khóc : « Sao chàng lại sớm nản lòng ? ». « Ta đã kiệt lực, ta chỉ còn giữ lại cho mình một chút hơi tàn để có thể trở lại với Ngài. Xin Ngài cho ta về lại chốn cố hương, trở thành một tượng đất như xưa.

— Nhưng cớ gì khiến chàng tuyệt vọng dường ấy ? Tôi âu sầu hỏi.

— Ta có vô số những kẻ thù quấy phá : Ngu muội, Hờ hững, Ác tâm. Đó là những con cái sinh ra từ cõi lòng giá lạnh không có chút tình thương của ngươi. Chúng giả danh ta, tự nhận lấy trọng trách của Ngài giao phó cho ta làm nhơ nhuốc thanh danh ta. Bọn giả danh mang mặt nạ tình thương, bác ái, nhân nghĩa giấu sau những khuôn mặt quỷ sứ đầy dẫy cả địa cầu. Ta bị thất thế, lầm lẫn trong bọn đó dù ta đã cố chiến đấu đến mòn hơi. Tiếng nói tình thương phát ra từ miệng ta không che lấp nổi những lời giả dối được phóng đại bằng những bộ máy trên khắp cùng mặt đất.

— Hỡi Nghệ sĩ ! Xin chàng chớ nản lòng. Loài người còn cần đến chàng — như họ sẽ nhận ra chân lý — Chân lý thì duy nhất. Rồi mọi điều giả trá sẽ hiện nguyên hình và sẽ phải bị tiêu diệt. Chân lý sẽ tỏ lộ như trăng rằm. Đó là giờ phút vinh quang của chàng. Giờ phút chàng hoàn thành sứ mạng.

— Nhưng ta đã chiến đấu và ta đã kiệt lực. Thôi hãy để ta yên nghỉ, hỡi Tuyết băng.

— Xin chàng hãy nghe em, lời nói bằng máu lệ cuối cùng nầy. Tôi nói trong nhiệt thành khẩn thiết. Chàng phải lên đường, em van, chàng phải tiếp tục sứ mạng cho đến ngày hoàn tất.

— Thôi hãy để ta chết lặng lẽ, hỡi Tuyết băng !

— Nghệ sĩ ! Xin chàng hãy nghe em, lời nói máu lệ cuối cùng nầy. Chàng phải lên đường tiếp tục cuộc chiến đấu. Chàng chưa thấu triệt ẩn ý của Ngài trong dụng ngữ Hy Sinh ; chàng còn giữ tàn lực để trở lại cùng Ngài. Chàng chưa thấu rõ ẩn ngữ khốc liệt đó. Hỡi Nghệ sĩ ! Hãy tiêu diệt tàn lực, tiêu diệt tàn lực cuối cùng. Hy sinh chính là một ẩn ngữ của Ngài.

Mắt chàng sáng rực lên. Trong hai hố mắt đen đóm lửa ấp tàn cháy bùng lửa ngọn. Nhưng từ đó tuôn xuống hai dòng lệ đỏ.

— Ta còn sức lực đâu với thân xác tiều tụy nầy để trở lại cõi đời ?

— Xin chàng hãy gửi xác thân chàng em ấp ủ. Chính trái tim chàng sẽ ra đi.

Ngọn lửa trong mắt chàng bốc cao lên rực rỡ.

— Ta cảm tạ Tuyết băng.

Chàng cào vào lồng ngực moi lấy quả tim đỏ thắm máu thoi thóp liên hồi. Máu ấm của chàng tuôn xuống nhuộm hồng thân thể trắng muốt của tôi.

— Hỡi Tuyết băng ! Giọng chàng quả quyết. Chào vĩnh biệt, ta đi đây.

Xác chàng ngã xuống trên thân thể tôi và trái tim chàng rực sáng chói chang ánh lửa không ngọn. Tôi sung sướng ấp ủ xác chàng và cảm động cất lời ca : « Xin giã biệt trái tim Nghệ sĩ. Hãy lên đường bình yên với lửa ấm can cường. Hoàn thành lời ủy thác của Ngài ».

•

LỜI GIÓ BẮC

« Ngọn lửa đã thiêu rụi quả tim chàng tạo thành cơn bão lớn. Cơn bão gieo rắc tình thương như hạt mầm trên khắp các ngõ ngách địa cầu. Mầm cây tình thương đã ăn sâu vào lòng đất. Chàng đang hoàn thành sứ mạng. Chàng biết hòa mình trong nhân loại để vượt thắng. Lặng lẽ, khiêm tốn nhưng đầy cương nghị. Chàng xem thường hơi giá buốt của Tuyết băng. Bên ngoài, ngọn lửa ấm của tình thương, chân lý càng bốc cao hơn. Chàng đã làm chảy tan Hờ hững, xua đuổi Ngu muội và Ác tâm ra khỏi lòng người. Chân lý đã lần hồi tỏ rạng. Chàng gởi lời cảm tạ ngươi : Tuyết băng và chào vĩnh biệt. Vì chính nhờ ngươi mà sự chiến thắng của chàng quang vinh hơn.

Chàng cũng gởi lời chào vĩnh quyết đến Ngài, vĩnh biệt cố hương. Chàng đã chọn quê hương mới. Ở đó Đau khổ do

Ác tâm gây nên đang tàn phá cần đến sự hàn gắn của chàng. Chàng đã sinh ra nhiều con cái có những trái tim cháy bỏng trên khắp mặt địa cầu, truyền lại cho chúng lời ủy thác của Ngài. Chàng đã len lỏi nằm bên cạnh trong mọi trái tim vô cảm của loài người. Đem hơi ấm của tình thương sưởi ấm lên dòng máu lạnh ».

Gió Bắc thổi qua...

Nước mắt tôi rơi xuống. Giọt nước mắt cuối cùng đã ngưng đọng từ hàng triệu năm đã tan chảy do niềm sung sướng Gió Bắc vừa mang lại. Chẳng bao giờ tôi còn nhỏ được một giọt nước mắt nào khác nữa. Tôi không còn cảm thấy cô đơn : tôi ấp ủ xác chàng như kỷ vật đời đời. Tôi khấn thầm lời nguyền vĩnh quyết : « Em ấp ủ thân xác chàng trong lòng em cho đến muôn đời ».

Đêm Giá ! Đêm trần gian giá lạnh nhưng từ nay sự giá lạnh sẽ bị đánh tan đi bởi ngọn lửa rực rỡ chói chang của trái tim chàng Nghệ sĩ.

KINH DƯƠNG-VƯƠNG

Sách **HIỆN ĐẠI** đã phát hành :

- ĐÊM HÈ
  truyện Nguyễn-đình Toàn
- TIẾNG ĐỘNG
  truyện Thanh-Tâm Tuyền

MP

Khê Kinh-Kha

Mùa thiêng liêng

cho T. T. Vượng

em yêu, giờ này hẳn cũng gần giữa khuya nơi quê nhà
em co ro buồn nghe từng hạt sương cựa mình trên tàu
lá chuối
đêm lạnh lùng không có anh ngồi nắm bàn tay lạnh bên em
anh mong em đừng tủi khóc nghe em
em hãy đến quỳ bên chân Đức Mẹ
chờ đến giờ tình thương giáng thế
rồi nguyện cầu thầm trong lòng
nguyện cầu cho một buổi sáng mọi người đổ xô ra đường
phố trao nhau nụ cười
nguyện cầu cho một buổi trưa bạn bè trở về
nguyện cầu cho một buổi tối bên mâm cơm có đủ người
thân yêu

em yêu, giờ này hẳn là lúc em ngồi chờ giờ chuông đổ
tiếng chuông báo giờ nhiệm mầu
em hãy ra sau vườn cắt những nhánh hoa vừa nở
lựa chiếc áo dài tím mầu hy vọng
rồi đi lễ như ngày xưa có anh
em hãy quỳ thật im lặng trước hang đá
cầu nguyện cho những người đã chết
cho những người còn sống trôi giạt
cho tình yêu dang dở nước mắt chia lìa
cho ruộng vườn ao rạch lũy tre
cho lúa mạ ngô khoai tôm cá
cho tuổi trẻ cho người già
cho sự thật và một ngày hòa bình

em yêu, giờ này hẳn em mệt mỏi, đi vào giường ngủ
chiếc giường vắng lạnh cô đơn quá đỗi
em cũng rán quỳ xuống một lần cuối này
nguyện cầu lần nữa nghe em
bởi vì đất nước bây giờ lắm điều không tưởng tượng nổi
làm sao em nguyện hết trong giờ thiêng liêng.

khê kinh-kha

Nguyễn Thiếu-Nhẫn

Quà tặng sinh nhật

Người đàn ông với khuôn mặt thất thần, hốt hoảng — như vừa ra khỏi giấc mơ kinh hoàng — đi một mình qua cô nhi viện. Chàng dừng lại và hỏi han một cô bé đang đứng khóc một mình cạnh ghế đá công viên. Cô bé nước mắt ràn rụa tức tưởi kể cho chàng biết là cha cô định tìm cách bỏ rơi cô ở cô nhi viện mặc dù ông có hứa là mỗi chủ nhật sẽ đến đón. Người đàn ông dỗ dành : « Thôi em nín đi đừng khóc nữa ». Cô bé đưa vạt áo lau ngang dòng nước mắt và nói-như-một-người-lớn : « Em biết là cha em đã lừa dối em, ông đã bỏ rơi được em và ông sẽ không bao giờ trở lại đây nữa ». Người đàn ông an ủi cô bé và hứa mỗi chủ nhật sẽ đến đón cô. Chàng lựa một viên sỏi đẹp nhất trong những viên sỏi đang nắm trong tay đưa tặng cô bé. Cô bé đôi mắt đã thôi ngơ ngác nhoẻn miệng cười.

Les dimanches de ville d'Avray — *những ngày chủ nhật ở thành phố d'Avray bắt đầu. Và sẽ chấm dứt vào đêm Noel.*

Nguyễn vẫn có ý định trong một năm nào đó vào đêm lễ Giáng sinh sẽ trở về thành phố và vào lúc nửa đêm sẽ một mình đứng dưới cội thông già nghe tiếng chuông nhà thờ đổ dồn trên gác thánh và ở đó ; sẽ sống lại trọn vẹn những kỷ niệm của thời thơ ấu đêm Giáng sinh trùm chăn ngủ sớm để sáng ra thức dậy được quà tặng mà đêm hôm qua ông già Noel đã chịu khó đi từ

ống khói xuống mang cho. (« Nhưng nhà mình không có ống khói không biết ông già Noel sẽ đi từ ngõ nào để cho quà tặng ? » vẫn thắc mắc hoài điều này và được chị Lan giải thích : « Thì ông già Noel mang theo cái ống khói và ông sẽ xuống từ cái ống khói đó chớ làm sao nữa ». — « Bộ thiệt vậy hả chị Lan ? » — « Chớ chị nói dối Nguyễn mà làm gì ». Chị Lan vừa nói vừa cười. Sau này lớn lên mới biết làm người lớn cũng có nhiều điều thú vị lắm). Khi kết xong chiếc bóng đèn màu hồng cuối cùng cho cây thông đêm Noel, quay lại Nguyễn bắt gặp My ôm cặp đứng ở cửa ra vào. Không biết cô bé về từ lúc nào mà làm im như vậy. Nguyễn đưa tay làm một cử chỉ :

— Về từ lúc nào sao chưa vào cất cặp mà còn đứng ở đó, cô bé ?

My chúm đôi môi lại :

— Chú thiệt hèn ghê, My vừa về thấy chú đang lui cui, My định... hù cho chú giựt mình chơi thì vừa lúc chú quay lại.

Nguyễn nhăn mặt :

— Ghê thế à ? Cô bé có ý định ghê gớm như thế à. Vậy thì bây giờ tôi lại quay lại và lui cui... *bis* cho người ta hù tôi giựt mình chơi, chịu không ?

My lắc lắc cái đầu :

— My chả dại, bây giờ chú biết rồi, My có hù mấy chú cũng chả giựt mình một chút nào hết.

Nguyễn làm ra vẻ ngạc nhiên :

— Sao người ta biết là tôi sẽ không giựt mình một chút nào hết, sao người ta lại... hay thế nhỉ ?

My chun chun mũi :

— Xin các hạ đừng hỏi tại sao.

Nghe My nói Nguyễn có thoáng ngạc nhiên, rồi thôi. Chàng nheo nheo mắt và cười trêu My. My có thấy nhưng cô bé tảng lờ đi. Cứ mỗi lần « tranh luận » và cảm thấy là sắp thua « Chú Nguyễn » My vẫn thường áp dụng cái « chiến thuật » lờ đi đó. Hai tay vòng ra sau lưng, chiếc cặp đong đưa trên tay, cô bé đưa mắt nhìn khắp phòng. Cô bé đang tìm cách trêu Nguyễn. Mắt cô bé dừng lại ở cây thông — cây thông Noel với những tòng tụi kết

bằng kim tuyến, với những bóng đèn màu xanh đỏ mà Nguyễn đã cặm cụi giăng kết suốt từ trưa đến giờ.

My mỉm môi hỏi :

— Chú Nguyễn mua cây thông nầy ở đâu vậy chú Nguyễn ?

Biết là cô bé định trêu mình, Nguyễn giả bộ nổi giận :

— Sao tôi lại mua cây thông nầy ở đâu nhỉ, chớ bộ tôi không biết làm sao.

My vẫn tỉnh bơ :

— Chú mà biết làm à ? Vậy sao hôm nọ cái vòi nước bị hư có sì sì mà tới chừng chú sửa thì nước nó chảy ra tràn lan phải nhờ tới ông thợ sửa ống nước vậy ?

Nguyễn quơ quơ tay :

— Cái đó thuộc về máy móc chú đâu có rành, còn cái nầy thuộc về... văn học nghệ thuật chớ bộ.

My xoay người trên một chân quay nhìn lại Nguyễn :

— Nói vậy cái cây thông... văn học nghệ thuật nầy là chú làm chớ không phải mua sao, vậy mà My đâu có biết. Thôi My xin lỗi chú nghe.

Cô bé vừa nói vừa mỉm môi cố nín cười. Nguyễn cũng bắt tức cười nhưng chàng cố làm mặt nghiêm. Lúc quay lại cô bé không nén được tiếng cười. Nguyễn cũng không nén được tiếng cười. Có tiếng dép lẹp xẹp từ dưới nhà, rồi tiếng của bà mẹ My :

— Hai chú cháu có gì vui mà cười dữ vậy. My sao con không cất cặp, tắm rửa rồi còn ăn cơm. Ở đó mà phá chú Nguyễn hoài.

Thành phố đang ở vào những ngày mùa Đông. Tuyết rơi phủ đầy mặt đất. Những cành cây mùa Đông trơ trụi lá. Người đàn ông nắm tay cô bé chạy qua khu rừng. Thỉnh thoảng cô bé dừng lại ở phía sau, nấp vào một gốc cây chơi trò « ú tìm » với những thằng bé cùng lứa tuổi. Người đàn ông dừng lại đi tìm và dằng cô bé ra khỏi vòng tay của những thằng con trai với vẻ ghen-tức-không-dằn-được. Cô bé nhìn chàng và cười — cái cười như-một-người-lớn. Họ ngồi xuống bên bờ hồ. Cô bé ném những viên sỏi xuống hồ gây thành những vòng tròn — những vòng tròn lớn dần rồi tan biến mất. Cô bé hỏi :

— Anh *bao nhiêu tuổi ?*

Người đàn ông vẽ một con số trên mặt tuyết. Cô bé nhìn và lầm nhẩm tính. Một lúc cô bé nhìn người đàn ông và nói như một người lớn :

— Anh *băm mốt*, em *mười ba*. *Năm năm nữa* anh *băm sáu*, em *mười tám*. *Vợ chồng ở tuổi đó tuyệt đẹp*, anh có thấy như vậy không ?

Người đàn ông trố mắt nhìn cô bé, cô bé chun mũi trêu chàng. Và hai người cùng phá ra cười.

Họ đã sống những ngày chủ nhật thật hạnh phúc. Họ đã sống hồn nhiên như cây cỏ.

Chàng là phi công thời chiến đã đánh mất dĩ vãng trong một lần ném bom oanh tạc một làng ở Á châu : tiếng thét não nùng trong lửa đỏ của những người chết là nỗi ám ảnh không rời trong lòng chàng. Và nàng là một cô bé bơ vơ trong cô nhi viện. Họ đã gặp nhau và đã yêu nhau qua lần gặp gỡ đầu tiên : Những tâm hồn cô quạnh *đã gặp nhau cho đời thôi cô quạnh.*

Hôm nào người bạn nói : Về trên đó cậu ở nhà bà chị mình là tiện nhất, để mình viết thư cho bà chị hay. Nhà dễ tìm lắm : cứ đường Hùng Vương đi thẳng. Nhà ở cuối đường. Ngôi nhà nào có trồng nhiều bông mười giờ là nhà bà chị mình. Con cháu nó thích bông mười giờ lắm nên trồng đầy cả nhà. Cô bé lại thích làm thơ nữa : tha hồ cho mà đấu hót. Tôi sẽ viết thư cho nó biết cậu là nhà báo nữa chắc là cô bé thích lắm. Tôi nói, xong rồi nhưng mà cậu đừng có bốc thơm tôi là nhà báo, vả lại tôi đã rửa tay gác bút lâu rồi mà. Người bạn cười khì khì : nhưng mà người ta cũng căn cứ vào nghề nghiệp của cậu trước khi vào lính chớ.

Và tôi đã trở về đây. Và đã tìm đến ngôi nhà có thật nhiều bông mười giờ. Và bà chị của người bạn đã tiếp đãi tôi rất là niềm nở, ân cần. Bà nói, cậu là bạn của Vũ, cậu cứ ở đây và coi đây như là gia đình, đừng khách sáo gì cả. Tôi có nhận được thư của Vũ, cậu là bạn thân của Vũ kể cũng lạ lắm đó. Hồi đó giờ hắn kén bạn lắm, hắn nói chơi thân với một người nào lúc phải xa nhau vì một lý do nào đó buồn lắm, vì vậy nên hắn không có bạn.

Buổi chiều chủ nhật thật vắng lặng. My và bà mẹ đi đâu vẫn chưa thấy về. Nguyễn một mình trong ngôi nhà vắng đốt thuốc

hút và suy nghĩ lan man. Vậy mà tôi đã ở gia đình này gần cả năm rồi. Lại thêm một mùa Đông.

Nguyễn nhớ hôm đầu tiên chàng dọn đến đây. Gia tài là một chiếc va ly đựng mấy bộ quần áo và bản thảo của mấy cái truyện ngắn viết đã mấy năm rồi chưa xong. Nguyễn nhớ rõ buổi trưa hôm đó khi khệ nệ mang những đồ đạc đó đến đây Nguyễn gặp My đang ôm cặp đứng ở cầu thang. Cô bé kéo ngang sợi tóc ngậm trên môi hỏi :

— Bộ chú dọn tới đây ở luôn hả ? My có nghe má nói chiều hôm qua. Bộ chú viết báo hả ? My có đọc thư của cậu Vũ. Hôm nào chú đăng giùm My mấy bài thơ nghe. My làm cả tập thơ nhưng mà không có gửi đăng ở đâu cả, My ghét cái câu : « Bài đã nhận được.. Đang xem. Xin gửi cho những sáng tác mới. » quá chừng. Chiều nay chú đi làm hay ở nhà ?

Cô bé đã hỏi một thôi dài làm Nguyễn không biết đường nào mà trả lời. Nguyễn còn đang lúng túng thì cô bé đã nói tiếp :

— Chú trả lời đi chớ, bộ chú cho là tôi không đáng nói chuyện với chú hả ?

Nguyễn lật đật đính chánh :

— Không dám đâu, tôi không dám nghĩ vậy đâu, tại cô hỏi nhiều quá, tôi đang suy nghĩ không biết phải trả lời câu nào trước.

Cô bé nhoẻn miệng cười :

— Vậy thì được.

Có tiếng người đàn bà từ trên gác vọng xuống :

— Gì đó My ? Tới giờ chưa sao con chưa đi học... A, con nói sao... cậu Nguyễn tới rồi à. Sao con không phụ mang giùm đồ của cậu vô mà ở đó hỏi lu bù vậy. Không sợ cậu ấy buồn hay sao ?

Nguyễn cười cười nói với cô bé :

— Tôi không dám buồn cô đâu. Thôi cô đi học chiều về mình nói chuyện tiếp.

Cô bé đi ra tới cổng còn quay lại nói :

— Chiều chú nhớ ở nhà nghe chú.

Nguyễn đưa đưa tay :

— Tôi nhớ rồi mà.

Nguyễn vẫn nhắc lại chuyện nầy và cô bé có vẻ mắc cỡ.

Theo lời giao ước thì Nguyễn sẽ viết tặng cô bé một cái truyện ngắn trong mùa Giáng sinh năm nay nhân ngày sinh nhật của cô bé (một sự trùng hợp kỳ lạ là sinh nhật của cô bé cùng ngày với sinh nhật của Nguyễn), bù lại My sẽ cho Nguyễn biết tựa cái tập thơ của cô bé mà cô bé dự định sẽ tự xuất bản vào cuối năm nay.

Cô bé nói với Nguyễn :

— Thơ con gái bán chạy lắm, chú có nhận thấy điều nầy không ?

Nguyễn không biết điều nầy có đúng không nhưng chàng cũng ừ ào cho xong chuyện. Cô bé trề môi nói, sao mà chú... yếu quá chừng, có chuyện vậy mà cũng không biết ; vậy mà cậu Vũ nói chú... cừ lắm, My thấy chú không cừ một chút nào hết.

My và bà mẹ vẫn chưa về. Nguyễn đi ra đi vào ngôi nhà vắng lặng và cảm thấy buồn hết sức.

Hình như có tiếng chuông nhà thờ đang ngân vang trong buổi chiều chủ nhật.

Người đàn ông đang leo lên những bậc thang ngừng lại và nhìn xuống. Phía dưới hình như đang quay cuồng. Cơn nhức đầu đang hành hạ chàng. Theo lời hẹn với cô bé đêm nay chàng sẽ leo lên nóc nhà thờ của thành phố và sẽ gỡ con gà bằng gỗ gắn ở trên đó để tặng cô bé, bù lại cô bé sẽ cho chàng biết tên thật của nàng. Chàng cố gắng chống lại cơn nhức đầu, leo lên nấc thang cuối cùng để gỡ con gà. Chàng đã gỡ xong con gà và ngạc nhiên vô cùng khi nhìn xuống phía dưới : cơn chóng mặt đã chẳng còn. Chàng la lên mừng rỡ. Cô bé đang đợi chàng ở chỗ hẹn. Tôi phải nói với em điều tuyệt diệu nầy mới được. Tay cầm quà tặng, tay cầm con dao chàng hăm hở trở lại chỗ của hai người. Hạnh phúc đang chờ đợi chàng ở đó. Cô bé với tên thật của nàng — cô bé thích rượu Champagne vì những cái bọt tăm của nó. Nhưng chàng đã ngã gục khi gần đến nơi hẹn : viên đạn dư luận đã nã trúng tim chàng. Dư luận nghi ngờ và kết án cái tình yêu của chàng và cô bé. Cô bé lao tới ôm lấy chàng và thét lên tiếng thét não nùng : « Thôi từ nay đã chẳng còn ai biết tên thật của tôi nữa cả. »

Hình như đâu đây tiếng chuông nhà thờ rền rĩ ngân vang báo hiệu giờ Chúa Cứu Thế ra đời.

ĐOẠN VIẾT THÊM
GỬI CÔ BÉ CÓ CÙNG VỚI TÔI MỘT SINH NHẬT :

Cô bé,

Lúc đầu tôi nhất định viết tặng cô bé một truyện ngắn viết về một đêm Giáng sinh của một tuổi thơ êm đềm. Một đêm Giáng sinh có tiệc réveillon có thịt gà tây, gan ngỗng, có rượu Champagne bên ánh bạch lạp. Và nhất là có cây thông Noel thật lớn, thật xanh mượt. Cô bé và gia đình thật vui. Nghĩa là một đêm Giáng sinh đầy ơn phước. Nhưng khi đặt bút tôi lại đi viết những điều gì đâu đâu, những điều gì buồn bã quá chừng. Nhưng xin cô bé đừng trách tôi mà tội nghiệp. Mấy lúc gần đây tôi có nhiều điều buồn bã quá. Và ngay cả những ngày xưa tôi cũng không có những đêm Giáng sinh vui nên những điều tôi viết ra như ý định lúc đầu e có điều gượng gạo quá chăng? Vì vậy nên tôi đã viết ra đây chỉ toàn những điều vô vị. Lúc đầu tôi định lấy câu « đêm rơi sao trên tháp giáo đường » trong hai câu thơ :

« Còn ngủ ư ơ trong vú mẹ
Đêm rơi sao trên tháp giáo đường »

của một thi sĩ nào mà tôi đã quên tên để đặt tựa cho cái truyện. Đêm rơi sao trên tháp giáo đường — nghe cũng dễ thương ghê đi nhưng nó lại chẳng ăn nhập đến truyện một chút nào, vả lại nó dài quá nên tôi đã đổi tựa truyện lại như trên.

Cô bé,

Trong cái rét căm căm của những ngày cuối đông năm nay, khi cô bé thổi tắt hăm ba ngọn nến để ăn mừng sinh nhật lần thứ hăm ba trong đời có thể cô bé sẽ nhận nhiều quà tặng và những câu chúc tụng đầy ý nghĩa. Nếu có một tình cờ nào cô bé đọc những dòng vô vị này — (những dòng chữ mà tác giả của nó muốn được coi như một quà tặng cho ngày sinh nhật) — trong một đêm sinh nhật vui, xin hãy vui lòng tha thứ cho tôi.

Thành thật cám ơn !

NGUYỄN THIẾU-NHẪN

Đinh Quang Ngọc

Bài ca Trinh khiết

Em ơi anh muốn chết đêm nay
chết trong đôi giày em đợi quà noël
anh muốn chết đêm nay em ơi
bên cạnh máng cỏ
chết thực sự đêm nay
bên những ngọn nến hồng
bên những dây kim tuyến
vẫn giữ lại cho anh
những nụ cười nghiêng

Em ơi anh muốn được ngủ yên trong tuyết giá
ngủ đơn sơ như những bông perce-neige năm cũ
ngủ an lành như sau giờ yêu em
ngủ như không hề biết

giờ chết vẫn nằm trong tay em mát lạnh
sẽ vuốt mắt anh ngày mai

Hãy để yên cho anh khóc, em yêu dấu
khóc một lần thay cho em
Bởi em vô tội nên em còn được hát bài ca trinh khiết
Bởi em vô tội nên em còn được ném đá lên anh

Em ơi anh muốn được chết đêm nay
chết trong vòng foulard em ấm
chết trong nồng nàn hơi em thở
chết trong môi cười em sáng láng

Em hãy cho anh được sợ một lần
sợ anh, sợ em, sợ những mắt nhìn gian dối
được sợ một lần trước khi nhắm mắt xa em.

ĐINH QUANG NGỌC
(Lausanne, cuối năm 69)

Truman Capote

Một kỷ niệm Giáng-sinh

TRUMAN CAPOTE là một nhà văn thời danh, có sách bán chạy hàng đầu (best-seller) tại Hoa-kỳ trong những năm gần đây.

Bản Việt văn dưới đây được dịch thẳng từ nguyên tác, nhan đề « A Christmas Memory ».

THỬ TƯỞNG TƯỢNG MỘT BUỔI SÁNG CUỐI THÁNG MƯỜI một. Một buổi sáng đầu mùa đông cách đây đã hơn hai mươi năm. Thử hình dung gian bếp của một ngôi nhà tồi tàn, cũ kỹ tại một tỉnh nhỏ. Vật trang hoàng chính yếu là một cái lò sắt lớn màu đen, nhưng ngoài ra còn có một cái bàn tròn lớn, một lò sưởi với hai chiếc ghế dựa xích đu để phía trước. Và buổi sáng hôm ấy lại đúng là buổi sáng mà cái lò sưởi đang bắt đầu phát ra những tiếng rít thường niên.

Một người đàn bà với mái tóc bạc cắt ngắn đang đứng bên khung cửa sổ gian nhà bếp. Bà mang một đôi giày tơ-nít và mặc choàng lên chiếc áo vải mỏng một chiếc áo len đã nhầu. Bà có vóc người nhỏ nhắn và láu táu như một con gà chọi, nhưng hai vai thì lại thật còng, do một cơn bịnh dằng dai hồi

nhỏ. Khuôn mặt đẹp, hơi giống khuôn mặt Lincoln, cũng có nhiều nếp nhăn, cũng sạm lại vì nắng gió, nhưng thon và thanh nhã. Trong đôi mắt màu hạt dẻ có thoáng một nét rụt rè.

Lúc ấy bà kêu lên, hơi thở làm mờ khung cửa kính :

— Ồ, chết chửa ! Đã đến mùa làm bánh cake rồi thôi !

Người đang đứng nghe bà nói câu nói ấy là tôi. Tôi được bảy tuổi. Bà đã ngoài sáu mươi. Chúng tôi có họ xa với nhau và cùng sống một nhà... tôi nhớ mang máng thế. Trong nhà còn có những người khác, những người trong gia tộc, và mặc dầu là những người nầy, đối với chúng tôi, vẫn thích tỏ ra là họ có quyền, vẫn thích làm chúng tôi khổ tâm phát khóc, nhưng chúng tôi thì lại cứ làm ra như không để ý gì bao nhiêu đến sự có mặt của họ. Chúng tôi là hai người bạn rất thân nhau. Bà gọi tôi là Buddy để nhớ đến một cậu bé vốn là bạn thân của bà hồi nhỏ. Người bạn Buddy ấy đã chết năm 1880, lúc bà hãy còn là một cô bé con. Và mãi cho đến bây giờ bà cũng vẫn còn là cô bé con như ngày trước.

Bà quay lưng lại khung cửa sổ. Một sự quyết định hăng hái làm hai mắt bà sáng ngời lên.

— Sáng nay trước khi ngủ dậy tôi đã cảm thấy thế rồi. Tiếng chuông ngoài sân nghe lạnh quá và trong trẻo quá. Không còn chim nào cất tiếng hót. Chúng đã bay hết về những miền ấm áp cả rồi. Đúng thế. Ồ Buddy ! Đừng ngồi đó ngốn bánh nữa, mau đi lấy chiếc xe nôi. Tìm hộ cho tôi nón. Chúng mình còn phải nướng cho xong ba mươi cái bánh.

Bao giờ cũng vẫn thế. Cứ vào một buổi sáng tháng mười. một là bà cô tôi kêu lên : « Đã đến lúc phải làm bánh cake rồi thôi. Đi đẩy chiếc xe nôi, tìm hộ cho tôi nón. » Làm như bà chính thức khai mạc mùa Giáng sinh hàng năm, mùa Giáng sinh đã khơi dậy óc tưởng tượng và thêm lửa cho trái tim đang héo hắt của bà.

Chúng tôi tìm chiếc nón rơm, trên vành nón có gắn một vòng hoa hồng cắt bằng nhung đã phai màu vì nắng gió. Đó là chiếc nón cũ của một bà thích ăn vận sang trong họ. Và chúng tôi xúm lại đẩy chiếc xe nôi cũ ra khỏi vườn, trực chỉ về phía một rặng cây pécan. Chiếc xe vốn của tôi, nghĩa là đã

được mua hồi tôi mới sinh ra. Xe đan bằng mây, nhưng nay thì mây cũng đã đứt và bốn bánh xe lăn xiêu vẹo như chân người say rượu. Tuy nhiên lại là một món đồ vật trung thành. Mùa xuân chúng tôi đẩy nó vào rừng, hái đủ loại hoa lá chất lên để đem về trồng trong mấy chiếc chậu ngoài cửa ngõ. Mùa hạ chúng tôi nhét lên đó những vật dụng đi pic-nic, những chiếc cần câu và đẩy ra tận bờ suối. Chiếc xe lại còn rất có ích trong dịp mùa đông về, chúng tôi dùng nó để tải củi từ ngoài sân vào nhà bếp và để làm thành một chiếc giường rất ấm cho con Quennie, con chó nhỏ lông cứng màu cam và trắng của chúng tôi, rất hay chuột, vừa ốm một trận nên thân và vừa thoát chết sau hai lần bị rắn mai hoa cắn. Hiện giờ thì con Quennie đang chạy tung tăng bên cạnh.

Ba tiếng đồng hồ sau chúng tôi kéo về đến nhà bếp một xe đầy ắm ắp những trái pécan rụng. Chúng tôi nhặt đến mỏi cả lưng, vì công việc không dễ dàng gì (các chủ vườn, dĩ nhiên không phải là chúng tôi, đã cho hái hết các trái chín và đem bán). Chúng tôi chỉ nhặt được những trái còn sót lại, nằm ẩn dưới lớp lá, trong các đám cỏ bất trắc và lạnh buốt. Rắc, rắc, rắc. Những tiếng rắc vui tai, những tiếng sấm thu nhỏ, khi lớp vỏ cứng vỡ ra và đống hạt màu ngà vàng ửng, béo một cách dịu dàng, hiện ra cao dần trong chiếc chén thủy tinh thường dùng đựng sữa. Con Quennie đòi nếm thử, thỉnh thoảng bà bạn tôi bẻ cho nó một miếng nhỏ và cho thấy là chúng tôi đã phải nhịn để chiều ý nó: « Không nên thế, Buddy ạ! Nếu chiều thì không biết phải chiều đến đâu mới hết. Ngần nầy có lẽ chỉ vừa đủ. Mà nào có ít oi gì, đến những ba mươi chiếc bánh! »

Gian bếp tối dần. Trời hoàng hôn biến cửa sổ thành một tấm gương, bóng chúng tôi lẫn vào bóng con trăng đang lên trong khi chúng tôi loay hoay làm việc bên ánh lửa trước lò sưởi. Và đến lúc trăng đã lên thật cao chúng tôi ném mấy chiếc vỏ pécan cuối cùng vào trong đống lửa, nhìn chúng bốc cháy và cùng thở đánh phào. Trong xe không còn sót lại một tí gì và chiếc vại pécan đã đầy ắp.

Lúc ấy chúng tôi ăn bữa tối : bánh bít-quy nguội, thịt mỡ, mứt dâu và bàn đến những công việc, ngày mai. Ngày mai

công việc mà tôi thích nhứt sẽ bắt đầu : công việc đi mua sắm. Chanh và mận, gừng và va-ni, dứa Hawaï đóng hộp, nho, các thứ vỏ, hạt noa và rượu huýt-ki. Ô, và còn bao nhiêu là bột, là bơ, là trứng, bao nhiêu là các món gia vị linh tinh. Không nói ra ai cũng biết là phải cần đến cả một con ngựa nhỏ mới kéo nổi chiếc xe nôi về nhà.

Nhưng trước khi mua bán còn có vấn đề tiền. Cả bà, cả tôi đều không có, ngoài mấy món trợ cấp khốn khổ mà thỉnh thoảng những người trong nhà đã bố thí cho — một đồng « cent » được xem là một gia tài nhỏ — và ngoài những số tiền do chính chúng tôi kiếm được nhờ những hoạt động vặt vãnh như : bán mấy món đồ cũ, mấy thùng dâu hái được, mấy lọ mứt, mớ táo nấu đông, mấy bó hoa nhân dịp các đám tang, đám cưới... Có lần chúng tôi đã chiếm được giải thứ bảy mươi chín gồm năm đô-la trong cuộc thi bóng tròn toàn quốc. Cả hai chúng tôi đều không biết bóng tròn là cái quái gì. Chẳng qua là vì chúng tôi đã tham dự tất cả các cuộc thi đã được nghe nói đến. Hiện thời thì chúng tôi đặt hết hi vọng vào giải thưởng Năm Vạn Đô-la tặng cho kẻ nào nghĩ ra một khẩu hiệu hay nhứt để lăng-xê một hiệu cà-phê mới. Và nói sự thật thì công việc làm ăn thực sự đẻ ra tiền duy nhứt của chúng tôi là Phòng Trưng bầy các Cuộc vui và Vật lạ do chúng tôi thiết lập trong một gian nhà kho ở cuối sân, phía sau nhà cách đây hai năm về trước. Các Cuộc Vui gồm những bức ảnh của hai thành phố Washington và New York nhìn qua một đôi ống dòm phóng đại của một bà trong họ đã đến viếng Phòng Trưng bầy cho mượn (bà rất lấy làm bất bình khi biết được duyên cớ của sự mượn nầy). Vật Lạ là một con gà con ba chân do một trong các con gà mái của chúng tôi ấp được. Mọi người trong vùng đều muốn xem con vật lạ. Người lớn chúng tôi đòi hai mươi lăm cents, trẻ con năm cents. Và chúng tôi thu được hai mươi đô-la nhưng sau đó thì Phòng Trưng bầy phải đóng cửa vì lẽ con vật lạ không sống được lâu.

Nhưng bằng cách nầy hay cách khác chúng tôi dành dụm các món tiền Giáng sinh để tổ chức « Quỹ làm bánh cake ». Các món tiền ấy chúng tôi giấu trong một chiếc ví cũ kết bằng hạt trai, dưới lần gỗ lát sàn nhà, dưới cái chậu nước tiểu đêm, dưới chiếc giường cũ của bà cô họ. Nằm ở một chỗ rất an toàn ấy chiếc ví ít khi được lấy ra, ngoại trừ để bỏ thêm tiền vào, hoặc

mỗi thứ bảy, để rút ra một số tiền nhỏ. Vì ngày thứ bảy tôi được phép lấy mười cents để đi xi-nê. Bà cô tôi chưa bao giờ đi xi-nê và cũng không bao giờ có ý định đi xi-nê. « Nghe Buddy thuật lại, thích hơn. Vì như thế tôi hiểu rõ. Vả lại những người ở cái tuổi như tôi tưởng cũng không nên phí phạm đôi mắt quá. Ngày nào được về với Chúa tôi muốn nhìn thấy mặt Chúa rõ ràng ». Thêm vào việc không bao giờ đi xi-nê, bà bạn tôi lại còn không bao giờ ăn trong các hiệu ăn, không bao giờ đi xa nhà quá mười cây số, không bao giờ nhận được hoặc gởi đi một bức điện tín nào, không bao giờ đọc sách gì khác hơn mấy tờ báo hài hước và Kinh Thánh, không bao giờ dùng son phấn, không bao giờ chửi mắng hoặc nguyền rủa ai, không bao giờ nói dối một cách cố ý, không bao giờ để đói một con chó vô chủ đến xin ăn... Trái lại bà đã can những tội rất hiếm hoi sau đây : dùng xẻng giết chết một con rắn mai hoa to nhất trong vùng (con rắn có đến mười sáu cái khoan trên cổ), hít thuốc lá bột (những lúc không có ai), tập loại chim ruồi (thử tập mà xem !) để chúng đánh đu trên ngón tay, kể những chuyện ma (cả hai chúng tôi đều tin là có ma) ghê rợn đến nỗi tuy là đêm tháng bảy mà chúng tôi vẫn cứ rùng mình, nói lẩm nhẩm một mình, đi thơ thẩn dưới cơn mưa, trồng những cây japonicas đẹp nhất tỉnh, biết tất cả những toa thuốc bí truyền của dân Da Đỏ ngày xưa, kể cả một bài thuốc ma quái để làm rụng những mụt cóc sần sùi nữa.

Và bây giờ, ăn bữa tối xong, chúng tôi rút vào phòng, trong một chỗ kín đáo nhất nhà, nơi mà bà cô tôi ngủ trên một chiếc giường sắt sơn màu hồng, màu bà thích nhất, dưới một tấm chăn kết lại bằng những mẩu vải vụn. Vừa im lặng, vừa cảm thấy hồi hộp thích thú như những người đang làm quốc sự, chúng tôi lôi chiếc ví hạt trai ra và giải số tiền lên trên tấm chăn bách nạp. Những tờ một đô-la cuộn thật chặt, xanh biếc như những nụ lá tháng năm. Những đồng năm mươi cents đen xỉn, và nặng đến nỗi tưởng chừng có thể dùng để dằn lên mắt của người chết. Những đồng một xu xinh xắn, sống động, ngân rất thanh, và những đồng một hào, hai hào nhẵn thín một cách đáng yêu như những hòn đá cuội trong lòng suối. Nhưng nhất là một đống những đồng penny với mùi vị đắng cay. Mùa hạ năm ngoái, những người trong nhà đã hứa trả cho chúng tôi một penny mỗi lần chúng tôi giết được hai mươi lăm con ruồi. Ồ ! Cái vụ tàn sát ruồi hồi tháng tám ! Những con ruồi mà chúng tôi tin là đã lên

thẳng Thiên đàng! Tuy nhiên đó không phải là một công việc khiến chúng tôi hãnh diện. Trong lúc chúng tôi ngồi chồm chỗm đếm từng đồng chúng tôi có cảm tưởng đi lùi trở lại đằng sau, làm một cuộc kiểm tính những xác ruồi đã chết. Cả hai chúng tôi đều không ai có tài sử dụng các con số. Chúng tôi cộng thật chậm, sau đó quên lấp mất và phải bắt đầu trở lại. Theo các bài tính của bà cô tôi thì gia tài chúng tôi lên đến mười hai đô-la bảy mươi ba. Theo các bài tính của tôi thì là mười ba đô-la chẵn. « Có lẽ Buddy đã cộng sai rồi. Không thể nào là con số 13 cho được. Vì nếu như thế bánh sẽ bị hư hoặc sẽ khiến cho người nào đó khi ăn vào sẽ ngã lăn ra chết. Riêng tôi thì những ngày 13 dù cho ai có cho gì nhất định tôi cũng không thức dậy! » Mà quả thật thế. Những ngày 13 bà thường nằm trên giường cho đến tối. Do đó để tránh cái xui chúng tôi lấy ra một đồng penny và ném qua cửa sổ.

•

Trong số những vật liệu cần thiết để làm bánh cake thì rượu huýt-ky là món đắt tiền nhất và rất khó mua. Luật lệ trong tiểu bang cấm bán. Nhưng ai cũng biết là có thể đến mua một chai đằng tiệm lão Haha Jones. Ngày hôm sau, sau khi đã mua sắm những thứ tầm thường dễ sắm chúng tôi đưa nhau đến quán của lão Haha, một nơi mà có rất nhiều người đã cho là nơi bất hảo, vừa là quán rượu, vừa là quán ăn, vừa là quán nhảy ở cạnh bờ sông. Trước đây chúng tôi đã có đến nhiều lần, cũng để mua rượu huýt-ky về làm bánh, nhưng những cuộc giao tiếp chỉ diễn ra với bà vợ của lão Haha, một người đàn bà Da Đỏ có nước da nâu sậm, mớ tóc ngả màu vàng và bộ điệu vô cùng ưỡn ẹo. Chưa bao giờ chúng tôi trông thấy ông chồng, mặc dù chúng tôi biết rõ lão ta cũng là người Da Đỏ. Một người rất to lớn với hai bên má đầy những sẹo. Gọi lão là lão Haha vì lão có một vẻ âm u dễ sợ, không bao giờ trông thấy lão cười. Lúc gần đến quán không ai bảo ai, chúng tôi cùng bước chậm lại (quán là một gian nhà rộng cất bằng những thân gỗ để nguyên, bên trong và bên ngoài có mắc những chùm đèn màu sặc sỡ, và nằm cạnh bờ sông, dưới bóng những cây to có những cành phủ đầy rêu như một vầng sương mù xám). Cả con Quennie cũng ngừng chạy tung tăng và đến nép bên cạnh

chúng tôi. Có rất nhiều người đã bị giết chết trong quán của lão Haha ! Bị chặt ra từng khúc ! Bị đập chết ! Có một vụ đang sắp sửa ra tòa trong tháng tới ! Và dĩ nhiên là những chuyện ấy đã xảy ra ban đêm, lúc các bóng đèn màu tỏa một vầng ánh sáng lạ và chiếc đàn dây cót buông ra những âm thanh rên rỉ. Ban ngày quán của lão Haha trông thật tối tăn hoang vắng. Tôi đập cửa, con Quennie sủa váng, bà cô tôi gọi : « Bà Haha, bà Haha ơi ! Có ai trong nhà không ? »

Có tiếng chân bước. Cánh cửa mở. Tim chúng tôi như ngừng đập. Người đang đi ra chính là lão Haha. Thật là một lão khổng lồ. Mặt đầy sẹo và miệng không cười. Không. Lão đưa cặp mắt xếch nhìn chúng tôi chăm chú và hỏi : « Các người muốn hỏi gì Haha ? ».

Lúc ấy chúng tôi sợ quá nên không thể trả lời ngay được, mãi sau bà cô tôi mới mở được miệng, nhưng giọng nói của bà chỉ là một giọng nói thì thầm : « Thưa ông Haha, chúng tôi định xin ông bán cho tôi một chai huýt-ky ngon ».

Cặp mắt của lão Haha đã xếch lại càng thêm xếch. Và, không biết chi tiết nầy bạn có tin không, chớ thật ra thì lúc ấy lão đã mỉm cười. Rồi lão cười thật sự.

« Mua huýt-ky để cho ai ? »

« Thưa ông, chúng tôi mua để làm bánh cake. Bánh cake Giáng sinh ! »

Mặt lão bỗng tối sầm lại. Lão cau mày : « Như thế thật phí rượu huýt-ky ngon ! » Tuy nhiên lão cũng quay ngoắt vào trong và mấy giây sau trở ra, mang theo một chai rượu không nhãn hiệu, màu vàng như màu hoa cúc. Lão đưa cái chai soi lên ánh mặt trời và nói : « Hai đô-la. »

Chúng tôi trả bằng những đồng xu, bằng những đồng penny bằng những đồng hào. Lão xốc những đồng tiền trong lòng bàn tay như xốc mấy con xúc xắc và đột nhiên nét mặt lão dịu xuống. Lão trút mớ tiền trở lại vào trong chiếc ví hạt trai và nói : « Mà nầy, hay là khi nào làm bánh xong bà cứ gởi cho tôi một chiếc. »

Trên đường về bà cô tôi bảo tôi :

« Có thế chứ ! Người như thế mới là người tốt. Chúng mình sẽ đặc biệt thêm vào chiếc bánh của ông ta một cốc nho khô. »

Chiếc lò đen sì đầy ắp than và củi khô cháy sáng lên như một chiếc đèn cắt bằng vỏ bí. Các cây đánh trứng hoạt động không ngừng, những chiếc muỗng xoay trong những chiếc bát đựng bơ và đường, mùi va-ni làm không khí hóa ra êm dịu, gừng và gia vị. Những mùi thơm quyện vào nhau, mơn trớn mũi, tỏa khắp gian bếp, khắp nhà, chui qua ống khói lò sưởi để tràn ra ngoài từng đợt. Trong vòng bốn ngày mọi việc đều xong. Ba mươi mốt chiếc bánh cake ướt đẫm huýt-ky nằm yên trên ngăn tủ.

Những chiếc bánh ấy để cho ai ?

Cho các bạn bè. Và không nhất thiết phải là các bạn bè bên hàng xóm. Nói thật ra thì một số lớn các bánh cake sẽ dùng để tặng những người mà có lẽ chúng tôi chỉ được gặp có một lần và cả những người mà chúng tôi không hề gặp. Những người đã làm chúng tôi thán phục. Chẳng hạn ông Tổng thống Roosevelt, mục sư Lucey và vợ, các cha dòng Báp-tít từ đảo Bornéo đến giảng đạo vào dạo mùa đông rồi. Hoặc chú bé mài dao mỗi năm đi qua đây hai bận. Hoặc Abner Packer, bác tài xế hàng ngày lái chuyến xe ca sáu giờ từ Mobile đến và vẫn chào hỏi chúng tôi mỗi khi bác vụt qua trong vầng bụi tung mù mịt. Hoặc đôi vợ chồng trẻ Wistons ở California mà một buổi xế nọ nhân bị pan xe trước nhà đã trò chuyện vui vẻ với chúng tôi ngót một giờ ngoài cửa ngõ. (Ông Wistons đã chụp ảnh chúng tôi, chiếc ảnh độc nhất của chúng tôi từ trước đến giờ). Có phải chăng vì bà cô tôi đã rụt rè trước tất cả mọi người ngoại trừ trước những người lạ mặt, thành thử chúng tôi có cảm tưởng là những người lạ mặt ấy và cả những người mà chúng tôi chỉ mới quen biết qua loa, đều là những bạn thân thật sự ? Mà tôi tin là thế. Và những quyển an-bom do chúng tôi cất giữ, những lời cảm tạ viết trên giấy mang dấu hiệu Tòa Bạch cung, những bức thư ở California và Bornéo gởi đến, những tấm bưu ảnh rẻ tiền của chú bé mài dao, tất cả đều đã cho chúng tôi cái cảm giác được nối liền với những thế giới chứa đầy những chuyện ly kỳ, sôi động, vượt lên trên gian nhà bếp nhỏ nhìn ra một mảnh trời không thay đổi, im lìm.

Bây giờ một cảnh vả mùa đông trụi lá đang phất phơ bên cửa sổ. Gian nhà bếp hóa ra trống trải, bánh cake đã gởi đi rồi, hôm qua chúng tôi ra nhà bưu điện gởi chiếc bánh cuối cùng, tiền tem đã làm chúng tôi sạch túi. Tôi hơi thất vọng nhưng bà cô

tôi thì lại cứ khăng khăng đòi mở tiệc mừng — với hai lóng tay huýt-ky còn sót lại trong chai của lão Haha Da đỏ. Con Quennie được một muỗng đỏ trong cái bát cà phê (nó vẫn thích uống cà phê pha thật đậm). Phần còn lại chúng tôi rót đều ra hai cái cốc đựng mứt trái cây. Cả hai chúng tôi đều rất hồi hộp khi nghĩ là mình sắp sửa uống rượu huýt-ky nguyên chất. Mùi rượu làm chúng tôi như bị căng thẳng và rùng mình khó chịu. Nhưng sau đó chúng tôi hát, hát cùng một lượt, nhưng mỗi người lại hát một bài hát khác nhau. Tôi không thuộc trọn bài hát của tôi, mà chỉ thuộc mỗi một câu : « *Em ơi em, Đi ra mà xem, Xem người ta nhảy, Ngoài thành phố đen!* » Nhưng để bù lại tôi biết khiêu vũ. Đó là cái mộng của tôi sau nầy. Tôi muốn trở thành một vũ công clắc-kết đóng trong phim xi-nê. Cái bóng run rẩy của tôi nhảy múa trên tường, giọng chúng tôi làm rung bát đĩa, chúng tôi cười rú lên như bị một bàn tay vô hình cù vào nách. Con Quennie nằm lăn ngửa bụng ra, bốn chân cào trong không khí, hai hên mép nhếch lên như đang cười. Trong thâm tâm tôi tôi cảm thấy có một cái gì đang bốc cháy bừng bừng và làm tung ra vô số là tàn lửa đỏ như những thanh củi đang nổ lách tách trong lò sưởi. Bà cô tôi nhảy một điệu « van » quanh chiếc lò, vạt của chiếc juýp bằng vải cũ kẹp nhón trong hai ngón tay làm như đó là một chiếc áo dài dạ hội. Bà hát : « *Hãy chỉ cho tôi đường về* ». Đôi giày tơ-nít của bà rít trên sàn gạch. « *Hãy chỉ cho tôi đường về...* ».

Lúc ấy « hai người trong họ» chạy xịch đến. Bộ điệu giận dữ. Những cặp mắt khinh bỉ và những giọng nói chan chát như quất vào da. Những câu hằn học ào ào trút xuống thành một bản nhạc căm hờn : « Một thằng ranh bảy tuổi mà đã nặc nồng mùi rượu ! Sao lại thế hử ? Bà có điên không ? Đó là con đường đưa đến sự hư thân trắc nết. Cái gương của mợ Kate còn sờ sờ ra đó ! Và chú Charlie nữa ! Cả ông anh rể của chú Charlie ! Không biết thẹn à ? Quá lắm ! Quá lắm ! Quỳ xuống đi ! Cầu nguyện Chúa đi thôi ! ».

Con Quennie chuồn một mạch trốn dưới chiếc lò. Bà cô tôi nhìn xuống hai mũi giày. Cầm bà run run, bà nâng vạt juýp lau mũi rồi bỏ chạy vào phòng. Mãi thật lâu về sau, lúc cả tỉnh đã ngủ say rồi, lúc trong nhà mọi vật đều im lặng trừ tiếng tíc-tắc của mấy chiếc đồng hồ, tiếng khật khừ của đống lửa đang dần

dần lụi xuống, mà bà cô tôi hãy còn khóc, mặt úp trên chiếc gối ướt đẫm như tấm khăn tay của người góa phụ khóc chồng.

Tôi đến ngồi dưới chân giường và cố dỗ : « Bà đừng khóc nữa ». Tôi cảm thấy lạnh mặc dù đã choàng chiếc áo ngủ bằng dạ còn thoang thoảng mùi thuốc xi-rô ho mùa lạnh năm rồi. Và vừa nghịch mấy ngón chân bà, cù vào lòng bàn chân bà, tôi vừa nói : « Bà đừng khóc nữa... Không được khóc nữa... Bà đã lớn rồi ! »

Bà tấm tức : « Vì tôi già rồi. Đã già lại còn ngốc nghếch ! »

« Không phải ngốc nghếch. Bà chỉ thích đùa thôi. Mà đùa còn hay hơn bao nhiêu người khác. Mà này, nếu bà không nín khóc, ngày mai bà sẽ mệt nhoài ra, không còn sức đâu để đi tìm cây sa-pin nữa ».

Bà ngồi choàng dậy. Con Quennie nhảy chồm lên giường (những lúc thường nó không được phép nhảy như thế) và thè lưỡi liếm hai bên má của bà. « Đúng thế Buddy ạ. Và tôi lại còn biết chỗ tìm những cây sa-pin thật đẹp. Cả những cây gai đẹp nữa. Với những trái đỏ mọng to bằng hai mắt của Buddy kia. Chỗ ấy xa lắm, ở mãi tít trong rừng. Mình chưa bao giờ đi đến. Ngày xưa cha tôi vẫn có lệ cứ Giáng sinh đến là vào rừng đẵn cây sa-pin rồi vác trên vai mang về cho chúng tôi. Chuyện năm mươi năm về trước. Ồ Buddy ạ, tôi sốt ruột quá, có lẽ không chờ được đến sáng mai đâu ».

Và buổi sáng đến. Sương đọng thành giá lấp lánh trên đầu ngọn cỏ ; mặt trời tròn như quả cam và vàng ửng như mặt trăng vào những đêm nóng bức hiện ra nhấp nhô ở cuối chân trời và tô màu nâu lên những thân cây mùa đông trắng bạc. Có tiếng gà rừng cất lên văng vẳng. Một con lợn đi lạc kêu hồng hộc trong bụi rậm. Một lát sau chúng tôi dành bỏ chiếc xe nôi lại trên bờ một dòng suối nước chảy nhanh như cắt và dâng cao đến trên đầu gối. Con Quennie bơi qua suối trước tiên, vừa bơi vừa sủa vang vì dòng nước chảy nhanh quá và lạnh quá. Chúng tôi đi theo, giơ cao khỏi đầu hai đôi giầy và mấy dụng cụ đẵn cây (gồm một chiếc rìu nhỏ và mấy cái bao tải). Còn phải đi một quãng độ một ngàn năm trăm thước nữa giữa những cành gai và những vỏ cây có lông tua tủa bám đầy vào quần áo, giữa những hoa thông mục có lác đác những cụm nấm sặc sỡ và những lông chim ướt đẫm. Đây đó, một tiếng động chuyền cành, một hơi thở phập phồng,

những tiếng hót ríu rít nhắc cho chúng tôi nhớ là không phải tất cả các loài chim đều đã bay hết về phương Nam. Con đường mòn ngoằn ngoèo trải dài, xuyên qua những vũng nắng màu vàng sáng và những vòm cây nho rừng đã chết khô. Còn phải lội qua một con suối nữa. Một đàn cá đốm hoảng sợ tung nước thành bọt quanh chân chúng tôi. Những con ếch to bằng chiếc dĩa phồng mang kêu ồm tỏi. Những con hải ly kéo củi khô làm một con đê chắn nước. Bên kia bờ suối con Quennie đang run lập cập vẫy lông. Bà cô tôi cũng run lập cập, nhưng không phải vì lạnh mà là vì thích quá. Lúc bà ngẩng đầu lên để hít lấy làn không khí thơm nức mùi nhựa thông thì trên chiếc nón rơm một cánh hoa hồng cắt bằng nhung rơi xuống. « Chúng mình gần đến nơi rồi. Buddy có nhận thấy thế không ? » Bà nói với tôi, làm như bà và tôi sắp sửa ra đến ngoài Biển cả.

Mà thật thế, đây là một loại Biển cả. Cánh rừng bát ngát với những hương thơm, những cây trổ hoa, những cành houx với lá chìa gai tua tủa. Những trái chín đỏ, sáng ngời như những chiếc lục lạc đồng. Đàn quạ đen bay sà xuống và kêu quang quác. Chúng tôi hái lá houx và các trái đỏ cho đầy vào bao, hái thật nhiều, đủ để trang hoàng khoảng một tá khung cửa sổ. Sau đó chúng tôi quyết định chọn một cây sa-pin. « Phải chọn một cây cao bằng hai lần chiều cao của đứa trẻ. Như thế mới không sợ bị trẻ con đánh cắp mất chiếc ngôi sao ». Cây sa-pin do chúng tôi chọn cao hơn tôi gấp hai lần. Rất đẹp, rất hung hăng, phải bổ đến ba mươi nhát rìu nó mới chịu ngã xuống với một tiếng rắc đau xé như tiếng thở dài hấp hối. Chúng tôi kéo lê nó như một cái xác chết và sửa soạn quay về. Cứ cách vài thước là chúng tôi lại phải ngừng lại, ngồi bệt xuống và thở phì phì. Nhưng cảm thấy tràn trề sức mạnh không khác những tay thợ săn khi săn được một con thú lớn. Sức mạnh ấy và mùi hương cứng cáp và lạnh giá của cây sa-pin đã thúc giục chúng tôi, khuyến khích chúng tôi gắng sức. Suốt buổi chiều, trên con đường đất đỏ đưa về thành phố, những ai trông thấy chúng tôi đều cất tiếng khen, ngắm nghía mãi cây sa-pin nằm vắt trên chiếc xe nôi. Nhưng bà cô tôi thì lại tỏ ra cẩn thận và dè dặt. « Cây sa-pin đẹp nhỉ ! Bà tìm được ở đâu thế ? » Bà chỉ đáp nhỏ, mơ hồ : « Ồ, tìm được ở đằng kia ». Có một lần, một chiếc ô-tô ngừng lại và bà vợ của ông chủ nhà máy sợi thò đầu ra, nói the thé

như người khịt mũi : « Có bán không ? Tôi trả cho hai hào. » Lệ thường bà cô tôi không bao giờ dám từ chối điều gì với ai cả nhưng lần nầy thì bà lắc đầu ngay : « Có trả đến một đô-la tôi cũng không bán ! » Bà chủ nhà máy sợi nằn nì : « Một đô-la ? Nói thật không ? Thôi năm mươi cents, giá chót đấy. Bà bán đi, rồi tìm một cây khác ! » Thay vì trả lời thẳng bà cô tôi chỉ nói thật khẽ : « Không tin được. Ở đời một vật đẹp như thế không bao giờ có đến hai lần ! »

Về đến nhà, con Quennie nằm vật bên cạnh đống lửa, ngủ một giấc đến sáng hôm sau và ngáy như người thật.

•

Trong chiếc rương để trên gác có một cái hộp giấy đựng giày bên trong đựng toàn những chùm lông trắng (rứt ở chiếc áo choàng của một bà hơi kỳ lạ trước kia đã thuê một phòng trong nhà để ở), những cuộn giấy hoa màu bạc đã ngả vàng vì năm tháng, một ngôi sao bạc, một chùm đèn điện đủ màu đã hư và có lẽ rất nguy hiểm khi dùng đến. Những món nếu đem dùng trang hoàng thì thật đẹp nhưng tính lại thì cũng vẫn không xong. Bà cô tôi muốn cây sa-pin của chúng tôi phải sáng rực lên như một ô kính màu trong nhà thờ Báp-tít, các cành phải trĩu xuống vì mớ tuyết rắc bên trên. Nhưng chúng tôi thì lại không đủ sức để sắm những thứ sang trọng « made in Japan » ấy. Thành thử chúng tôi đành làm những việc mà mọi năm chúng tôi vẫn làm. Chúng tôi cặm cụi suốt ngày trước chiếc bàn trong gian nhà bếp, cắt, vẽ, xếp những đống giấy màu. Tôi vẽ hình trên giấy để bà cô tôi cắt. Vô số mèo, vô số cá (vì dễ vẽ), vài quả táo, vài quả dưa, vài thiên thần có cánh cắt trên những tờ giấy trang kim mà chúng tôi đã cẩn thận cất riêng trong một góc. Chúng tôi đính những tác phẩm ấy lên cây sa-pin bằng những chiếc đinh ghim. Và để hoàn tất công trình chúng tôi rắc trên các cành mớ bông mà chúng tôi đã nhặt để dành từ tháng tám. Bà cô tôi ngắm nghía kết quả, hai bàn tay chắp vào nhau : « Thật tình mà nói, Buddy ạ, nó đẹp đến nỗi trông thấy mình những muốn ăn ». Riêng con Quennie thì cu cậu đang tìm cách ngoạm một chú thiên thần.

Buộc xong những lá gai trên các cửa sổ trước nhà công việc sau đó của chúng tôi là công việc sửa soạn các món quà biếu xén. Những chiếc khăn quàng nhiều màu cho các bà. Cho các ông là những chai xi-rô nấu theo toa thuốc gia truyền với chanh, cam thảo và thuốc cảm dành riêng để uống ngay sau khi nhận thấy những « Triệu Chứng Bị Lạnh » hoặc khi vừa đi săn về. Nhưng đến lúc phải sửa soạn những món để tặng riêng cho nhau thì bà cô tôi và tôi liền mỗi người đi lẻn ra một nơi để chuẩn bị trong vòng bí mật. Tôi vẫn ao ước mua biếu bà một con dao cán bằng sừng, một chiếc máy ra-đô, một kí lô mận rim đường bọc sô-cô-la (một lần chúng tôi đã được nếm thử và kể từ đó bà không ngớt bảo tôi : « Tôi chỉ thích ăn có mỗi thứ ấy, Buddy ạ. Chỉ thích ăn có mỗi thứ ấy, Chúa ơi ! ») Thay vào những thứ đã kể, tôi chỉ dán một con diều. Phần bà, bà vẫn mong biếu tôi một chiếc xe đạp (bà đã nói thế cho tôi biết có đến hàng triệu lần) : « Giá mà tôi có thể làm được như ý muốn Buddy ạ ! Trong đời, phải chịu thiếu thốn những món mà mình ao ước có đã là một chuyện đáng buồn. Đến cái việc không thể biếu cho những người khác những món mà mình ao ước biếu lại là một chuyện đáng buồn hơn nữa. Nhưng Buddy ạ, thế nào rồi cũng sẽ có ngày tôi làm được như ý muốn, là tìm cho Buddy một chiếc xe đạp. Đừng hỏi là tôi sẽ tìm bằng cách nào. Có thể là tôi sẽ đi đánh cắp cũng nên ! » Thay vào đó, tôi gần như có thể chắc chắn là bà lại cũng sẽ dán một con diều, cũng như năm rồi, cũng như năm trước nữa. Năm trước cái năm trước nữa bà và tôi đã làm súng cao su để tặng nhau. Nhưng đối với tôi thì tất cả những cái ấy đều là những cái gì toàn hảo. Vì chúng tôi vốn là những tay vô địch chơi diều, biết ngóng hướng gió thành thạo như những người đi biển. Bà cô tôi, hơn tôi một bậc, còn có thể thả diều vào những lúc trời không có lấy một tí gió để đẩy các cụm mây đi.

Hôm áp lễ Giáng sinh, vào buổi chiều, chúng tôi chung nhau vơ được hai hào, đến hàng thịt mua cho con Quennie món quà thường lệ, một khúc xương bò thật ngon để gặm. Khúc xương, bọc trong giấy sặc sỡ được treo tít trên cao, gần chiếc ngôi sao bạc. Con Quennie biết có khúc xương ở đó nên cứ ngồi chồm chỗm dưới gốc cây, mõm nghếch lên, tỏ vẻ lăng xăng thèm muốn. Đến đêm, không tài nào đuổi được nó đi nơi khác.

Nó nhất định không đứng lên. Tôi cũng sốt ruột không kém, ngọ nguậy trong chăn và xoay mãi chiếc gối làm như đang ở giữa một đêm mùa hè nóng bức. Thỉnh thoảng một con gà cất tiếng gáy một cách sai lầm, vì lúc ấy mặt trời hãy còn ở bên nửa phần kia của trái đất.

« Buddy ! Ngủ à ? » Từ phòng bên bà cô tôi gọi. Một lát sau bà đến ngồi cạnh giường tôi, trong tay cầm một ngọn nến.

« Tôi không sao chợp được mắt. Đầu óc cứ nhảy múa lung tung. Nầy Buddy, không biết đêm nay bà Roosevelt có mang bánh cake của chúng mình ra ăn không nhỉ ? »

Chúng tôi ngồi thu chân thật gọn trên giường, và bà ấp chặt bàn tay tôi, âu yếm : « Tôi có cảm tưởng là bàn tay Buddy bé quá. Tôi không thích nghĩ rằng có một ngày nào đó Buddy sẽ lớn lên. Vì khi Buddy lớn lên không biết chúng mình có còn thân nhau không nhỉ ? » Tôi đáp : « Còn chứ, còn mãi mãi ! »

« Nhưng Buddy ạ, tôi đang rất khổ tâm. Tôi vẫn ao ước được biếu Buddy một chiếc xe đạp ! Cầy cục mãi để bán viên ngọc thạch của cha tôi cho ngày trước mà cũng không xong. Và Buddy ạ... (đến đây bà ngập ngừng, bối rối) tôi đã dán cho Buddy một con diều khác. » Tôi cũng thú thật là chính tôi, tôi cũng đã dán một con diều. Và cả hai chúng tôi cùng cười.

Ngọn nến cháy xuống quá thấp nên không thể cầm trên tay được nữa, rồi nến tắt, để lộ ánh sáng của các ngôi sao. Những ngôi sao xoay vòng trước khung cửa sổ như một đám kéo quân và dần dần buổi mai nhẹ nhẹ trở về làm cho đám kéo quân im tiếng. Có lẽ chúng tôi đã ngủ thiếp đi, nhưng ánh bình minh đã đội xuống chúng tôi như một tia nước lạnh. Chúng tôi thức dậy, mở to hai mắt, đi lê la khắp đó đây, đợi những người khác trong nhà thức dậy. Bà cô tôi cố ý đánh rơi chiếc ấm nước xuống sàn gạch trong nhà bếp. Tôi nhảy một điệu clắc-kết trước những cánh cửa còn đóng kín. Những người trong nhà lần lượt hiện ra, làm như họ muốn giết chết chúng tôi. Nhưng vì là ngày lễ Giáng sinh nên họ không giết được.

Bắt đầu là một bữa điểm tâm sang trọng. Có đủ các món từ bánh crếp và thịt chiên đến rau cải và bánh mật. Mọi người đều vui vẻ, trừ bà cô tôi và tôi. Thật tình thì chúng tôi đang rất

sốt ruột, chỉ muốn chạy xổ đến xem ngay các quà biếu nên không làm sao nuốt được lấy một miếng.

Và tôi thất vọng. Làm sao mà không thất vọng vì quà biếu chỉ vẻn vẹn một đôi tất ngắn, một chiếc áo sơ-mi, mấy cái mu-soa, một chiếc áo đan bị ế và một năm báo trẻ con. Tôi tức sôi lên.

Bà cô tôi may mắn hơn. Một bao hạt Satsuma! Món quà đáng giá nhất. Tuy nhiên cũng thêm được một cái khăn quàng bằng len trắng của một người chị đan cho. Nhưng bà bảo tôi là món quà thích nhất vẫn là con diều do tay tôi dán. Vì con diều đẹp thật. Đẹp thật. Nhưng chưa đẹp bằng con diều của bà dán tặng tôi, con diều màu xanh có những đốm kim nhũ và những ngôi sao màu lục. Hơn nữa bên trên có ghi rõ tên tôi : Buddy.

« Buddy ạ, có gió rồi thôi ! »

Mà có gió thật. Và không gì ngăn được chúng tôi chạy xuống cánh đồng cỏ ở phía dưới ngôi nhà, nơi con Quennie vừa phóng ra để chôn giấu khúc xương chúng tôi vừa tặng (và cũng chính nơi nầy, mùa đông năm sau, con Quennie sẽ yên giấc ngàn thu). Ra đến nơi chúng tôi đi sấn vào trong đám cỏ mọc cao đến ngực, rồi mở đôi diều ra cho bay trong gió ; đôi diều kéo thẳng đoạn dây, quẫy đuôi phần phật như những con cá trên trời. Dưới ánh nắng ấm chúng tôi nằm dài trên cỏ, bóc hạt Satsuma và theo dõi đôi diều đang bay lượn. Trong giây lát tôi quên mất đôi tất ngắn và chiếc áo đan bị ế để cảm thấy sung sướng như vừa nhận được giải thưởng Năm Vạn Đô-la trong cuộc thi khẩu hiệu cà phê.

« Buddy ạ, có thể nói là tôi điên thật. »

Bà cô tôi kêu lên như thế và đột nhiên có dáng chăm chú như một bà nội trợ vừa chợt nhớ ra là mình đã bỏ quên mấy cái bánh trong lò. Rồi bà hỏi tôi bằng giọng của người vừa khám phá ra được một điều gì lạ, và bà mỉm cười, không phải với tôi, mà là với một điểm nào đó trên không.

« Buddy có biết là tôi vẫn thường nghĩ gì không ? Tôi vẫn nghĩ là trước khi về với Chúa con người cần phải trải qua một thời gian ốm đau và chờ chết. Và tôi tưởng tượng là lúc ấy mọi thứ sẽ giống như cái lúc mình nhìn lên một ô kính màu trong nhà thờ Báp-tít, rất đẹp với ánh nắng chan hòa và sáng chói đến nỗi mình sẽ không ngờ là bóng đêm đã đến. Tôi vẫn cảm thấy

được an ủi khi nghĩ rằng chính cái ánh sáng ấy sẽ giúp mình không sợ hãi. Nhưng tôi đoan chắc là việc ấy sẽ không bao giờ xảy ra. Tôi đoan chắc là đến phút cuối cùng con người sẽ hiểu là Chúa đã có đến với mình. Con người sẽ hiểu là được trông thấy vạn vật như thế nầy (bàn tay bà vẽ một vòng tròn, chỉ cho tôi thấy những cụm mây, đôi diều, đám cỏ và con Quennie đang bới đất để giấu khúc xương)... như thế nầy đây, cái ấy có nghĩa là con người đã trông thấy Chúa. Riêng phần tôi, tôi có thể thản nhiên đời bỏ cõi đời nầy với ngày hôm nay trong đôi mắt ».

•

Cái Giáng sinh năm ấy là cái Giáng sinh cuối cùng của chúng tôi.

Cuộc đời sắp sửa ngăn cách chúng tôi mỗi người ra một ngả. Những-kẻ-tự-nhận-là-cái-gì-cũng-biết đã quyết định gởi tôi vào một trường quân sự. Do đó trong đời tôi những chuỗi ngày tù hãm cứ nối tiếp nhau trong tiếng kèn đồng, trong tiếng còi báo thức của những trại mùa hè. Tôi có một mái nhà mới. Nhưng mái nhà thật sự của tôi lại là nơi có bà cô họ, và lại là nơi tôi không được phép quay về.

Bà ở lại đó với con Quennie, hàng ngày thơ thẩn trong gian nhà bếp. Rồi sau đó bà chỉ còn lại trơ trọi một mình. (« Buddy thân yêu, bà viết cho tôi bằng một nét chữ xô bồ, khó đọc, hôm qua Quennie đã bị con ngựa của Jim Macy đá phải. Cũng đáng mừng là Quennie không bị đau đớn gì nhiều. Tôi bọc Quennie trong một tấm ra thật mịn và chở bằng chiếc xe nôi ra tận cánh đồng cỏ của bác Simpson, nơi đây Quennie sẽ gặp lại tất cả những khúc xương mà Quennie đã chôn từ trước. »)

Trong một thời gian bà hãy còn tiếp tục làm bánh cake một mình, không nhiều bằng dạo trước, nhưng cũng gọi là có. Và dĩ nhiên là bà gửi cho tôi chiếc bánh ngon nhất của bà. Cũng như trong mỗi bức thư bà đều nhét kèm theo một đồng bạc mới trong giấy lụa. « Tiền nầy để Buddy đi xi-nê, và Buddy nhớ thuật cho tôi nghe câu chuyện. » Nhưng lần lần, trong các bức thư, bà lại đâm ra lầm lẫn tôi với người bạn Buddy của bà hồi còn trẻ, người bạn Buddy đã chết năm 1880. Và về sau,

ngày nào bà cũng nằm mãi trên giường, không chỉ riêng gì ngày 13 như dạo trước. Rồi có một buổi sáng tháng mười một nọ, một buổi sáng trời chớm mùa đông, một buổi sáng không lá không chim, bà không còn làm sao ngồi dậy nổi để kêu lên như thường lệ : « Ồ ! Chúa ơi ! Đã đến mùa làm bánh cake rồi thôi! »

Và khi sự ấy xảy ra thì tôi đã biết trước. Bức thư báo tin buồn khi đến tay tôi chỉ làm được mỗi cái việc xác nhận điều mà linh tính tôi đã nói cho tôi nghe trước cả rồi, và tôi cảm thấy như có một cái gì đã tách ra vĩnh viễn trong tôi để bay đi biền biệt như con diều bị đứt dây. Bởi thế cho nên, vào buổi sáng tháng chạp hôm nay, khi đi ngang qua bãi đất hoang trước cửa nhà trường, tôi đăm đăm nhìn lên khoảng không trung làm như đang chờ đợi bắt gặp một đôi diều giống hình trái tim, bị đứt dây, trôi băng băng trên vòm trời xa tắp.

TRUMAN CAPOTE
NGUYỄN MINH-HOÀNG dịch

Sách **ĐÊM TRẮNG** đã phát hành :

- NHỮNG NGÀY Ở SÀI-GÒN
  tập truyện NGUYỄN QUỐC-TRỤ
- NHỮNG NGÀY MƯA
  tân truyện HUỲNH PHAN ANH
- KHU RỪNG HỰC LỬA
  truyện dài NGUYỄN - XUÂN HOÀNG

Hoàng Xuân Sơn

Nằm đất

hãy cúi xuống hôn đất trong ngày im tiếng súng khi ấy dù đang ở nơi xa biệt loài người dù đêm là đêm nằm đêm sao trong rừng cấm hay gục chết bên bờ suối một phút âm thầm, dù nỗi buồn đóng rêu và ngày về mong manh tựa khói

hãy cúi xuống hôn đất thật nhẹ-nhàng-nồng-ấm

hãy cúi xuống hôn đất trong ngày im tiếng súng khi ấy dù tri óc có điên cuồng tay chân còn ngơ ngác khi ấy dù lẻ loi nơi trận tuyến ngược xuôi trong phố buồn hay tàn tích trong bệnh viện rữa nát dưới nhà hầm — dù ở bên nầy sông bên kia sông

hãy cúi xuống hôn đất thật dịu-dàng-âu-yếm

hãy nhớ thương đất trong ngày im tiếng súng khi ấy dù bơ vơ nơi xứ người dù không còn ai bên cạnh để thở than dù khi ấy chỉ còn cánh chim tha phương và những chiều vọng tưởng hãy nhắm mắt hình dung được trở về gối đầu áp má trên đất uống những giọt sương là nước mắt của đất vuốt ve gốc cây già cùng nỗi lòng của đá hãy đi chân trần và lắng nghe cây lá hồi sinh từ ngực ấm

cuối cùng hãy ước được trở về hôn đất thật mơ-màng-yêu-dấu trong mùa đất sống dậy ước mai kia nằm xuống trong nôi bé bỏng sinh thời.

hoàng xuân sơn

Felix Timmermans

Bức tranh Giáng sinh ba tấm

FELIX TIMMERMANS là một tác giả Hòa-lan. Bản Việt văn được dịch qua bản Pháp dịch của Marie Gevers, nhan đề : Triptyque de Noël.

TỐI HÔM TRƯỚC, VÀO LÚC HOÀNG HÔN, TUYẾT RƠI ĐỀU đều, một ông lão và một con chó kéo một cái xe lều nhỏ, lắc lư lăn trên con đường.

Qua khung cửa nhỏ, người ta có thể trông thấy khuôn mặt xanh xao và gầy gò của một người đàn bà chửa, có đôi mắt to và buồn.

Họ đi như vậy trong đêm tối, và những ai thấy họ, chẳng bao lâu cũng không còn nghĩ tới họ nữa.

•

Rồi tối ngày lễ Giáng sinh. Không khí lạnh giá đã trở thành trong sáng như thủy tinh, màu xanh mỏng, trên một thế giới xa vời, đang phủ bộ áo lông trắng của tuyết. Gã mục đồng

thọt Suskeweit, gã thợ câu lươn Pitjevogel hói đầu và gã ăn xin Schrobberbeeck có đôi mắt lòa, cả ba người mặc giả Ba Vua, đi vào hết trại nọ đến trại kia.

Họ mang một cái gậy, đầu có gắn một ngôi sao bằng gỗ, ngôi sao có thể xoay quanh, một cái tất để đựng tiền và một cái túi đựng thức ăn. Họ lộn trái cái áo ngoài của họ. Gã mục đồng đầu đội mũ cao và Schrobberbeeck thì có một vòng hoa. Pitjevogel, người làm ngôi sao quay, thì lấy si đen bôi lên mặt.

Năm đó thật đẹp, mùa màng sung túc — mọi nông dân đều có heo muối, miệng ngậm tẩu thuốc, bụng mập, ngồi trước lò sưởi và đợi chờ không lo lắng mùa tốt đẹp.

Gã mục đồng Suskeweit biết rất nhiều bài thánh ca cổ xưa. Pitjevogel biết cách quay ngôi sao thật đều và mắt gã ăn mày trông buồn thảm đến độ, cái tất của bọn họ nặng trĩu những đồng xu và cái túi đầy những thức ăn khi mặt trăng đỏ như máu, mọc. Trong túi có đủ bánh mì, dăm bông và xúc xích. Họ thật vui vẻ, sung sướng vỗ vào vai nhau và bây giờ đã tưởng tượng đến những ly rượu nhỏ mà tối nay họ sẽ tới uống ở quán « Người Cá Nhỏ ». Và bụng đói, họ sẽ ăn cho thật no, đến nỗi có thể để con chấy trên bụng mà giết.

Và chỉ tới khi các nông dân miệng ngáp tắt đèn đi ngủ, họ mới ngừng hát và đếm tiền dưới ánh trăng.

« Các bồ ơi, các bồ ơi, đủ rượu uống cho cả tuần, lại còn dư để mua thịt tươi và thuốc lá nữa ! »

Gã tóc đen Pitjevogel chạy trước, miệng thèm thuồng, vai mang ngôi sao, và hai gã kia theo sau.

Nhưng có một sự xao động lạ kỳ xâm chiếm tâm hồn chất phác của họ.

Họ yên lặng. Phải chăng đó là vì đám tuyết trắng này, dưới ánh trăng nhợt nhạt ? Hay là vì những hình bóng ma quái của cây cối. Hay vì chính hình bóng của họ ? Hay vì sự yên lặng, sự yên lặng của tuyết đắm mình trong ánh trăng mà không có tiếng chim cú vang lên, hay tiếng chó sủa nơi xa gần.

Vậy mà họ, những người thường lang thang trên các con đường, trên những cánh đồng, đâu có phải là những người dễ sợ.

Họ đã thấy quá nhiều kỳ lạ trong đời họ ; ma trơi, cô hồn, ma và cả những con chó sói ma. Nhưng bây giờ thì khác, cái gì tương tự như nỗi lo ngại xuất hiện trước một hạnh phúc to lớn.

Điều đó đã nặng lên tâm hồn họ.

Gã ăn mày nói : « Tôi không sợ ».

Hai gã kia cũng nói theo, giọng run run :

— Tôi cũng vậy.

Pitjevogel nói với một giọng khích lệ :

— Đêm Giáng sinh mà.

Gã mục đồng nói với vẻ ngây thơ của trẻ con :

— Và Chúa lại ra đời.

Schrobberbeeck hỏi :

— Có đúng là lúc đó cừu quay đầu về phương Đông không ?

— Phải, và những con ong thì ca hát và bay lên.

Pitjevogel quả quyết nói :

— Và lúc đó người ta có thể thấy những gì xảy ra ở dưới nước. Riêng tôi, chưa bao giờ thấy.

Rồi là yên lặng, cái yên lặng khác biệt, như là sự hiện hữu của linh hồn trong ánh trăng.

Gã ăn mày nghĩ đến tội lỗi của mình và lo ngại hỏi :

— Các bạn có tin là bây giờ Thượng Đế xuống trần không ?

Gã mục đồng nói :

— Có chứ. Nhưng xuống đâu ? Ai biết được... Thượng Đế chỉ xuống vào một đêm mà thôi.

Những hình bóng của họ chạy ở phía trước, càng làm cho họ sợ thêm.

Bỗng họ nhận thấy là họ đã đi lầm đường.

Đó là vì tuyết rơi đã bao phủ những con suối đóng băng, những con đường và những cánh đồng.

Họ ngừng lại và nhìn quanh. Chỉ những tuyết và ánh trăng, đó đây có một vài cái cây, nhưng không thấy một nông trại nào, và không thấy cả cái cối xay lúa mì to lớn.

Họ đã đi lạc đường, và dưới ánh trăng, họ thấy nỗi lo sợ xuất hiện trong mắt của họ.

Suskewiet van nài :

— Chúng ta hãy cầu nguyện đi. Như vậy không có gì nguy hại có thể tới với chúng ta.

Gã mục đồng và gã ăn mày lầm nhầm cầu xin Đức Mẹ. Pitjevogel lầm nhầm những gì không rõ vì từ hồi làm lễ rửa tội, gã quên hết kinh cầu Đức Mẹ.

Họ đi vòng quanh một bụi cây và lúc đó Pitjevogel thấy ở nơi xa có ánh đèn đêm bình thản chiếu ở nơi cửa sổ. Họ không nói năng gì nhưng khoan khoái thở dài họ cùng hướng tới đó.

Lúc đó có một sự kỳ diệu xảy ra. Cả ba đều trông thấy và nghe thấy, nhưng không một ai dám nói tới.

Họ nghe thấy tiếng ong bay, và chỗ nào dưới tuyết có hố, thì băng giá mờ mờ sáng như thể dưới đó có ánh đèn.

Và gần rặng liễu có một cái xe lều tang thương. Phía sau khung cửa sổ, có một ngọn nến cháy sáng.

Pitjevogel bước lên bực và gõ vào cánh cửa. Một ông già râu tua tủa, ra mở cửa một cách tin cẩn.

Ông lão không có vẻ ngạc nhiên về cách ăn mặc kỳ cục của họ, về ngôi sao, và về khuôn mặt đen thui.

Pitjevogel lắp bắp nói :

— Chúng cháu hỏi thăm đường.

Ông lão nói.

— Các cháu phải tới đây mới phải. Vào đi !

Ngỡ ngàng vì câu trả lời, họ ngoan ngoãn vâng lời, và nơi đó trong góc xe có một người đàn bà rất trẻ, mặc một cái áo choàng màu xanh có mũ, đang cho đứa trẻ sơ sinh bú, vú sữa đã gần khô cạn. Một con chó vàng to lớn nằm dưới chân, đầu con chó đặt trên đầu gối gầy gò của bà ta. Đôi mắt của bà mơ màng một cách buồn bã, nhưng khi bà thấy họ thì vẻ thân hữu và chú trọng xuất hiện trong mắt bà. Cả đứa trẻ nữa, cái đầu hãy còn phủ những lông tơ, đôi mắt hé mở đã cười với họ rồi. Đứa trẻ có vẻ thích khuôn mặt đen của Pitjevogel.

Suskeweit thấy gã mục đồng quỳ xuống và bỏ chiếc mũ ra. Gã cũng quỳ xuống và bỏ vòng hoa đội trên đầu và bỗng gã cảm thấy hối hận vì những tội lỗi đã gây ra, vì rất nhiều tội lỗi của gã. Đôi mắt nhòa của gã đầy lệ. Lúc đó Pitjevogel cũng quỳ xuống. Họ quỳ như thế đó và những giọng nói dịu dàng lướt qua đầu họ và một nỗi sung sướng bao la hơn tất cả những khoái lạc, tràn đầy tâm hồn.

Vậy mà không ai hiểu tại sao.

Trong lúc đó ông lão cố gắng nhóm lửa trong cái bếp bằng sắt. Pitjevogel thấy lửa không bắt cháy, hỏi ông lão :

— Bác có cần cháu giúp không ?

— Vô ích vì củi ẩm.

— Bác không có than à ?

Ông lão buồn rầu trả lời :

— Chúng tôi không có tiền.

Gã mục đồng hỏi :

— Vậy bác ăn uống thế nào ?

— Chúng tôi không có gì ăn.

Những ông Vua, ngỡ ngàng và ái ngại nhìn ông lão và người đàn bà trẻ, nhìn đứa trẻ và nhìn con chó đói trơ xương. Rồi họ nhìn nhau. Họ có cùng một tư tưởng và bây giờ cái tất đầy tiền được lộn ra trên lòng người đàn bà, thức ăn trong túi được bầy trên cái bàn nhỏ cập kênh.

Ông lão ngấu nghiến ăn bánh, ông đưa cho người đàn bà trẻ một trái cây thật đỏ mà trước khi cắn, bà ta đưa cho đứa bé nhìn với đôi mắt thật tươi.

Ông lão nói : « Cám ơn các ông. Thượng Đế sẽ phù hộ các ông. »

Và họ lại lên đường, con đường họ biết rất rõ, con đường đi tới quán « Người Cá Nhỏ ». Nhưng cái tất được cuộn lại và nhét trong túi áo, cái túi đựng đồ ăn xẹp lép. Không còn một đồng xu, không còn một mẩu bánh.

Pitjevogel hỏi :

— Các bạn có biết tại sao chúng ta lại cho người nghèo đó tất cả không ?

Hai gã kia trả lời, không.

Pitjevogel kết luận : « Tôi cũng không biết nữa. »

Một lát sau, gã mục đồng nói : « Tôi nghĩ là tôi biết ! Đứa trẻ chẳng phải chính là Thượng Đế ư ? »

Gã câu lươn cười : « Không phải, bạn nói sai rồi. Thượng Đế mặc áo choàng trắng có thêu kim tuyến có râu và có hào quang như ta thấy ở nhà thờ đó. »

Gã mục đồng cãi lại : « Hồi xưa, lúc Giáng sinh, Người ra đời trong chuồng súc vật là gì. »

— Có thể là hồi đó như vậy, nhưng đó là cả hơn trăm năm về trước.

— Vậy thì tại sao chúng mình lại cho tất cả ?

Gã ăn mày cảm thấy đói bụng và nói : « Tôi cũng điên cái đầu và tự hỏi như vậy. »

Họ yên lặng đi qua quán « Người Cá Nhỏ » sáng trưng ánh đèn, ở trong có tiếng ca và tiếng nhạc khẩu cầm. Miệng họ ráo khô vì thèm rượu, thèm miếng thịt phết nhiều mù-tạt.

Pitjevogel trả gã mục đồng ngôi sao. Gã mục đồng bao giờ cũng giữ ngôi sao này và không nói thêm một điều gì nhưng tâm hồn cảm thấy thanh thản, họ giã từ nhau ở ngã tư. Mỗi người đi về phía tổ mình ở. Gã mục đồng về với đàn cừu, gã ăn mày về vựa cỏ và Pitjevogel về vựa lúa của gã, nơi có tuyết rơi xuống.

●

TẤM BÊN TRÁI

Lại tối lễ Giáng sinh. Gã mục đồng Suskeweit, năm nào cũng đóng Ba Vua với Pitjevogel và Schrobberbeeck mà cả ba mang ngôi sao, tới các nông trại hát những bài cổ xưa. Suskeweit ốm nặng, nằm liệt giường, và cái chết phảng phất gần đó. Ngôi sao gỗ và cái vương miện bằng sắt để ở góc nhà.

Và cũng như mọi khi, gã ngủ trong chuồng cừu. Qua khung cửa sổ ở giữa giường, gã có thể thấy những khoảng ở phía xa phủ đầy tuyết mà vành trăng khuyết như một con thoi bạc, đã dệt tấm áo đẹp cho những vì sao.

Đây là lễ Giáng sinh đầu tiên, gã đã không thể đi cùng với các bạn gã, bây giờ chỉ còn có hai người đi nhưng họ vẫn hát « Chúng ta là Ba Vua ».

Kể từ khi xảy ra phép lạ hồi năm ngoái, khi họ đi tới cái xe lều và thấy ở trong đó có một ông già khốn khổ, một người đàn bà trẻ và một trẻ sơ sinh và, vì một sự xúc động bí mật và một sự kính trọng không rõ rệt, họ đã trao tặng tất cả tiền nong và thức ăn họ đã nhận được. Và cũng kể từ đó, Suskeweit bắt đầu một cuộc đời mới. Gã cảm thấy rõ ràng đứa trẻ đó chính là Thượng Đế, và mỗi năm vào dịp lễ Giáng sinh, Thượng Đế lại xuống trái đất trong một ngày. Gã nhớ rõ ràng lúc thất lạc, gã thấy ánh sáng dưới băng giá như thế nào và tiếng ong kêu trên không, họ đã sợ như thế nào, và khi họ thấy đứa trẻ, họ đã cảm thấy một sự dịu dàng như thế nào và tại sao họ cùng tự nhiên biếu tất cả số tiền và lương thực họ đã cay đắng lắm mới kiếm được.

Và họ đã chẳng nghe thấy người đàn ông nghèo khổ đó nói, khi Pitjevogel hỏi đường : « Chính đây mới là chỗ các con phải đến ». Chắc chắn đó là gia đình Chúa. Gã đã kể tất cả cho vị linh mục nghe và ông ta đã dùng nhiều lời đuổi gã đi. Ông còn lại khinh bỉ nói gã mục đồng chỉ là đứa trẻ bị bỏ rơi, đầu óc tê cóng vì lạnh giá.

Bất cứ ở đâu gã nói gã gặp gia đình Chúa, người ta cũng chế nhạo gã. Và ngay cả hai đứa bạn của gã, cũng dần dần quên nỗi xúc cảm đẹp đó. Bây giờ khi nghĩ lại, họ chỉ nói :

« Kỳ lạ thật, phải, kỳ lạ thật ».

Nhưng họ không chú ý lắm tới chuyện đó, và mỗi ngày họ lại phạm lỗi nặng hơn để có tiền hoặc có rượu uống.

Nhưng cuộc đời Suskeweit đổi thay. Bao giờ trong lòng gã cũng có một niềm vui lẻ lói, nhưng bây giờ gã cảm thấy vui sướng tràn trề, đầy những cảm giác dịu dàng và tươi đẹp đến nỗi gã không còn chút thực tế nào.

Gã chểnh mảng việc ăn mặc và quên cả chăm sóc đàn cừu.

Cứ mỗi buổi lễ, gã lại quỳ hàng giờ và hát những bài ca ngắn, và đọc kinh của trẻ con.

Gã dày vò thể xác để tạ lỗi, để xóa bỏ những tội xưa. Khi trời băng giá, gã đục băng ra và đứng ngâm chân không xuống nước lạnh buốt.

Bây giờ, mỗi khi kéo lê bước chân khập khiễng theo sau đàn cừu, gã đều lần tràng hạt. Và khi nói chuyện với những người nông dân, gã không nói tới thời tiết hay hoa màu mà chỉ nói tới Đức Mẹ, Chúa Hài Đồng và những bóng tối của tội lỗi.

Những người trước đây cho là gã chất phác bây giờ thấy gã điên quá đi, và tìm cách tránh né gã. Những điều gã nói thì thích hợp với một vị linh mục chứ không thể thích hợp với người rách rưới như gã.

Suskeweit nóng lòng chờ lễ Giáng sinh sắp tới. Chính gã giữ ngôi sao và mỗi năm lại sửa lại cho mới. Lần này gã cũng sẽ dùng giấy màu và giấy bạc, và trang điểm thêm những bông hồng màu đỏ. Gã sẽ không đội cái mũ cao nữa, vì lẽ gã mang tới thợ thiếc sửa thành cái vương miện. Chắc nó phải đẹp lắm. Một hôm hai đứa bạn tới xem ngôi sao vì họ được tin là mới có nhiều người cũng sẽ đi xin như họ, mà ngôi sao của họ chung quanh có gắn thêm nhiều quả cầu nhỏ và rỗng, và như vậy họ sẽ xin được nhiều tiền hơn.

Nhưng Suskeweit nhìn hai người một cách nghi ngờ và nói : « Tôi chỉ đi với các bạn nếu các bạn hứa cho hết người nghèo tiền và thức ăn ta xin được. »

Gã câu cá kêu lên :

— Mày điên à !

Gã ăn mày mắt sưng lên và hỏi :

— Thế chúng mình không nghèo hay sao ?

Suskeweit nói :

— Không. Ta phải cho Thượng Đế nhưng gì ta có. Và một người nghèo hay Thượng Đế cũng vậy.

Schrobberbeeck nói :

— Thế thì tao ở nhà. Mày tưởng tao mệt xác ca hát được tiền rồi cho kẻ khác à ? Một lần thì còn được.

Gã Pitjevogel lảu lỉnh nói :

— Tao biết rồi. Chúng mình làm lấy một ngôi sao. Mày tưởng tụi tao không biết làm hả ? Thôi, giã từ thằng điên.

Gã mục đồng kêu lên :

— Tụi bay muốn làm gì thì làm. Nhưng ngôi sao này đã giúp ta tìm thấy Thượng Đế, không thể để tụi bay dùng đi xin tiền để rồi lấy tiền đó tiêu vào những việc tội lỗi.

Một lớp tuyết bụi rơi xuống và Suskeweit cảm thấy chan hoà sung sướng. Một mình gã sẽ đi hết trại này đến trại kia, để xin tiền cho người nghèo.

Nhưng gã ốm và không đủ sức ra khỏi giường.

Lễ Giáng sinh tới. Gã mục đồng nhận được phép bí tích. Gã thấy vị linh mục tới, vận y phục có thêu chỉ vàng và gã thấy vị đó ra đi. Chiều xuống và mặt trăng tới nhìn cái thế giới toàn trắng này. Suskeweit khóc và những giọt nước mắt chảy trên má bởi vì gã không thể ăn mừng lễ Giáng sinh cho người nghèo.

Ngôi sao của gã đã nghe gã ca những bài ca ngắn từ ba mươi tư năm nay. Bây giờ cái chết phảng phất nơi đây. Tim gã hầu như không còn đập, nhưng cái lý trí khốn khổ của gã đôi khi lại loé sáng lên.

Những người ở trong trại tới cạnh gã trong giây lát, rồi họ tưởng gã ngủ, họ quay trở lại bếp nơi người ta làm bánh, và có cây củi Giáng sinh đang cháy. Gã nghe tiếng họ cười đùa và gã thấy thương hại họ. Người ta thổi kèn và tiếng ca vang lên.

Gã chỉ còn sống được hai giờ và gã cầu xin được sống cho tới giờ thần linh đó.

Cái đầu nhăn nheo của gã ngả sang một bên và gã có thể lần lượt thấy mặt trăng trên trời và ngôi sao lấp lánh sáng ở một góc. Bàn tay gã mở ra, bàn tay gầy guộc với những ngón tay xương xẩu.

Gã ra đời như vậy — gã bị bỏ ở bên đường khi còn bé — và bây giờ gã chết cũng lẻ loi và lạc lõng. Gã chỉ còn những con cừu, những con vật tới nhìn gã nằm trên ván.

Trăng lên, lên mãi và càng lên cao, càng nhỏ, càng trong sáng.

Suskeweit thành khẩn cầu xin được hưởng lần nữa phúc lành Giáng sinh. Gã cứ như vậy trong một thời gian lâu. Sau cùng gã thấy đó đây, gần cái cối xay bột mì, những người đàn bà, ý phục chỉnh tề, tay mang đèn lồng đi về phía làng. Trong trại không còn một tiếng động.

Một lát sau, gã nghe tiếng chuông nhà thờ rung và tiếng nhạc phong cầm.

Mới đầu, gã tưởng gã nhầm bởi vì nhà thờ ở khá xa. Nhưng không thể chối cãi được, vì lẽ rõ ràng có tiếng nhạc phong cầm. Tiếng nhạc êm dịu, trơn mượt, réo rắt, dần dần trịnh trọng mở ra, đưa đẩy, và tràn đầy cảm xúc cao cả. Chưa bao giờ gã được nghe tiếng nhạc hay như vậy. Trước khi trở về với tâm trạng bình thường, gã bỗng nghe thấy tiếng những con cừu kêu lên, và dưới ánh trăng, gã thấy lũ cừu đều quay đầu về phương Đông.

Gã Suskeweit lắp bắp nói, toàn thân cứng nhắc vì sung sướng.

— Đã tới Giờ Thần linh.

— Chúa ơi ! Chúa ơi !... Ngôi sao đâu rồi ?

Gã muốn nhổm dậy nhưng không được.

— Ngôi sao của tôi đâu !

Gã tuyệt vọng dùng hết sức lực đạp cái mền, và kéo cho cái mền căng ra. Gã húng hắng ho. Khi cơn ho qua khỏi, trán gã đầy mồ hôi, và gã nghiêng người, thò đôi chân khẳng khiu ra khỏi giường. Gã lại ho nữa, nhưng không đợi cho cơn ho dứt. Gã đứng dậy, dựa vào tường, đầu gối khuỵu xuống, lần hồi đi về phía ngôi sao. Sau cùng gã trở về giường, đầu đội vương miện bằng sắt, cánh tay ôm ngôi sao.

Khi gã thấy bớt kích động, gã bắt đầu kéo sợi dây, mắt nhìn đêm trăng, và gã hát, giọng gẫy khúc mềm mại, hát theo điệu nhạc dịu dàng của chiếc phong cầm bí mật :

« Chúng tôi là Ba Vua mang ngôi sao

Chúng tôi từ xa tới.

Chúng tôi tìm khắp nơi

Trên núi, dưới thung lũng
Và nơi nào ngôi sao ngừng lại.
Cả ba chúng tôi đều bước vào. »

Nước mắt ràn rụa trên má, gã thấy rờn rợn, và trong đôi mắt sắp lạc hết tinh anh của gã thỉnh thoảng ngọn lửa của một tâm hồn sung sướng lóe lên.

Nhưng có ai đang tới kia ? Nơi xa kia, nơi thật xa đó ? Một ánh sáng trong hơn ánh sáng thường lệ tiến lại gần, lướt trên tuyết đẫm ánh trăng. Ánh sáng đó tiến thẳng tới, bất kể những hàng rào, những con đường.

Suskeweit sợ hãi, nín thở nhưng tiếp tục kéo sợi dây một cách máy móc, và ngôi sao quay đi quay lại.

Ánh sáng đó cứ tiến lại gần. Sau cùng hiện ra một trẻ nhỏ, mặc áo trắng, chân đi đất. Đứa trẻ mang trong tay quả cầu, và một ánh rạng đông mầu cầu vồng tỏa chiếu, quanh khuôn mặt có đôi mắt xanh, quanh mái tóc quăn màu bạch kim.

Suskeweit thì thầm.

— Ai vậy ? Hình như mình đã thấy ở đâu...

Đứa trẻ tới thẳng chỗ gã, trong chốc lát khuất dưới khung cửa sổ, rồi cánh cửa sổ mở và đứa trẻ đứng đó, trước mặt gã, tươi mát như bông hoa mới nở. Chuồng cừu bỗng tràn ngập hương thơm của khu vườn trồng hoa hồng.

Đứa trẻ tiến tới, tin tưởng và mỉm cười.

— Suskeweit dấy à ! Còn nhớ ta không ? Ta đến thăm người vì người không thể tới ta.

Một nỗi ngạc nhiên vui vẻ làm rạng rỡ khuôn mặt Suskeweit, và nụ cười nở trên môi gã. Gã quá xúc động để nói ra lời, gã gật đầu, những giọt nước mắt đeo trên má gã.

Đứa trẻ nói tiếp :

— Thế nào ? Vậy người có muốn tiếp tục bài ca của người không ? Ta muốn nghe lắm.

Và Suskeweit kéo sợi dây với niềm kính cẩn và hát trong khi mắt của gã, tràn đầy ánh sáng sung sướng, sáng láng trong ánh lửa hồng.

« Marie lo ngại thở dài
Khi nghe có tiếng động
Vì tưởng Vua Hérode
tới bắt con mình
Vì tưởng rằng đó là Hérode
tới bắt đứa con của mình. »

Và bạn có thấy cây táo ngoài kia không? Không phải tuyết mà chính những nụ táo đã làm cây táo trắng như vậy.

Và những con cừu ngước nhìn lên, con nọ trèo lên con kia để nhìn được rõ hơn.

Đứa trẻ nói :

— Tới đây. Tới đây với ta, vào nhà của chúng ta.

Suskeweit cười :

— Vâng, vâng.

Gã bỗng cảm thấy khỏi bệnh. Gã muốn mặc cái quần dài vào nhưng gã không thấy lạnh, hơn nữa gã đang vội.

Gã cầm lấy ngôi sao và đi theo đứa trẻ đầu tỏa ánh hào quang. Tuy nhiên gã quay lại và nhìn những con cừu đang thảm thiết kêu.

Gã hỏi :

— Liệu bọn chúng có tới được không? Tôi là kẻ chăn cừu mà.

Đứa trẻ nói :

— Càng tới nhiều càng tốt.

— Tới đây hết đi tụi bay.

Suskeweit mở cái rào và đàn cừu chen chúc nhau tiến tới. Và như vậy họ đi trong đêm trắng xóa và ánh bạc. Đứa trẻ bước đi, bàn tay bụ bẫm trong tay gã mục đồng, dẫn lão già đi trên tuyết trinh trắng. Suskeweit mang ngôi sao, lấp lánh dưới ánh trăng, và những con cừu theo sau, đầu kính cẩn cúi xuống.

Đứa trẻ chỉ tòa lâu đài óng vàng ở nơi xa xôi, hiển hiện trong một khu vườn xuân, và nói :

— Sắp tới nơi rồi đó.

Suskeweit sung sướng kêu lên :

— Đẹp quá, đẹp quá.

Và gã quay lại nói với đàn cừu :

— Nơi đó nhiều cỏ non lắm, tụi bay à.

Và họ bước vào đó.

•

Schrobberbeeck và Pitjevogel trở về sau khi cải trang làm Hai Vua. Cả hai đều say vì uống những ly rượu người ta ban cho. Vương miện của họ đội ngược và ngôi sao bị gẫy. Hai người choàng tay nhau, loạng choạng đi và miệng lẩm nhẩm hát. Trên đường về, họ đi qua chỗ ở của Suskeweit.

Pitjevogel cười nói :

— Ta vào đây lắc túi tiền vào tai nó đi. Dám từ chối không cho ta mượn ngôi sao.

Nhưng khi họ nhìn qua khung cửa sổ, họ thấy Suskeweit nằm chết trên giường. Gã mặc áo ngủ, đầu đội cái vương miện bằng sắt trắng, và ngôi sao với những màu sắc sáng chói đặt bên cạnh. Và cả hai quá sợ, vội bỏ chạy, bỏ quên cả ngôi sao gẫy của họ.

•

Ngày hôm sau, người ta tìm thấy Suskeweit. Đàn cừu ăn cỏ ở nơi xa, trên cánh đồng. Trong chuồng cừu có hương thơm mùi hoa hồng.

•

TẤM BÊN PHẢI

Mặc dầu ánh trăng vằng vặc chiếu xuống cánh đồng phủ đầy tuyết sáng, gã ăn mày Schrobberbeeck cũng cầm đèn đi lễ nửa đêm.

Đó là vì gã sợ Thượng Đế.

Bây giờ không như những năm trước mà vào ngày này gã cùng các bạn, đóng vai Ba Vua, vào các nông trại, vừa đi vừa quay ngôi sao.

Mọi năm vào ngày này gã vui thích lắm vì gã xin được nhiều tiền nhất !

Thế mà bây giờ gã sợ lễ Giáng sinh.

Hai năm trước đây, trong khi trở về cùng với gã thợ câu Pitjevogel và gã chăn cừu Suskeweit, họ đã thấy gia đình Chúa trong chiếc xe lều.

Năm sau một mình gã với Pitjevogel mang ngôi sao đi khắp các nông trại. Khi họ loang choạng trở về, bụng đầy rượu, họ đã thấy Suskeweit (gã mục đồng đã trở nên ngoan đạo kể từ khi gặp gia đình Chúa) chết, ngôi sao trong tay, có ánh sáng thiêng liêng bao phủ.

Lễ Giáng sinh đòi hỏi ở nơi gã một cái gì : gã cảm thấy có bàn tay của Thượng Đế.

Nỗi lo sợ liên tục đè nén tâm can gã, và cũng vì sợ hãi mà gã chủ nhật nào cũng đi nhà thờ. Gã luôn luôn sợ có cái gì thần linh sẽ xảy tới với gã, còn sợ hơn sợ quỷ mà bây giờ Pitjevogel đang làm việc với.

Bởi vì có tin đồn người thợ câu hồi mùa hạ đi tắm ở sông Nèthe bỗng một cơn bão dữ dội nổi lên. Quần áo của Pitjevogel bị gió thổi bay mất và gã sợ đến nỗi gã trần truồng chạy trốn vào trong một ngôi nhà nhỏ của một thầy tu xuất, mà ông này thì lại thỏa hiệp với quỷ. Khi thấy Pitjevogel, mình phủ đầy lông đen, ông ta đã tưởng là quỷ tới và ông ta nói : « chào Sa-tăng ». Gã thợ câu rụt rè trả lời : « Tôi chỉ là Pitjevogel ». Và như vậy thầy tu xuất dạy gã phép thuật ma, trong một cuốn sách kỳ lạ : Ambrosius người da đen.

Kể từ ngày đó, gã thợ câu tiêu rất nhiều tiền. Nhưng gã phải về nhà trước khi mặt trời lặn. Pitjevogel người thợ câu trước kia rất thích ngồi thuyền câu lươn, vào những đêm hè nóng nực, bây giờ biến mất khi ánh sao bắt đầu lấp lánh. Và không một thú vui nào đủ mạnh để kéo gã ra khỏi nhà lúc đêm tối.

Schrobberbeeck trước kia rất mến Pitjevogel vì gã này thường làm hắn cười đau cả bụng, thì bây giờ Schrobberbeeck lại tránh mặt gã.

Gã tránh người thợ câu vì không muốn để Thượng Đế chú ý tới gã.

Gã không bớt ăn cắp, bởi vì tính gã là như vậy. Gã không thể để ở đó những vật gì gã có thể mang đi.

Gã lang thang trong xứ, tới các nông trại xin ăn, đôi mắt đỏ ngầu quay nhìn cho tới khi chỉ thấy có lòng trắng, và miệng lầm nhầm đọc kinh.

Bây giờ gã có nơi trú ngụ, một túp lều gỗ nơi trước kia người nông gia ở Waterschans dùng để chứa dụng cụ. Nơi đó nay bỏ hoang và Schrobberbeeck lấy đó làm nơi trú ngụ. Gã ngủ ở đó, ăn ở đó và cất ở đó những gì người ta cho gã hoặc những gì gã ăn cắp được. Gã còn có mảnh gương vỡ mà gã có thể soi khuôn mặt đỏ sám của gã, với những cuống râu màu nâu. Nước mưa xuyên qua mái và gió rung căn nhà như rung một tấm bằng hiệu, nhưng dù sao gã cũng cảm thấy hãnh diện có một mái nhà, và gã sửa sang một mảnh vườn nhỏ, lớn bằng cái bàn ăn để trồng củ cải đỏ.

Nhưng gã cũng không dám ra khỏi nhà trong đêm tối vì e ngại điều thần linh đó sẽ đeo đẳng lấy hắn.

Bây giờ mỗi khi đi ăn xin trong xứ, và bao giờ cũng vì một lý do là để khỏi làm mất lòng Thượng Đế, gã đều bỏ cái mũ khốn khổ ra chào các tượng Đức Mẹ mỗi khi gã đi qua. Ở trong vùng này có cả hai chục tượng Đức Mẹ. Những tượng ở đó, bằng đá, bằng gỗ hay bằng thạch cao. Cái thì ở trên một cái tran bằng gỗ, treo ở cành cây, cái thì ở trên một cái bục đá hay trong những cái miếu nhỏ bằng gạch. Vì mỗi ngày gã đều ngả mũ chào nên gã đều biết tất cả những tượng đó. Gã nhớ những màu sắc, hình dáng, kích thước và tên những bức tượng và gã biết người ta cầu xin những ngôi tượng đó những gì.

Gã biết rõ tất cả, từ bức tượng Đức Mẹ Bảy Niềm Đau trong rừng Nữ Tu đến tượng Đức Mẹ An Nghỉ không lớn hơn ngón tay cái, đặt ở trong hốc cây liễu bị sét đánh.

Và gã cũng biết bức tượng Chúa to lớn, bằng gỗ ở gần cái ao nơi súc vật thường tới đó uống nước.

Gã chờ đợi lễ Giáng sinh tới, trong niềm lo lắng tột độ vì gã e sợ lại gặp điều gì thần linh. Trước gã có ý định ngủ ở trong quán cà phê « Nhân Ngư », gã nghĩ Thượng Đế hẳn sẽ không tới cái quán cà phê đó, nơi người ta thường uống rượu say và chửi thề. Rồi gã lại sợ sẽ bị trừng phạt vào một đêm khác.

Vậy đâu rồi cuộc sống ăn mày bình thản của gã, gã là người trước kia sống ngày nào hay ngày đó, sống một cách mãn nguyện.

Nhưng lễ Giáng sinh sắp tới. Gã không còn dám rước ngôi sao đi, mặc dầu gã rất muốn ; gã có cảm giác đó là một trò nguy hiểm cho gã. Rồi gã nghĩ phải đi lễ nửa đêm, không phải vì tình thương, vì lòng tin hoặc vì thách đố, nhưng mà là vì muốn gạt bỏ cái siêu nhiên đi. Để vững lòng đi trong đêm trăng trắng xóa và lạnh lẽo, gã mang theo một cái đèn nhỏ và đi tới ngôi nhà thờ ở nơi xa xôi.

Gã đã muốn nhắm mắt mà đi, để khỏi nhìn những cảnh vật trong đêm lạ lùng, trang trọng và tuyết lạnh này khi cảnh vật chăm chú theo dõi bước đi của gã, trong ánh lửa chập chờn của lưu huỳnh.

Tiếng chuông từ nơi rất xa ngân lên, và Schrobberbeeck tìm những người khác đi lễ nhưng không thấy một ai, không thấy cả dấu vết, gã hoàn toàn cô độc trên con đường. Tim gã đập mạnh. Gã cảm thấy càng ngày càng nhỏ bé như thể gã đang ngụp lặn trong nỗi cô liêu trắng xóa của một đêm trăng sáng. Khi gã tới cái cối xay bột mì màu đen, giờ đây tuyết phủ trắng xóa, gã cảm thấy nơi xa còn xa vời lắm, và nỗi lo âu kẹp chặt lấy tim gã.

Gã rảo bước thật nhanh, nhưng gã không dám chạy. Tại sao gã không dám chạy ?

Và bây giờ gã tới cái cây có tượng Đức Mẹ. Một bức tượng nhỏ bằng sứ, áo có những hoa viền chỉ óng vàng. Gã lấy lại tin tưởng ; gã bỏ mũ ra và ngước nhìn van xin. Nhưng tượng Đức Bà không còn đó. Trước, khi gã đi kiếm dầu đổ vào đèn thì bức tượng hãy còn trong hốc cây ! Gã nghĩ : « Chắc rớt xuống rồi ». Tuy nhiên, trên tuyết trắng, bằng phẳng, gã chỉ thấy có những vết chân thật nhỏ, như thể chân chuột nhắt chạy ở đó.

Schrobberbeeck tự nhủ :

— Chắc họ ăn cắp mất rồi !

Và gã rảo bước qua. Gã bước ngang đường để chóng tới nhà thờ. Tới cái cầu nhỏ bắc ngang qua con suối, gã muốn tới lễ Đức Mẹ Lòng Tin, đặt trên đài, nhưng gã cũng không thấy tượng đó đâu ! Gã ngừng lại, hoảng hốt. Tiếng chuông nhà thờ tắt dần, và sự yên lặng lại đè nặng lên cảnh vật, một sự yên lặng bí mật. Gã soi đèn và lại thấy những vết chân nhỏ trên tuyết.

Những hạt mồ hôi lấm tấm trên trán gã, và bây giờ gã chạy ! Phép lạ lại bắt đầu vây quanh gã. Trong cơn sợ hãi, gã háo hức muốn biết Đức Mẹ An Nghỉ có còn ở trong hang đá không.

Không, bức tượng không còn đó. Cái đài bằng cẩm thạch giả trống không.

●

Có lẽ trong đời Schrobberbeeck chưa bao giờ gã lại chạy nhanh như vậy, tuy nhiên mỗi khi chạy qua một bức tượng gã lại đưa mắt nhìn xem tượng còn đó không ? Không còn một bức tượng nào ! Chuyện gì đã xảy ra, phải chuyện gì hết sức là thần linh !

Khi gã vượt qua khu rừng thông, chung quanh có những cây phong ánh bạc, gã thấy nhà thờ, ánh sáng từ trong chiếu qua cửa kính một cách niềm nở.

Giờ đây, đồng hồ sắp điểm mười hai giờ đêm. Gã chạy dọc theo những cây thông trầm lặng và bí mật. Gã không dám ngước mắt nhìn. Thêm nửa phút nữa là gã thấy nhà thờ và những mái nhà. Nỗi nguy hiểm sẽ hết.

Rồi gã nghe tiếng sột soạt tiến tới và một hình dáng nhỏ, cao chừng nửa thước, chạy trên tuyết. Hình bóng đó vận cái áo màu đỏ và một cái áo choàng màu xanh sáng. Và trên bộ ngực hồn hển thở có cắm bảy cái gươm bằng sắt trắng.

Schrobberbeeck lắp bắp nói :

— Đức Mẹ rừng Nữ Tu.

Và gã nghĩ sẽ chết vì sợ. Bỗng hình bóng nhỏ đó tiến tới phía gã và, với một giọng hết sức bình thường, không có vẻ gì là giọng của Đức Mẹ Đồng Trinh : « Ô ! Ông Schrobberbeeck, người bạn tốt ngày nào cũng chào tôi khi đi qua, hãy giúp tôi với, hãy giúp tôi với ! Tôi đã chạy cả một giờ nay chân tôi đau lắm và tim tôi đập như muốn vỡ. Làm ơn mang tôi tới chỗ con tôi bị đóng đinh lên thập tự giá gần cái ao, nếu không tôi sẽ tới quá trễ để dự lễ Giáng sinh của con tôi ».

Đức Mẹ đưa cánh tay ra năn nỉ, áo choàng bao phủ chấm đất và mùi thơm hoa tím tỏa ra.

Schrobberbeeck, quá kinh hãi, nói không ra lời. Lại một sự thần linh đáng sợ. Gã im lặng, tóc dựng ngược lên và con mắt đau yếu của gã lồi ra.

Nhưng Đức Mẹ Đồng Trinh hoảng hốt van nài :

— Ông Schrobberbeeck ơi, ông làm ơn mang tôi đi ! Ông chạy nhanh hơn tôi, mà tôi thì nhẹ như sợi lông. Nếu tôi đi một mình phải một giờ nữa mới tới, và cuộc lễ sẽ chấm dứt. Hãy giúp tôi với. Tôi sẽ làm bất cứ cái gì giúp lại ông. Lúc nãy tôi bận nên không đi sớm được. Có một người đã đến cầu xin tôi. A (gã khốn khổ đó) vì có mấy đồng tiền mà hắn ta đã bán linh hồn cho quỷ ; hắn tránh cơn bão tại nhà một người tu xuất, và hắn đã học phép ma thuật ! Người đó, vào lúc đêm, đã van xin tôi giúp đỡ, giải thoát hắn khỏi cho quỷ ám, quỷ lúc đó đứng sau hắn, giống như con rắn đứng bằng đuôi ! Trước hết là phải cứu vớt hắn ta đã, phải không Schrobberbeeck ? Thật là một trận chiến kinh khủng giữa tôi và con rắn để cứu hắn ta.

Schrobberbeeck hỏi với một niềm tin tưởng chợt thấy.

— Thế Pitjevogel có được cứu rỗi không ?

Đức Mẹ Bảy Niềm Đau trả lời :

— Có, nhưng mang tôi tới chỗ con tôi, ở gần cái ao.

Một ánh sáng đẹp bây giờ lướt vào tâm hồn Schrobberbeeck.

— Thưa Đức Mẹ, con không dám mang người lên, tâm hồn con cũng lấm như chân con vậy !

— Tôi sẽ soi sáng cho tới khi tâm hồn ông sáng láng. Nhưng hãy mang tôi đi, hãy mang tôi đi.

Schrobberbeeck nói :

— Xin tuân lời.

Gã nhấc tượng Đức Mẹ lên, và như một đứa trẻ, gã chạy nhanh qua rặng thông u tối, qua cánh đồng, hướng tới phía ao.

Nơi đó, cây thập tự giá tỏa ra một ánh sáng dịu.

— Bây giờ ông để tôi xuống đây.

Gã e sợ và đặt Đức Mẹ xuống, và Đức Mẹ chạy mất.

•

Schrobberbeeck lâng lâng vì trái tim của gã cảm thấy sự hiền dịu khi gã mang bức tượng. Gã máy móc tiếp tục đi, nhưng gã thấy cái gì đó vậy ? Gã quỳ xuống, tràn ngập sung sướng.

Cây thập tự giá rực sáng. Chúa như thể sống, và các Đức Mẹ đồng trinh ở trong vùng, mỗi vị vẫn giữ nguyên kích thước, nhưng vận y phục thật, chứ không phải bằng sơn, bằng đá, hay bằng gỗ, tất cả đều quây quần quanh Chúa.

Gã biết tất cả các vị đó : Đức Mẹ Ẩn Náu bằng sứ, Đức Mẹ Lòng Tin bằng thạch cao, Đức Mẹ Năm Vết Thương Nhỏ, Đức Mẹ Thân Ái, Bánh Tốt, Hồng Thắm, Đức Mẹ Bột Mì, Khoai Tây, và Mưa. Phải, cả Đức Mẹ An Nghỉ, cao bằng ngón tay cái, đứng hẳn lên phía trước vì quá nhỏ. Tất cả đều chờ ở đó. Tất cả đều quay lại phía rừng thông và thấy Đức Mẹ Bảy Niềm Đau chạy tới. Rồi, hai chục bức tượng sống động có một cử động vui vẻ. Khi Đức Mẹ Bảy Niềm Tin tới và vào chỗ của mình, thì tất cả đều quỳ xuống và thành kính chìa tay về phía con trai của mình, lúc đó mở con mắt tươi đẹp ra, thân ái nhìn tất cả.

Trong vòng ánh sáng, Schrobberbeeck thấy vết thương bên sườn Chúa từ từ rỉ máu. Và Schrobberbeeck ước mong được thấy thế mãi, bởi vì đó là nước Chúa Trời.

•

Ngày hôm sau, tất cả các Đức Mẹ đều trở lại hình thức tượng đá hay tượng gỗ ở trong các am, trong các hốc cây hay trong nhà thờ. Nhưng ở trước nhà thờ Đức Mẹ Bảy Niềm Đau, ở khu rừng Nữ Tu, người ta thấy Pitgevogel chết, ở vị thế quỳ, đôi tay nắm chặt vào cánh cửa sắt.

•

Một con rắn độc nhỏ màu vàng nằm chết banh xác ở bên cạnh, trông thật là khủng khiếp.

•

Bây giờ tâm hồn Schrobberbeeck hoàn toàn thay đổi. Gã không còn sợ hãi. Gã còn ước muốn có những lúc sốn sang như thế. Ban đêm gã hi vọng được thấy thế và đứng ở trong nhà thờ để chờ.

Nhưng bề ngoài gã không có gì thay đổi, gã sống trong túp lều xiêu vẹo và đi ăn xin, và những gì không quá nặng, quá cồng kềnh, gã đều không từ và gã đem đi theo.

Gã có cái tinh đó trong huyết quản của gã và những lời cảnh cáo nghiêm khắc nhất cũng không thể sửa đổi gã.

FELIX TIMMERMANS

NHÃ - ĐIỂN dịch

ĐÃ PHÁT HÀNH :

ZEN VÀ DƯỠNG-SINH

do ông THÁI KHẮC LỄ biên soạn

(tái bản lần thứ III)

nói về lý thuyết và cách thực hành phép ăn chay bí truyền của các võ sĩ NHU ĐẠO và các THIỀN SƯ Nhật bản, có công năng cải tạo sinh lực làm trẻ đẹp người, thêm tuổi thọ, tăng cường trí nhớ, chữa lành tất cả các bệnh nan y như đau tim, bón, mất ngủ, di tinh, bạch đái, áp huyết cao, ung thư, ho lao, phong cùi, suyễn, tê bại, điên cuồng, bị phóng xạ nguyên tử v..v... Sách dày 300 trang.

Thư từ xin gởi về :

Ông PHẠM CHÂU
Thư viện Đại học Huế
HUẾ

hoặc

Ông TÔN THẤT HANH
Chủ tịch Hội Dưỡng sinh VN
6, Thoại Ngọc Hầu
GIA-ĐỊNH

Bình Nguyên Đán

Bài thơ suông

« Thơ có tuổi và chiêm bao có tích... »
(Hàn-Mặc Tử, « Ra đời »)

Có một Bài Thơ rất hoang
Tình ngây ngây dại dại ý điên cuồng
Thuở không gian hòa điệu và thời gian chưa lỗi nhịp
Ngơ ngác Bài Thơ suông !

Thuở hoa còn đương nụ
Ong mướt duyên mềm say hương đùa gió
Thoảng động sương thơm
Man mác nao nao lòng lá yếu !

Thuở trái đào tơ
Ửng lên màu son phấn đợi chờ
Căng làn nhung thịt mịn
Nhưng răng chưa lún, trọn niềm mơ !

Thuở vầng trăng vừa nhú
Những vành môi sớm nở đầu mùa phúc lạc
Đọng nghĩa Hôm Nay
Cho Xa Xưa và Sau Mãi tình trăng mật !

Thuở vì tinh đổi ngôi
Vụt sáng nét rạng ngời
Ngàn trong trắng
Kết đậu thành nhịp sống tinh khôi
ÁNH SÁNG ĐÃ RA ĐỜI
Rồi biệt tăm ? — Không, lại thành Sao muôn thuở
Nức nở khóc hay cười
Theo nhịp mắt điệu tim người dương thế !

Thuở con ngài phá kén
Thân phập phồng rung động mấy tầng sao
Mong manh trong phút chốc
Mà gió lộng Vô Biên đã thổi vào
Rung rinh đôi cánh
Hồng chấp bay mãi vô tận trời cao
Hút bao nhiêu hương sắc
Dệt cho sang đôi cánh lụa muôn màu !

. . . . . .

Sáng Ý Vô cùng trong khoảnh khắc
Mặn Tình trăm bề cõi lòng đơn !

Bình Nguyên Đán

Jean Pasqualini

Lễ Giáng sinh của Cha Hiền

Jean Pasqualini, tác giả thiên hồi ký dưới đây, là một người mang hai dòng máu: thân phụ ông người Pháp, thân mẫu người Trung-hoa. Ông đã bị cưỡng bách lao động bảy năm trong một công trường ở Trung Cộng vì « những hoạt động chống cách mạng ». Được phóng thích năm 1964, hiện nay ông sống tại Ba-lê.

Bản Việt ngữ được dịch theo bản tiếng Anh, nhan đề : The Christmas Mass of Father Hsia.

TÊN ÔNG LÀ HIỀN (HSIA), VÀ NẾU MAY MẮN MÀ ÔNG CÒN sống thì giờ đây ông phải được phóng thích khỏi một trại giam ở miền Nam Bắc-kinh. Đó là nơi tôi gặp ông lần chót, vào cuối năm 1961. Nhưng trong bao năm trời kể từ đấy, cứ đến lễ Giáng sinh, ông lại sừng sững hiện ra trong trí tôi với hình ảnh một ông già Trung-hoa ốm yếu, khuôn mặt nhăn nheo với cặp mắt bất khuất. Một lần nữa tôi lại nhìn thấy ông đứng thanh tịnh trong gió buốt, tay dâng bánh thánh và rượu nho, miệng lầm bầm nguyện nhất tâm thờ Chúa — mà trong suốt lúc đó ông biết mình có thể bị bắn vì việc đang làm.

Tôi gặp ông lần thứ nhất vào đầu năm ấy, sau một vụ sắp xếp lại toàn thể nhân số trại tù, biện pháp mà trại trưởng Giang vẫn thường xuyên ra lệnh cho thi hành để áp đảo tinh thần chúng tôi.

Tôi được cử làm cai một xà lim có 18 người tù ; công việc của chúng tôi là dọn chuồng heo, lấy phân bón và chôn người chết. Ông Hiền ngủ ở ổ rơm kế bên ổ của tôi.

Không ai được hài lòng cho lắm về ông Hiền. Bởi lẽ ông trông già yếu quá đến đỗi coi bộ không thể chia xẻ được gánh nặng với mọi người. Nhưng mối lo thực sự chính là ông trước đây là tu sĩ dòng khổ hạnh, và ông cứ nói mãi chuyện Chúa sẽ giúp chúng tôi ra sao nếu như chúng tôi đừng để mất đức tin. Phần đông chúng tôi đã mất đức tin từ lâu rồi. Người Cộng sản đã thấy điều đó. Tôn giáo đã bị loại khỏi nước Cộng hòa Nhân dân như là một thứ ma túy, một tệ đoan mê tín. Nhà nước Cộng sản đã ban hành những hình phạt nghiêm khắc dành cho kẻ nào ngoan cố tin tưởng rằng ngoài Chủ tịch Mao Trạch Đông còn có thể có một quyền lực nào cao hơn. Những tín đồ Thiên Chúa giáo đặc biệt bị hành hạ, bởi lẽ đã phạm tội thờ phụng « Chúa của bọn Tư bản ».

Ông Hiền, ở vào địa vị khác mọi người, tất đã phải nếm mùi cái nguy cơ đó : ông bị xử 20 năm lao động công trường chỉ vì phạm độc một cái tội là tu sĩ. Âm thầm, ông vẫn tiếp tục cầu nguyện và hành đạo theo cách riêng của ông. Bọn tù chung xà lim chúng tôi để mặc ông hoặc còn xa lánh ông là đằng khác ; chúng tôi đã có dư mọi thứ chuyện để sợ rồi không kể tôn giáo của ông Hiền. Tuy vậy ông không bị tủi hổ mãi vì chúng tôi làm thinh với ông đâu. Dù sao ông cũng khám phá ra chuyện ngoài ông ra, trong xà lim, còn có tôi là người duy nhất theo đạo Thiên Chúa, và rồi một hôm, trong lúc nghỉ tay, ông đến gặp tôi, ông bảo tôi : « Con vẫn là con chiên ngoan đạo, đúng không Jean ? Ngoan đạo ở trong lòng thôi ».

« Tôi là tù mà, ông già ơi », tôi chán nản nói, « xin cứ để tôi yên cái phận tù của tôi đi ».

Ông Hiền dường như không nghe tôi nói. Ông tiếp : « Ta cùng cầu nguyện với nhau được, Jean ạ. Cha có thể nghe con xưng tội ».

« Coi chừng đó, ông Hiền ! » Tôi sẵng giọng nói, trong lòng thì sợ đến chết nếu có người nghe được lời lão già ngu này nói thì chỉ nguy. « Nếu ông muốn ra đứng trước tiểu đội hành quyết, thì đó là việc của ông. Còn tôi chỉ rán làm sao để sống sót thôi. Thôi, xin ông câm cái miệng đi cho ».

Ông Hiền không giận, bảo tôi : « Này con, cha đồng ý. Cha hiểu. Con chỉ cần nhớ cho rằng cha là bạn con ». Và ông đi lượm những thúng phân bón.

Vóc người trông tiều tụy, đáng thương như thế, không hiểu làm cách nào ông Hiền chập choạng bước đi được dưới sức nặng của những gánh phân 35 kí mà chúng tôi gánh đi đổ trên đất ruộng trơ gốc rạ. Gánh phân nặng hầu như làm ông gẫy đôi người. Nhưng ông làm công việc của ông — thường là những công việc của người yếu. « Các anh nghĩ coi cái gì đã giúp cho ông già làm việc nổi đấy ? » một bạn tù hỏi.

« Chúa », anh khác đáp. « Lúc thằng cha Giang không ngó tới, thì Chúa hiện xuống gánh giùm phân cho lão đó ». Chúng tôi được dịp cười hả hê về câu pha trò này.

Chúng tôi chẳng có lắm chuyện thích thú gì khác để mà cười. Chúng tôi làm việc từ rạng đông cho tới hoàng hôn, và phần ăn hàng ngày thì có bánh mì thứ tồi và một tô cháo lỏng. Những xà lim là những căn nhà lá lụp xụp mặc sức cho ruồi và bọ chét quấy nhiễu, và hôm nào cũng vậy, những anh em ở toán chôn cất phải đem xe bò mà chở những cái xác chắc-chắn-là-có qua ngọn đồi dài đến tận nghĩa địa.

Mùa hè năm đó, tôi nghĩ là đã đến lượt mình. Bị suy nhược bởi thiếu ăn và bịnh kiết lỵ, tôi té xỉu ở ngoài ruộng và được mang về bịnh xá. Tôi mê man trong nhiều ngày. Một đêm khi tỉnh lại, tôi thấy ông Hiền ở bên, đang quạt nhè nhẹ trên mặt tôi. Rồi, bằng những cử động che giấu, ông bắt đầu múc đồ vô miệng tôi những muỗng cháo thịt hầm nóng ấm. Tôi được nếm thịt ếch, rau và cháo, và cứ mỗi miếng tôi nuốt, một chút sức khỏe lại trở lại với tôi.

« Chúng có thể hành hạ và hủy diệt thể xác chúng ta, con ạ. » ông thì thầm nhủ tôi « nhưng linh hồn thì chúng không thể nào đụng đến nếu chúng ta không chịu ».

Ông trở lại với tôi ba lần nữa, mỗi lần lại mang nhiều thịt hầm hơn. Mãi đến tháng chín, khi tôi đã đủ mạnh để đi làm tôi mới biết ông đã tán tỉnh và ăn hiếp những anh em tù ra sao để nhờ họ hái những rau dại và bắt ếch trong giờ nghỉ trưa, và chính ông đã ăn cắp từng chút xíu gạo một, chờ cho đủ để nấu một tô mới kiếm chỗ nấu vụng trộm như thế nào. Tôi cảm ơn ông và tôi đã mắc cỡ vì cách tôi cư xử với ông trước đó.

Một hôm ông Hiền kể cho tôi nghe chuyện tại sao ông bị bắt. Chuyện xảy ra vào năm 1947, khi Cộng quân tràn ngập Giang-châu, tỉnh quê ông. Ông dời khỏi tu viện trước ngày hôm đó và khi trở về thì thấy các sư huynh của ông đã bị hạ sát hết, các tòa nhà bị thiêu rụi bình địa. Bộ đội Cộng sản, sau khi thỏa mãn cơn khát máu, bằng lòng bỏ ông vào tù. Sau hai năm sống ở trung tâm thẩm vấn, ông bị xử 20 năm « lao động để cải tạo ».

« Này, ít ra là đến bây giờ ông vẫn còn sống đấy, » tôi nói.

Ông nhìn thẳng vào tôi. « Cha còn sống là vì ý Chúa muốn thế. Cha tin là Chúa có phần vụ giao phó cho cha. Mặt khác, cha ước gì đã được chia xẻ số phận với những sư huynh của cha ».

Tháng mười một năm đó, trại trưởng Giang cử tôi trông coi một trung đội tù có nhiệm vụ đắp bờ phân ranh các thửa ruộng thuộc Nông trường 23. Ngay sau đó, tên Giang cho kiếm tôi. Y nói y nhận được báo cáo nói ông Hiền đã bí mật cầu kinh ban đêm. « Có đúng vậy không ? » y gầm lên.

Tôi gượng cười, đáp : « Thưa ông, ông ta già rồi. Sau một ngày làm lụng ở ngoài đồng, ông ấy kiệt sức nên nói lảm nhảm trong giấc ngủ đấy thôi. »

Tên Giang nhìn tôi chừng chừng một lúc lâu, rồi nói : « về biểu cho lão già biết nếu tao mà thấy báo cáo nghe được chỉ một tiếng trong bài kinh của lão, thì cả hai chúng mày phải trả một giá mắc lắm đó ».

Ngay khi về đến xà lim, tôi tới gặp ông Hiền. « Ông phải cẩn thận đó, » tôi biểu ông. « Đối với tôi thì chỉ vài tháng biệt giam thôi. Nhưng với ông... mạng ông treo chỉ mành đó ! ».

« Còn có cái gì thật quan trọng trong đời Cha nữa ? » ông bình thản hỏi tôi.

Đúng là không còn cách gì để khuyên giải ông Hiền.

Đến tháng Chạp, khí hậu trở nên lạnh buốt, một luồng gió ác nghiệt từ hướng tây bắc thổi tới rít bên tai. Một hôm gần cuối tháng, ông Hiền nặng nề lê bước tới gặp tôi ở bờ ruộng và hỏi tôi có thể để ông nghỉ vài phút chăng. « Chúng mình sắp được nghỉ mệt như thường lệ. Không đợi được đến lúc đó sao ông già ? », tôi bảo ông.

« Không. Lính gác sẽ vô lúc đó. » Ông khổ tâm với những tiếng ông muốn thốt ra. « Con có biết hôm nay là ngày mấy không ? »

« Ngày thứ hai, 25 tháng Chạp. » tôi bực mình nói. Và rồi tôi đứng khựng lại, ngay giây phút ấy tôi nghĩ rằng chẳng phải chỉ có một sự việc hôm nay là ngày lễ Giáng sinh không thôi, mà còn có vụ ông già muốn cầu nguyện nữa. Tôi nãn nì : « Ông có điên mới tìm một cơ hội như thế. »

« Đành phải vậy, » ông không úp mở, « và cha muốn con cùng cầu nguyện với cha. Chúng ta là hai kẻ duy nhất ở đây coi ngày hôm nay là ngày thiêng liêng. »

Tôi nhìn quanh. Những lính gác không có đó, tên lính ở gần nhất cũng đứng ở phía gần cuối Nông trường 23. Tôi bảo ông : « Đi xuống dưới rạch dẫn thủy đi. Tôi cho ông 15 phút đó, ông già. Chỉ có vậy thôi ! »

« Còn con ? »

« Tôi ở ngay đây này. »

Tôi chết cả ngàn lần trong những phút sau đó, tai tôi nghe gió đưa lại lúc xa, lúc gần tiếng la ó của tên lính gác. Và rồi một điều gì đó — mà tôi không rõ nó ra sao — vượt hẳn nỗi lo sợ trong lòng và đưa chân tôi tới rạch. Những gì tôi trông thấy ở nơi đó có một sức lôi cuốn rất mạnh đến đỗi lần đầu tiên trong 4 năm tù đầy tôi quên luôn tên Giang với trại giam, và nhờ đường như tâm trí tôi nảy sinh một niềm tin tưởng vào một chuyện gì đó ngoài hẳn chuyện chỉ lo sao sống sót.

Ở dưới lòng rạch khô nước, ông Hiền đang đọc kinh mi sa. Giáo đường, thì ông có cả một vùng hoang vu bao la ở miền Bắc

nầy, và bàn thờ, ông có một mô đất để thay thế. Áo lễ, thì ông vận bộ đồng phục tả tơi của tù ; một cái ly mẻ tráng men được dùng thay chén lễ. Ông lấy một ít trái nho dành dụm từ lâu để liệu cách chế ra một thứ bánh bít qui mỏng làm bánh thánh. Không có nến bày trên bàn thờ của ông Hiền, thay vào đó, một ngọn lửa nhỏ nhoi leo lét cháy ở đầu mấy cây đóm. Không bàn lễ ca, ông có luồng gió bất tận từ hướng tây bắc thổi tới để biến thành một bản thánh ca, và dường như lúc đó ngọn lửa thiêng đưa những bản kinh cầu nguyện của ông già dũng cảm lên thẳng trời cao, trong khi gió tung chúng ra bốn phương trời.

Đột nhiên, tôi ao ước được chia xẻ đức tin của ông Hiền. Không một nơi nào trên thế giới này, trong ngày lễ Giáng sinh, tôi nghĩ, ngay cả ở những giáo đường vĩ đại nhất của giới tín đồ Thiên Chúa giáo, có ai mà cử hành được một lễ mi sa đầy ý nghĩa cho bằng. Bị xúc động trong lúc này, tôi lên tiếng ca những lời hát thiêng liêng : « Et cum spirituo » (Và thánh thần ở cùng người anh em).

Không ngạc nhiên, ông Hiền gật đầu khuyến khích tôi. Ông đọc « Ite missa est, » (Lễ xong, con hãy ra về). Và câu kinh đáp hầu như đã biến khỏi trí nhớ tự nhiên đến trên môi tôi : «Des gratias » (Tạ ơn Chúa). Lễ mi sa chấm dứt.

« Cha cầu xin Chúa sẽ hiểu cho chúng ta không định làm ô danh Chúa, » ông Hiền nói, « lễ này khó mà xứng với...»

Tôi không thể nói nên lời. Những giá trị bất biến, không thể lay chuyển của ông Hiền — nỗi lo sợ của ông, không phải là sợ bị bắn mà là sợ xúc phạm tới Chúa — sau hết đã làm sáng tỏ điều mà ông rán thuyết phục tôi trong những tháng qua : rằng chỉ sống sót như một con vật bị đe dọa bởi nỗi lo sợ quỉ quái, thường trực, thật không đủ nghĩa sống cho một con người. Con người phải sống cho một cái gì ở ngoài y, cho một ước mơ, một niềm tin. Và tôi nói : « Chắc là Chúa sẽ hiểu, cha Hiền ạ ».

« Cám ơn con, Jean. Cầu xin Chúa luôn luôn che chở cho con ».

Và đây là lần đầu tiên trong 4 năm trời tôi tin là Chúa sẽ che chở cho chúng tôi.

Rồi tôi thấy tên Giang đạp xe đạp về hướng rạch. Tôi vừa kịp leo xuống lòng rạch, đưa mạnh hai tay hở trên ngọn lửa, như để sưởi ấm, trước khi y chừng chừng ngó xuống chúng tôi.

« Chúng mày làm gì ở đó ? » y gầm lên.

« Lão già khùng này định nhóm lửa sưởi ấm. » tôi nói với nụ cười rụt rè trên môi.

« Tới giờ nghỉ, tụi bay mới được nghỉ. Không có nghỉ trước được ! » y thét lên. « Trở lại làm việc ngay ! »

Mấy ngày sau, lại có vụ thay đổi xà lim, và ông Hiền vời tôi mỗi người mỗi ngả. Tôi không bao giờ gặp ông nữa. Nhưng kể từ hôm ấy, chừng nào mà tôi còn sống ở trại tù vô nhân đạo đó, thì tim tôi vẫn còn một nơi kín đáo được yên ổn, không bị đe dọa bởi tên Giang và những linh gác — yên ổn và không hãi sợ.

Có thể ngày nay ông Hiền vẫn còn sống, có thể ông đã ra người thiên cổ. Nhưng dù cho Cộng sản có giết ông chăng nữa, chúng cũng chỉ hủy diệt được thể xác ông, chỗ trú của một linh hồn mà bạo tàn cũng không khuất phục nổi. Linh hồn ấy mãi mãi ở ngoài vòng kiềm tỏa của chúng.

JEAN PASQUALINI
MAI-DZAM dịch

CHÚC MỪNG

Được hồng thiệp báo tin đến ngày 14 tháng 12 năm 1970, nhằm ngày 16 tháng 11 năm Canh Tuất, ông bà Nguyễn Công Kha sẽ làm lễ vu quy cho Trưởng nữ NGUYỄN CÔNG THỊ HOÀNG OANH, dược sĩ, đẹp duyên với cậu HOÀNG TRỌNG CƯỜNG, bác sĩ, Trưởng nam ông bà Hoàng Ngọc Anh.

Xin có lời mừng hai họ NGUYỄN-HOÀNG và chúc cô dâu, chú rể trăm năm hạnh phúc.

Ông bà VĂN-THANH
10, Cư xá KOC, Tân-định

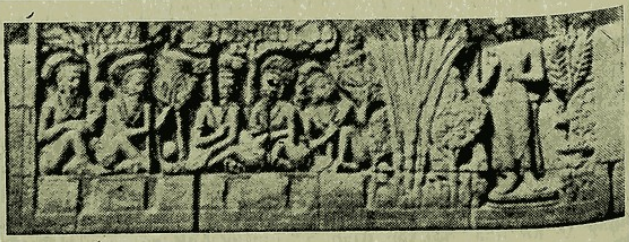

THIỀN LUẬN

Tác giả : Suzuki

Dịch giả : Trúc Thiên

Nhà xuất bản : An Tiêm

Tổng phát hành : Đồng Nai

Soạn tác phẩm « THIỀN LUẬN » Suzuki không nhằm riêng vào người học Phật, mà chung cho cả người Ki-tô giáo, người Hồi giáo, v.v..., hơn thế nữa, cho toàn giới trí thức, Đông cũng như Tây, triết gia cũng như nghệ sĩ, chánh khách cũng như khoa học gia. Đó là một trong số tác phẩm của thế kỷ XX gây chấn động sâu và bền nhất trong lòng người. Người ta đua nhau đọc « Thiền Luận » càng đọc càng đụng đầu với cái phi lí, và càng húc đầu vào cái phi lí càng đâm ngẩn ngơ — càng như đang đọc cuốn sách bên trong của chính mình.

Tác động phi thường ấy một phần do tác giả không phải chỉ là học giả, mà còn là hành giả.

Là học giả, Suzuki đặt Thiền vào hệ thống tư tưởng Phật giáo, và hệ thống Đại Thừa giáo, và cả vào hệ thống tư tưởng chung của Trung hoa và loài người.

Là hành giả, Suzuki vượt lên tất cả hệ thống mà thể nghiệm biến cố chứng đạo của Đức Như Lai ở cội bồ đề — biến cố thâu gọn thành ngữ « kiến tánh thành Phật ». « Hành giải tương ứng », tác phẩm trình bày phần thuyết và phần hành quấn quít nhau như một khối thuần nhất. Thuyết thì toàn là phản lí, đi từ phủ-nhận-cái-phủ-nhận của giáo lý Bát Nhã đến « pháp bất nhị » của Pháp Bảo Đàn Kinh. Hành thì nhẹ như gió thổi, như mây bay, nhởn nhơ, vô sự, không có vấn đề nào đặt ra, mà cũng không có cứu cánh nào đạt tới. Hầu hết những vấn đề lớn của Phật giáo — nghĩa là của tư tưởng, của nhân sinh — đều được nêu lên, và được giải đáp một cách thỏa đáng bằng ánh sáng riêng của tác giả, nghĩa là giải đáp bằng cách không giải đáp gì hết, có như thế, theo Phật giáo, mới thực là giải đáp. Những vấn đề lớn ấy là : thực chất của giác ngộ, nghi tình và đốn ngộ, cơ duyên phát huệ, ngôn ngữ Thiền, tri và hành, nội dung của tu chứng, kỹ thuật công án, thông điệp của Bồ Đề Đạt Ma, Thiền và pháp giới Hoa nghiêm, Thiền và không tông Bát Nhã, Thiền và văn hóa Đông phương (kể cả vũ thuật, kiếm pháp, chưởng), Thiền trong văn hóa Tây phương, Thiền và hiện đại : tư tưởng, tôn giáo, xã hội, văn nghệ, sinh hoạt, vv...

Sách in công phu, đặc biệt có ảnh các vị tổ Huệ Năng, Lâm Tế, Bồ Đề Đạt Ma, Đức Sơn... những ảnh rất khó tìm này đều có in trong « Thiền Luận ».

GIÁ-BIỂU ĐĂNG QUẢNG-CÁO
trên Bán-nguyệt-san VĂN

— 1 trang	một kỳ báo	4.000$00
— 1/2 trang	một kỳ báo	2.000,00
— 1/3 trang	một kỳ báo	1.500,00

- Mọi giao dịch về quảng-cáo, xin liên lạc với ông Nguyễn-đình Vượng, chủ nhiệm.
- Đăng nhiều kỳ, và anh em văn nghệ có giá đặc biệt.
- Quảng cáo nhỏ nhất là 1/3 trang.

QUÀ TẶNG

Mùa Giáng sinh, Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán đã tới. Qúy vị có con em du học, qúy bạn có thân nhân ở ngoại quốc, không gì qúy hơn gửi tặng báo VĂN. Sau đây là giá biểu mua bao trọn năm VĂN gửi đi ngoại quốc :

Kampuchia, Lào, Thái-lan . . .	1.500$00
Trung-hoa, Phi-luật-tân	1.700$00
Nhật-bản.	1.850$00
Úc-đại-lợi	2.100$00
Pháp	2.350$00
Đức (và các nước khác, châu Âu)	2.500$00
Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	2.800$00

Trên đây là giá báo kể cả cước phí gửi máy bay, từ số 169 (1-1-71) tới số ra ngày 15 tháng 12 năm 1971. Muốn gửi **bảo đảm**, xin trả thêm 400 đồng cước phí phụ.

Gửi đi các quốc gia khác, xin biên thư hỏi :

TY TRỊ-SỰ VĂN

NGUYỄN-ĐÌNH TOÀN

TRO THAN

truyện dài — tiếp theo *

2

TÔI ĐÃ NHẬN ĐƯỢC NHIỆM VỤ LỆNH BỔ VỀ làm việc tại một trường trung học hỗn hợp cách Sài-gòn chừng một giờ xe hơi. Sáng đi sớm, xế trưa về, nhưng hôm có giờ dạy buổi chiều, thì tối tôi mới về tới nhà. Tôi đi chuyền bằng hai thứ xe, xe lam và xe đò, nhưng cũng có khi đứng đón xe ở đường, dọc theo lộ trình các xe chạy ra khỏi thành phố, về phía tỉnh lỵ nơi tôi làm việc, tôi có thể gặp các người bạn làm việc cùng một chỗ cho đi nhờ xe của họ, xe hơi hoặc xe gắn máy. Tại trường các nam giáo sư bị động viên khá nhiều thành thử thiếu giáo sư, và những người còn lại chia nhau dạy đủ các môn, các lớp, trong khi chờ đợi các giáo sư bị động viên được biệt phái trở lại trường.

(*) Xem từ *Văn* số 160.

Trường tọa lập trên một khu đất rộng giữa cánh đồng và tuy nằm sát trục lộ giao thông giữa Sài-gòn và tỉnh lỵ, và từ đó đi về các quận, nhưng quãng đường cũng chỉ nhộn nhịp được một chút lúc buổi sáng, dân chúng buôn bán đáp xe tới chợ (chợ cách trường học chừng hơn một cây số, nơi những buổi trưa ở lại trường để chờ dạy buổi chiều, chúng tôi đã kéo nhau tới ăn bữa trưa tại mấy cái quán ăn đằng trước chợ, cơm đĩa hoặc cơm phần, nhưng món ăn quanh đi quẩn lại vẫn chỉ có thịt heo kho trứng, sườn ram mặn, gà luộc hoặc kho gừng, canh cải hay. canh khổ qua; cái tên khổ qua đã hấp dẫn chúng tôi lần đầu tiên, khi tô canh được mang tới, chị bạn nếm thử và nhận ra đó chỉ là trái mướp đắng chị cười và từ đó chị gọi là canh « khổ quá ») quãng chín mười giờ, khi những đám sương đã tan hết và mặt trời chói trên đường nhựa, hơi nóng từ trên những miếng fibro-ciment bắt đầu tỏa xuống các lớp học thì quãng đường cũng trở nên vắng vẻ, thỉnh thoảng một chiếc xe đò cũ kỹ sành sạch chạy qua, màu sơn vàng và xanh chưa bị bụi phủ kín, khác với những chuyến xe buổi chiều phần nhiều bụi bặm và dầu mỡ che mờ cả màu sơn, đôi khi cả lớp học ồn ào vì bỗng nhiên trên sà nhà có đôi rắn lớn vặn vẹo cuốn quanh mấy chiếc kèo nhỏ, thả cái đầu ngòng ngoẻo xuống nhìn lũ học trò, hai mắt như hai hạt đậu đen bóng, lũ trẻ sợ kêu la chạy ra ngoài, các lớp bên cạnh cũng xôn xao, những đứa lớn đi kiếm gậy, tìm cách chèo lên nóc trường đánh rắn, có khi chúng đập được cả hai, có khi rắn chạy trốn được hết và rồi thế nào cũng có lúc xuất hiện trở lại, và cảnh cũ lại diễn ra, có bữa các cán bộ « bên kia » đột nhập vào trường tập họp tất cả giáo sư, học sinh lại nghe diễn thuyết, họ kêu gọi mọi người « *chống Mỹ cứu nước* », các nam giáo sư thường bị đe dọa nhiều hơn, cán bộ nói họ biết *những ai ở trong trường đi lính ngụy, những ai thuộc thành phần ngoan cố, những kẻ có tội với nhân dân*, họ phân phát những tờ truyền đơn, yêu cầu các đồng chí giáo sư cũng như học sinh hãy phổ biến rộng rãi để toàn dân biết rõ đường lối đấu tranh cách mạng của Mặt trận, sau đó họ tự động rút lui hoặc bị các lực lượng an ninh địa phương biết đến vây bắt phải nổ súng chạy trốn, hai bên bắn nhau, thày trò nằm la liệt xuống đất để tránh đạn, đến một cuộc thu nhặt các tài liệu vừa được tung ra, thày trò lại nghe một

cuộc diễn thuyết nữa, sự nghi ngờ người này người khác được bàn tán xôn xao, một đôi khi những xác người bị chặt đầu treo trên một chiếc cọc cắm ngoài đầu lộ trên lối đi tới trường để cảnh cáo, nhìn một cái đầu được đóng trên một cái cọc bên cạnh một cái thây trần trụi hay chỉ còn một chiếc quần xà lỏn trên người, cái đầu với hai con mắt nhắm nghiền mặt da đã đen bầm lại, kẻ bị giết chắc đã bị giết trong đêm, một mùi hôi và tanh lợm của máu và thịt đã đông và đã thối chảy nước vàng khiến mọi người đều phải lợm giọng, đó là những người bị các cán bộ bên kia thanh toán, sau đó một cuộc ruồng bắt trả đũa của quân đội quốc gia lại được diễn ra, để trả thù cho người đã chết. Những người qua lại trên con đường dần dà dửng dưng với những cái xác chết ruột gan lòi ra cả đống, bị bể một con mắt, môi bị cắt hoặc bể một bên mắt hay trán, phải nói người ta đã quen với cái cảnh tượng kinh khủng đó và trở nên chai lì, hoặc người ta ngó nhìn một chút hoặc người ta xây mặt sang phía bên kia đường, lúc trở về qua lại chỗ cũ, tất cả đều được dọn dẹp, chỉ còn lại những dấu vết không rõ rệt, những dấu cỏ bị dẫm, chiếc cọc được nhổ đi để lại một lỗ nhỏ, kéo theo một chút đất bị bung lên, một vài hôm cỏ lại mọc lan kín hết. Nhưng cái mùi của máu khô và thịt thối đó còn bám mãi trong hai mũi và trong cổ họng tôi, có khi một vài ngày sau tôi vẫn còn ngửi thấy, cái mùi lẫn trong những miếng ăn, những hớp nước uống, chẳng phải chỉ trong đêm khuya ngủ một mình mới khiến tôi sợ hãi, nhiều buổi trưa nằm lại trong phòng giáo sư trong lúc các người khác tụ tập ở các phòng bên cạnh trò chuyện, chấm bài, đánh bài hay đi câu, đi dạo, tôi bỗng nghe ớn lạnh khắp người, một chất nước từ dạ dầy, từ các chân răng, ứa lên, nhạt nhẽo làm cho lợm giọng, tôi nhắm mắt nằm nghe ngóng sự yên lặng chung quanh, nghe những tiếng bàn tán, cười nói, trêu chọc của các người bạn họp nhau trong phòng bên cạnh, nghe tiếng gió thổi lùa qua các khe hở của các cửa sổ, hoặc reo rì rào trên các đường xếp của những lớp ngói trên mái, một cái mái cao ngất ngư chưa kịp làm trần, chính ở đó mấy con rắn thường xuất hiện, tôi có thể nghe thấy tiếng nắng khô rạn, bóng những con chim sẻ nhảy qua các khe ngói bị xô lệch hay đậu trên cái miếng kính lợp trên mái để rọi ánh sáng xuống

phòng, những tiếng động, những cảm giác, những gì mắt nhìn thấy có thể đều rất mơ hồ hoặc rất rõ ràng, tùy theo những bữa tôi khỏe mạnh hay mệt nhọc, tôi ngủ được hay chỉ chập chờn, trong trường học cũng không phải chỉ có các giáo sư đi lính, học trò cũng chẳng thiếu những đứa đang học bỗng nhiên thấy nghỉ hẳn, ít lâu sau trở lại trường với bộ đồ trận trên người, mặt mũi đứa nào đứa đó đen thui, tươi cười chào hỏi thầy cô, các bạn, bây giờ em vô lính rồi cô, tụi nó còn vô trường em đánh thấy mẹ, trên những cánh tay chúng áo được sắn quá khuỷu để lộ những bắp tay cháy nắng rắn chắc, có khi tôi nói đùa với chúng, em nhắm đánh được chúng không, tụi em bây giờ đâu có rỡn nữa, không muốn nổi nó thì nó muốn mình liền sức mấy nó tha, có đứa mang lon chuẩn úy mặt còn non choẹt, cô yên trí, trong vòng mười năm nữa em sẽ lên tướng, chắc thế, trông bộ vó em chắc có thể làm tướng được, nếu sớm hơn chỉ nay mai em sẽ thăng cố thiếu úy, những đứa đã nhập ngũ đó, thường thường chỉ trở lại thăm trường một bận, rồi không thấy đâu nữa. Có đứa trước khi từ biệt còn nói với tôi, cô cho em một cái gì mang theo làm kỷ niệm. Nó tự cho, nó đã lớn, bây giờ tán luôn cả cô. Có bữa có đứa đi hành quân, trên đường di chuyển qua trường cũ đã ngừng xe chạy vào trong trường súng đạn đầy mình thăm các thầy, trong ánh mắt chúng chứa đầy sự dịu dàng hay ngạo mạn, thấy rõ. Chúng cười cợt hỏi thăm người này người khác, bằng giọng thành thực hay chế nhạo, nón sắt gỡ ra cầm trong tay, tóc cắt ngắn, mồ hôi nhễ nhại, trông chúng già dặn hẳn lên, không biết các bạn đồng nghiệp khác nghĩ sao, riêng tôi nhiều lúc cảm thấy mình thực sự yếu đuối, những lúc đó nếu chúng xin ngồi lại trong lớp có lẽ tôi sẽ không nói được gì nữa, không phải tôi bị chúng loè bởi cái bộ vó anh hùng của chúng, nhưng quả thật chúng đã thoát ra khỏi môi trường của chúng tôi, giữa chúng và chúng tôi đã có một sự cách biệt, chúng làm những công việc của chúng, và chúng tôi làm những công việc của chúng tôi, những công việc dường chẳng liên quan gì đến nhau nữa, đó có phải là dấu hiệu chúng đã trưởng thành?

Chỉ trong vòng một năm, một năm chậm chạp và mau chóng trong sự đổi thay của riêng mỗi người, tôi đã thông thạo hết các công việc, tôi có thể theo dõi sức học của từng học

sinh trong lớp, tôi đã thở quen cái không khí chiến tranh, bất trắc, sự mỏi mệt, mùi sương sớm vã cỏ non trên lối đi từ thành phố tới trường học, những chuyến xe đò, xe lam, (không phải tôi định nói cái cuộc chiến tranh mênh mông đang diễn ra trên đất nước đâu, tôi chỉ muốn nói đến cuộc chiến tranh trên quãng đường từ nhà tới trường học, những gì diễn ra ở ngay trường học, ở chung quanh đó) các người bị chém giết cắt đầu, mổ bụng cũng bắt đầu ít đi, có sáng xe chạy lướt trên xa lộ, nhìn xuống hai bên cánh đồng, nhìn các cơ xưởng đang được xây cất, đang hoạt động, những cánh đồng cỏ hay lúa xanh mát, mặt nước đang chói ánh mặt trời mới mọc, tôi vẫn tự hỏi, không biết tôi nên ao ước cho cái quãng trống bao la đó nhà cửa sẽ mọc lên, một thành phố sẽ hình thành hay cứ để các thôn xóm, làng mạc giữ nguyên tình trạng cũ, nhưng hiển nhiên đó chỉ là những ý nghĩ vớ vẩn, nghĩ cho qua thì giờ trên một quãng đường buồn nản, ngày nào cũng đi qua, ngày nào cũng trông thấy, và chỉ có nguyên một nỗi chờ đợi, qua đó để đến trường, cũng có khi nhìn thấy những thửa ruộng lúa đâm bông và đang ngả màu vàng, thốt nhiên tôi bỗng thấy nhớ những cánh đồng mênh mông những ngày còn bé tôi đã được đi qua (chạy loạn qua) nhớ những dòng sông ào ào nước chạy, lao xao sóng nước, hai bên bờ không nhà cửa, chỉ nhìn thấy những cánh đồng hiu hiu lau lách, hay những quán trọ trống trải lèo tèo, mái rạ đã bạc phếch, đã mủn đen, dường như những năm tháng của tôi đã kéo dài mãi trong một nỗi bất định, đe dọa, một buổi chiều lúc đó tôi chừng năm sáu tuổi đang đi giữa cánh đồng bỗng mưa ập xuống, một trận mưa lớn chưa từng thấy, trời đất đen kịt, sấm chớp vang rền, tôi muốn kiếm chỗ núp mà không có, nhìn sang bên kia sông mắt không nhận hết được mặt sông, mưa xối trên mặt nước, bụi nước bắn trắng như sương, xa tít tận chân trời, cây cỏ xanh mờ, đứa trẻ tưởng tượng ra cảnh mẹ đã bị chết trên dọc đường đi chợ xa bị bom, chẳng còn ai trông nom, gió trên cánh đồng mùa đông như dao cắt thịt, đứa trẻ vấp ngã bị gió quật không đứng dậy nổi, chân tay lạnh cứng, càng sợ càng ngã hoài, lúc có thể nhìn thấy những hàng trám trên hai bên con đê trên đường dẫn vào xóm nơi đang ở, thấy gió thốc ào ào trên hai rặng cây uốn những trái trám xanh rớt ra mãi tận cánh đồng, sợ đến nỗi không dám cúi xuống nhặt, những hình ảnh, cảm giác đó, có

lẽ suốt đời chẳng bao giờ tôi có thể quên. Từ một đứa trẻ bơ vơ, lạc lõng, không một chút hy vọng ở tương lai đó, đến khi mẹ chết, trở lại Hà-nội, bố mải mê buồn bã, mải mê chơi cả tháng không ngó ngàng gì đến con, giao phó cho người vú già, rồi người vợ kế, cái cảnh như một cơn ác mộng, đôi khi tôi muốn quên, muốn quên hết nhưng chẳng thể nào quên được, có lúc cầm viên phấn viết bài cho lũ trẻ trong lớp, tôi đánh rớt viên phấn xuống đất, tôi bàng hoàng nhiều hơn sợ hãi, tôi không kiểm soát được sự điều khiển mấy ngón tay nữa, đời sống nhiều khi là những gì ngoài ước muốn, ngoài tưởng tượng, cũng như có một bữa, tôi đang dạy bỗng được mời xuống văn phòng trường, ở đó, tôi được một vị trung úy đưa cho một lá thư, ông nói của một chuẩn úy trung đội trưởng của ông nhờ ông trao tận tay cho tôi, anh ta hiện bị thương và đang nằm điều trị trong bệnh viện dã chiến, nhìn tên đề ngoài phong bì tôi chỉ nhớ mang máng, tuy nhiên tôi có thể chắc chắn rằng đó không phải một người thân hay một người bạn nào của tôi cả, tôi hỏi lại ông ta, trung úy có chắc không nhầm khi trao thư này cho tôi không, ông ta nói, nếu tên đề ngoài phong bì đúng cả tên lẫn họ cô, và nếu trong trường này không có ai trùng tên với cô, thì tôi chắc đó là thư của cô. Tôi nói, tôi không nhớ tên người gửi này là ai. Ông ta nói, « cô cứ thử mở thư ra xem, nếu không phải của cô thì thôi, thực ra tôi cũng không biết rõ lắm về việc này, tôi có việc phải về qua đây và đã được yêu cầu làm hộ việc đó ». Tôi bóc thư ra đọc, đó là thư của một học sinh lớp đệ nhất, tôi phải cố gợi lại tưởng tượng mới nhớ ra hắn, hắn học được đâu hai tháng thì bỏ dở, đi lính, hắn viết một cách mập mờ về những tình cảm của hắn đối với các bạn hữu, các thầy học, với tôi, về quyết định hắn đã bỏ ngang việc học, thực ra tôi không thể biết chắc hắn định nói cái gì, chỉ có một điều chắc tôi không hiểu nhầm hắn là hắn xin tôi cho hắn gặp tại bệnh viện, nơi hắn đang được điều trị. Sự yêu cầu của hắn làm tôi nóng mặt. Giọng của hắn có vẻ hắn muốn chấm dứt sự kiện hắn là học trò trong trường, nhưng lại rụt rè không nói thẳng ra, cũng như hắn không nêu rõ hắn lý do sự yêu cầu của hắn đối với tôi để làm gì. Tôi nói với người trung úy, nhờ bảo lại với hắn, tôi rất tiếc rất bận không thể nào tới thăm hắn, chỉ xin gửi lời chúc cho hắn mau bình phục. Ông ta ra về.

Khoảng hơn một tuần sau, tôi được tin hắn đã chết. Hắn gửi lại cho tôi một lá thư, một tập nhật ký, một tấm hình của tôi hắn đã chụp lén lúc nào trong lớp được phóng lớn kẹp trong tập nhật ký, ảnh phóng bị rạn trông như hình người chết được chụp lại, đọc lá thư, đọc tập nhật ký, tôi mới biết là hắn yêu tôi. Hắn yêu tôi, điều đó vừa khôi hài vừa thảm thương chẳng khác cái chết của hắn. Thư từ, kỷ vật cũng như cái chết của hắn làm tôi bàng hoàng, tôi tự hỏi, nếu biết trước hắn sẽ chết như vậy không biết tôi có vào thăm hắn chăng ? Tôi đọc lướt vài trang tập sách ghi chép bỏ túi của hắn, có lẽ hắn yêu tôi, nhưng đó là một thứ tình tôi không hiểu được, nó kỳ quặc như những dòng chữ đọc thấy trên những tờ giấy, nó có vẻ một thứ gì khác chứ không phải tình yêu. Tôi băn khoăn mất ít hôm chẳng biết nên đốt những thứ đó đi hay giữ lại, tôi chẳng tiếc gì những vật đó, nhưng dẫu sao hắn đã chết, giữ lại thì bực bội, cuối cùng tôi cầm lại tấm ảnh, còn đem đốt hết. Tình của hắn đối với tôi nếu có, cũng chẳng khác tấm hình đó. Tôi cũng nghĩ rằng, nếu hắn còn sống chắc tôi cũng không đến thăm hắn đâu, nhưng bây giờ nếu có dịp đứng trước mộ hắn, tôi sẵn sàng thắp cho hắn một vài nén hương (chắc rằng lúc đó tôi sẽ xúc động).

NGUYỄN-ĐÌNH TOÀN

(Còn tiếp)

Lénine đã tuyên bố :

« Nghệ thuật cai trị không phải là một nghệ thuật bẩm sinh, mà được tạo nên do kinh nghiệm... »

Hãy đón đọc :

THUẬT TRỊ NƯỚC TẠI LIÊN-SÔ

do Đặng-Tâm dịch

Để biết rõ thuật trị nước của Staline, Khrushchev cùng các nhà lãnh đạo Nga.

Sách dầy 600 trang, in đẹp, chữ mới, giá rẻ.

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC

● **Ông Nguyên Lộc, Nha-trang, hỏi :**

1) Tờ báo nào xuất bản đầu tiên ở nước ta ? và ông nào chủ trương tờ báo đó (Hán văn cả Quốc văn) ? Ngày, tháng và năm báo đó ấn hành ?

2) Câu « Tri túc tiện túc, đãi túc hà thời túc. Tri nhàn tiện nhàn, đãi nhàn hà thời nhàn » ngụ ý muốn nói gì ? và xin ông cho biết tác giả là ai ?

3) Xin ông cho biết ý và tác giả câu « Cho hay danh sĩ, giai nhân cùng kiếp hoa nghiêm nặng nợ. Ngán nỗi non xanh đất đỏ, để riêng ai lưu lạc đau lòng ».

(thư ngày 7 tháng 10 năm 1970)

— **trả lời :**

1) Tờ báo xuất bản đầu tiên ở nước ta là « Gia-định báo » Số đầu tiên ra ngày 1er Avril 1865, do Ernest Potteaux làm chủ nhiệm. Tới ngày 16 Septembre 1869 giao về cho ông Pétrus Trương Vĩnh Ký. Báo mỗi tháng ra 4 lần, phát hành ngày thứ ba. Tới năm 1897 thì báo tự đình bản.

2) Đây là hai câu trong bài hát nói « Chữ nhàn » của Nguyễn Công Trứ, có nghĩa : Mình tự cho là đủ, thì là đủ, đợi đủ chẳng biết lúc nào đủ. Mình tự cho là nhàn, thì là nhàn ; đợi nhàn chẳng biết lúc nào nhàn ».

3) Câu này trong bài Tựa cuốn Truyện Kiều, nguyên Hán văn của Chu Mạnh Trinh, bản dịch của Đoàn Quỳ. Ý đã rõ, xin miễn cho việc giải nghĩa.

● **Một độc giả ở Thủ-đức, hỏi :**

1) Xin ông cho biết : tựa, tác giả và nghĩa của những chữ « ả, gon, Tây hồ » trong hai bài thơ sau :

Bài vấn :

« Ả ở đâu mà bán chiếu gon ?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn ?
Xuân xanh chừng độ bao nhiêu tuổi ?
Đã có chồng chưa, được mấy con ? »

Bài đáp :

« Tôi ở Tây-hồ bán chiếu gon,
Cớ chi anh hỏi hết hay còn.
Xuân xanh mới độ trăng tròn lẻ,
Chồng còn chưa có, có chi con. »

2) Niên hiệu trước Tây lịch có phải tính lui ? ngược như 722-481. Nếu vậy tính từ năm nào ?

(thư ngày 12 tháng 11 năm 1970)

— **trả lời :**

1) Theo truyền thuyết, tác giả bài thơ trên là Nguyễn Trãi. Nhưng e không đúng vì lời thơ không hợp với tác phong của Quan Phục-hầu và học vấn của ông.

A : con gái = cô ả ; Gon : chiếu gon = chiếu dệt bằng cói cỡ nhỏ ; Tây hồ : hồ Tây ở Hà-nội.

2) Tính từ năm thứ nhất của Tây-lịch kỷ-nguyên tức là từ năm Chúa Ki-tô giáng thế. Trước Tây lịch thì tính ngược lui.

● **Ông Võ Minh, Vũng-tàu, hỏi :**

1) Xin ông cho biết xuất xứ của hai câu thơ, và nếu ngắn xin ông chép giùm toàn bài :

« Đường mây cười tớ ham rong ruổi,
Trướng riên ai chịu lạnh lùng... »

2) Đơn vị mới hiện nay thường dùng để đo tốc độ của gió là « gút ». Vậy gút vận tốc là bao nhiêu so với ki-lô-mét/giờ ?

(thư ngày 6 tháng 10 năm 1970)

— **trả lời :**

1) Đây là bài thơ của cụ Phan Thanh Giản gởi cho vợ khi giã từ lên đường đi làm quan. Nguyên văn như sau :

Từ thuở vương se mối chỉ hồng
Lòng này ghi tạc có non sông.
Đường mây cưỡi tớ ham rong ruổi
Trướng liễu thương ai chịu lạnh lùng
Ơn nước nợ trai đành nỗi bận
Cha già nhà khó cạy nhau cùng
Mấy lời dặn bảo khi lâm biệt
Rằng nhớ, rằng quên, lòng hỡi lòng ?

2) Gút là đơn vị tốc độ của tàu thủy. Tiếng Pháp là noeud = 1851.85m/giờ. Tiếng Anh là knot = 1853.18m/giờ. Tiếng Mỹ là knot = 1853.249m/giờ. Đó là 3 đơn vị có tính cách và tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế.

Lấy một ví dụ dễ hiểu : Một chiếc tàu chạy được 20gút/giờ, là một chiếc tàu có tốc độ chạy được 20 hải lý, hoặc là 37 cây số 040 mỗi giờ (37km 040/giờ).

● **Huỳnh văn Mỹ, Bình-định, hỏi :**

1) Xin ông vui lòng cho biết xuất xứ và tác giả hai câu thơ :

« Trung nghĩa gián quân thiên cổ chiếu,
Tiết hạnh quyên sinh vạn đại truyền. »

2) Vua Louis XVI của nước Pháp làm vua được bao lâu ?

3) Xin cho biết địa chỉ của nhà văn Quách Tấn ?

(thư ngày 15 tháng 11 năm 1970)

— **trả lời :**

1) Chúng tôi tra cứu không ra. Mong bạn đọc, vị nào biết, làm ơn mách giùm bạn Huỳnh Văn Mỹ.

2) Vua Louis XVI trị vì được 19 năm (1774-1793).

3) Chúng tôi không tiện tiết lộ địa chỉ các cộng tác viên. Muốn biên thư cho ông Quách Tấn, bạn có thể gửi thư, kèm 7$ tem thư để chúng tôi chuyển theo.

● **Hoàng Hữu Thanh, Đà-nẵng, hỏi :**

1) Những bài được đăng trên Văn có nhuận bút không ? Nếu có, bao nhiêu một bài ?

2) Mỗi bài có giới hạn số trang ? Bao nhiêu trang là ngắn nhất ?

3) Tiền nhuận bút trả cách nào ?

(thư ngày 11 tháng 11 năm 1970)

— **trả lời :**

1) Thơ không có nhuận bút mà chỉ có báo biếu. Văn xuôi, kể từ bài thứ hai được chọn đăng sẽ có nhuận bút, trả theo giá biểu riêng.

2) Không giới hạn số trang. Tuy nhiên, bài lai cảo không nên viết dài vì số trang hạn hẹp của mỗi số báo, mỗi chủ đề. Trung bình, cứ mươi trang báo một bài là vừa đẹp.

3) Tiền nhuận bút được đưa tay đến tận nhà, nếu tác giả ngụ tại Sài-gòn. Những tác giả ở xa, ty trị sự sẽ gửi bưu phiếu (kèm theo báo biếu). Vì vậy nên ngoài bút hiệu tác giả các bài lai cảo cần cho biết rõ tên thật và địa chỉ rõ ràng để nhận thư bảo đảm.

□□□

Văn số 169

Tưởng niệm Phạm Duy Tốn

số kỷ niệm đệ thất chu niên

tin văn văn

Nói chuyện triết lý

Vào hồi 4 giờ chiều chủ nhật 13 tháng 12 vừa qua, Phong trào Hưng Giáo Văn Đông đã tổ chức một buổi thuyết trình tại trường Taberd, đường Nguyễn Du, Sài-gòn. Diễn giả, bác sĩ Nguyễn Văn Thọ, giáo sư Đại học Văn khoa Sài-gòn, đã nói về đề tài : « Mấy nhận định về tôn giáo đối chiếu ».

Trước một cử tọa chọn lọc, diễn giả đã trình bày rằng triết lý đối chiếu về tôn giáo là một khoa học rất mới mẻ của thời đại và rất hữu ích cho việc sống đạo sâu xa cũng như gây sự thông cảm giữa các tôn giáo...

Phá kỷ lục về số thu

Tại trụ sở Pháp văn Đồng minh hội, 24 đường Gia Long Sài-gòn, hồi 18giờ30 thứ sáu 4 tháng 12 vừa qua, nữ họa sĩ Bé Ký đã cho khai mạc phòng triển lãm tranh lụa và hoạt họa thường niên của bà.

Có 42 bức tranh được trưng bày, tới ngày 10-12 đã bán được 34 bức, nên Bé Ký đã cho trưng thêm mấy sáng tác mới nữa. Phòng tranh còn mở cửa tới hết ngày 13 tháng 12. Tính tới ngày 10-12 số tiền tranh bán được đã vượt trên nửa triệu đồng, phá kỷ lục về số tranh bán được cũng như về số thu của mọi cuộc triển lãm trong năm.

Triển lãm tranh tại Pleiku

Hai họa sĩ Ngô Văn Đinh Hợi và Thái Tăng An sẽ mở phòng triển lãm tại số 22 đường Quang Trung, Pleiku, từ 24 tháng 12 tới đây và sẽ mở cửa cho tới hết ngày 02 tháng 01 năm 1971. Được biết trong dịp này, hai họa sĩ trẻ sẽ cho trưng bày khoảng 40 bức tranh sơn dầu, những tác phẩm đắc ý nhất của hai anh.

Solzhenitsyn và giải Nobel

Theo nguồn tin Reuter đánh đi ngày 28 tháng 11 thì nhà văn Alexander Solzhenitsyn sẽ không tới Stockholm để nhận giải Nobel về Văn chương năm 1970.

Theo nguồn tin từ các giới văn học tại Thụy-điển thì nhà văn được tặng giải sợ rằng nếu ông dời nước Nga thì ông sẽ không được phép quay về đó nữa. (Nhà cầm quyền Nga-xô đã nói cho ông rõ điều này, cách trực tiếp hay gián tiếp).

Ông Kark Ragnar, thư ký thường trực tại Hàn lâm viện Thụy-điển, cho thông tấn xã Reuter biết ông nghĩ rằng bức thư của nhà văn Solzhenitsyn gửi tới tòa Đại sứ Thụy-điển tại Mạc-tư-khoa không có nghĩa như một sự từ chối. Ông Ragnar nói : « Chúng tôi phải chờ đợi cho sự việc rõ rệt. Hiện chúng tôi chưa thể quyết định ai sẽ nhận giải thay cho nhà văn Solzhenitsyn ». Ông Ragnar cũng cho biết Solzhenitsyn không hề yêu cầu Hàn lâm viện Thụy-điển trao giải Nobel về Văn chương cho ông tại tòa Đại sứ Thụy-điển ở Nga, như có lời đồn đại trước đó.

Lúc chúng tôi viết bản tin này, giải thưởng chưa được trao nên chưa có tin gì mới để loan thêm hầu độc giả được tường. Xin hẹn lại số báo sau.

Không chút ngạc nhiên

Mùa giải thưởng văn chương tại Pháp năm nay không gây ra ngạc nhiên nào cả vì cả ba giải thưởng lớn đều được trao tặng cho ba tác giả đã được công nhận, ba nhà văn có hạng và có nhiều liên hệ mật thiết với giới văn học nghệ thuật Pháp.

Giải thưởng lớn về tiểu thuyết của Hàn lâm viện Pháp đã được tặng Bertrand Poirot-Delpech (tác phẩm « La Folle de Lituanie », Giải Goncourt được tặng Michel Tournier (« Le roi des aulnes ») và Giải Renaudot được tặng Jean Freustié («Isabelle ou l'Arrière-saison »).

Bên ta, ngày công bố các giải thưởng hoặc chưa tới, hoặc được hoãn lại để thâu nhận thêm các tác phẩm dự thi. Lại đành hẹn lại với bạn đọc, tới kỳ sau...

□ □ □

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cám ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc:

★ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG hay là văn minh miệt vườn, Sơn Nam, An Tiêm xuất bản. Sách dầy 224 trang, giá 180 đồng.

Những cá tính, những nét đẹp của nền văn minh miền Đồng bằng sông Cửu long, viết bởi một ngòi bút sâu sắc và độc đáo.

● NÓI CHUYỆN VỚI KRISHNAMURTI, Carlo Suarès thực hiện, An Tiêm xuất bản. Sách dầy 110 trang, giá 80 đồng.

Thảo luận về các vấn đề trọng đại của con người. Bản Việt ngữ: Nguyễn Minh Tâm và Đào Hữu Nghĩa.

★ GIA LỄ, Chu Hương Mậu, Tác giả xuất bản. Sách dầy 168 trang, giá 150 đồng.

Sách bàn về việc giản dị hóa hôn lễ, tang lễ.

● VỀ NGUỒN, Đặc san in rô-nê-ô, dầy khoảng 50 trang, không ghi giá bán.

Kỷ niệm đệ nhị chu niên của nhóm văn nghệ Về Nguồn, Cần-thơ.

★ NHỮNG TỊNH KHÚC MÙA HẠ, Tha Sinh, Tỉnh Cang ấn hành. Dầy khoảng 40 trang, in rô-nê-ô. Không ghi giá bán.

Tập thơ. Liên lạc: 1/6 hẻm A Liên tỉnh 9, An-giang.

● NHÁNH RONG PHIÊU BẠT, Võ Hồng, Lá Bối xuất bản. Sách dầy 252 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Truyện dài có tính cách giáo dục, thích hợp với các thiếu niên học sinh. Bìa Đinh Cường.

★ CHÚNG ĐẠO CA, Huyền Giác, Trúc Thiên giới thiệu, Lá Bối xuất bản. Sách dầy 160 trang, giá 140 đồng.

Sách in Việt, Hán, Anh ngữ. Khúc ca chứng đạo. Bìa Đinh Cường.

● THƠM LÁ TÌNH BAY, Nguyễn Công Hoe, Trung học Hòa Hảo xuất bản. Sách dầy khoảng 40 trang giá 60 đồng.

Tuyển tập thơ văn. Bìa và phụ bản: Nguyễn Hải Chí.

★ LỆ VƯƠNG TRONG MẮT, Thiên Lang. Sách in rô-nê-ô, dầy khoảng 50 trang, không ghi giá bán.

Thi phẩm thứ hai của Thiên Lang. Liên lạc: 28, Phan Văn Trị, Gia-định.

● KHU RỪNG HỰC LỬA, Nguyễn-Xuân Hoàng, Đêm Trắng xuất bản. Sách dầy 154 trang, giá 160 đồng.

Tác phẩm thứ ba của Nguyễn Xuân Hoàng là một tiểu thuyết. Bìa Nguyễn Đồng.

THƯ ĐI Thư lại

★ Một độc giả tên Phương, Sài-gòn.

Thư hỏi mua báo cũ cần kèm tem và địa chỉ để tiện trả lời riêng. Mục Hộp thư bạn đọc không trả lời những thư hỏi mua báo cũ. Phần khác, bạn ở Sài-gòn thì nên ghé qua báo quán hỏi mua là tiện hơn cả.

● Ông Trần Hà Sơn, Quy-nhơn.

Xin cám ơn những lời chỉ dạy quý báu của ông.

NHẮN TIN RIÊNG :

★ Ông Trần Công Đỉnh, Kiến-hòa.

Tôi đã viết thư và đợi ông gửi tập « Thằng Cuội », nhưng đến nay vẫn bặt hồi âm. Xin ông gửi gấp lên cho. Một lần nữa, xin đa tạ. Vũ Hoàng Chương, số 361/29 Phan Đình Phùng, Sài-gòn.

● Bằng hữu xa gần.

Rất túng quẫn, mong mỏi sự giúp đỡ. Liên lạc địa chỉ : 339/49 Trương Minh Giảng, Sài-gòn. (Nguyễn Lương Vy **cạy đăng**)

★ ông Ngô Văn Vi, Đà-nẵng (Kbc 7505 ?)

Xin ông liên lạc **gấp** *với ty trị sự Văn về việc đăng quảng cáo tuyển tập « Cho tương lai bắt gặp ».*

● Kinh Dương-vương.

Sẽ đăng « Mùa xuân vĩnh cửu ». Anh TPG sẽ có thư riêng gửi bạn, khi thuận tiện. Tình thân.

★ Hà Thúc Sinh (?)

Sẽ đăng « Nói với em thơ ». Mong gửi tiếp và cho địa chỉ để tiện liên lạc. Tình thân.

● Anh em bằng hữu, khắp nơi :

Thư ký tòa soạn VĂN có chút việc phải dời Sài-gòn, tạm vắng mặt từ thượng tuần tháng 11 tới hạ tuần tháng 12/1970. Việc điều hành tòa soạn sẽ có người thay thế ; nhưng những thư từ **riêng** *gửi cho TPG trong khoảng thời gian đó, xin đừng trông đợi hồi âm. Mong được lượng thứ.*

NHẮN TIN CHUNG :

Quý bạn : Nguyễn Tâm Thanh, L-M-T, Đặng Trương, Chu Ngym Vũ, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Hòa, K-K-K, Phương Hoa Sử, Hoài Diễm Từ, Lộc Vũ, Yên Uyên Sa, Lê Văn Trung, Trần Dzạ Lữ, Võ Chân Cửu Nguyễn Lương Vy, Yên Giang. Trần Kiêu Bạt.

Mong quý bạn gửi sáng tác mới cho Văn. Đa tạ.

BÀI LAI CẢO NHẬN ĐƯỢC

Theo thông lệ, Tòa-soạn không giữ lại cũng như không phát hoàn bản thảo những bài lai cảo không được chọn đăng. Xin quý bạn miễn yêu cầu giữ lại hoặc phát hoàn. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin để rõ « yêu cầu miễn ghi » trên bản thảo.

• VĂN

Quý bạn : Phạm - vĩnh Bích-nghi . Loan Mắt Nhung . Phan Vũ . Võ Thế Duệ . Chinh Hữu . Nguyễn Mùa Hạ . Lê Nguyễn Quân . Nguyên San . Trần Công Đỉnh . Hoài Thanh Hương . Nguyễn Thần Cung . Giang Nam . Phạm Thanh Bình . Phan Thành . Thế Lộc . Thế Lăng. Chí Hùng . Luân Vũ . Võ Triều Đông . Bảo Quyên . Đinh Tấn Phát . Hà Thanh Huyền . Dạ Thảo . Phạm Phong . Nguyễn Thanh Phượng . Lữ-thị Cô-đơn (2) . Trần Hà Sơn . Hàn Thiên Thu . Hồ Duy Chúng (2) . Thiên Lang . Nguyễn-tam Phù-sa . Hoàng Văn Vĩnh . Lam-điền Duy - bích . Trần Cổ Sương . Trần-đông Sa-hoang . Trần-điền Giáng-du . Vĩnh Xuyên . N-T-V . Nguyễn Thiên . Trần Tuấn Khoa.

• THƠ

Qúy bạn : Phan Duy Ngọc . Từ Linh . Lãm Thúy (2) . Hoàng Từ Giang . Mặc Sĩ Luân . Dạ-triều Nguyễn Hữu Ngọc . Phan Viên Thành (2) . Thiết Tâm . Mai Toàn . Võ Thế Duệ(2) . Khánh Giang, Huế .

Ban Tuyển - đọc Tác-phẩm của VĂN đã đọc những bài lai cảo của qúy bạn có tên trên đây và rất tiếc không thể chọn đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những bài mới khác.

ĐÓN ĐỌC :

VÒNG ĐAI XANH

tiểu thuyết mới

của

NGÔ THẾ VINH

VĂN mục-lục sách báo đã xuất-bản

Từ nay, mỗi khi cần mua sách báo cũ, mong quý bạn tìm trong bản mục lục này rồi đặt mua, tránh cho tòa báo khỏi phải trả lời riêng từng bạn, nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Bạn nào muốn hỏi thêm điều chi, xin gửi kèm tem thư, để tỵ trị sự trả lời riêng. Mục Hộp thư Bạn đọc sẽ không trả lời các thư hỏi mua sách báo.

NĂM THỨ NHỨT (1964) — NĂM THỨ HAI (1965)

Trong hai năm 1964 và 1965, VĂN đã ấn hành tất cả 48 số (chủ đề, xin xem Mục-lục đăng trong VĂN số 104, ngày 15/4/1968).

Tất cả 48 số nay đều **đã hết**.

Báo đóng thành tập, từ tập I đến tập VIII nay cũng **đã hết**.

Tuy nhiên, Ty Trị-sự VĂN có **mua lại** được một số báo cũ, **theo giá gấp đôi**, nay được đem ra bán lại, gồm có những số : 1, 2, 33, 40, 47. Năm (5) số kể trên, đều đồng giá 20 $, một cuốn, và chỉ còn mỗi thứ dăm ba cuốn. Độc giả ở gần, muốn mua, xin liên lạc với Ty Trị-sự VĂN. Ở xa, xin biên thư hỏi trước rồi hãy gửi tiền về sau.

TÂN - VĂN

TÂN-VĂN là một nguyệt-san, chuyên về nghiên-cứu và phê-bình văn-học. Kể từ số 11, có thêm phần thơ văn sáng tác.

Tới tháng 7/69, đã xuất-bản đều đặn được 15 số. Ngoại trừ tập TÂN-VĂN số Xuân Kỷ-Dậu, nhập chung 2 số 9 và 10, bán giá 70 đồng, còn 13 số kia, đều đồng giá 30 đồng mỗi số.

Kể từ số 16, TÂN-VĂN có chủ đề như sau :

— 16 + 17 : đặc biệt về Xuất-bản	40$
— 18 + 19 : đặc biệt về Giáo-dục	40.
— 20 : đặc biệt về Nguyễn Du	40.
— 21 + 22 : Văn-minh Việt-nam (giai phẩm Xuân Canh-Tuất)	70.

NĂM THỨ BẢY (1970)

Số 145 — Tưởng-niệm Đông-Hồ 40$
146 + 147 — Giai phẩm Xuân Canh Tuất 110.
148 — Đầu Xuân lộc mới, *tuyển tập* (trẻ) 40.
149 — Tuyển-tập Thơ Văn 40.
150 — Số đặc-biệt : Vũ Hoàng Chương 40.
151 — Tuyển-tập Thơ Văn 40.
Bernard Malamud, nhà văn Hoa-kỳ
152 — Số đặc-biệt : Jean-Paul Sartre (Pháp) 40.
153 — Trong nỗi buồn vàng, *tuyển tập* (trẻ) 40.
154 — Số đặc-biệt : Mừng Phật-đản 2.514 40.
155 — Tuyển tập Thơ Văn 40.
Irwin Shaw, nhà văn Hoa-kỳ
156 — Số đặc-biệt : Hoài-niệm Nhất-Linh 50.
157 — Số đặc biệt : Simone de Beauvoir (Pháp) 50.
158 — Mưa chưa dứt hạt, *tuyển tập* (trẻ) 50.
159 — Số đặc biệt : Hoài niệm TchyA Đái Đức Tuấn 50.
160 — Tuyển tập Thơ Văn, 50.
Dylan Thomas, nhà văn Anh-cát-lợi
161 — Số đặc biệt : thi sĩ Quách Tấn 50.
162 — Tuyển truyện Á-châu 50.
163 — Tuyển tập thơ văn 50.
Alexander Solzhenitsyn, nhà văn Nga-xô
164 — Đi giữa mưa thu, *tuyển tập* (trẻ) 50.
165 — Tuyển truyện Phi-châu Da Đen 50.
166 — Tuyển tập thơ văn 50.
Irwin Shaw, nhà văn Hoa-kỳ
167 — Tuyển tập thơ văn 50.
Akutagawa Ryunosuke, nhà văn Nhật-bản
168 — Tiếng hát lên trời, *tuyển tập* 50.
số đặc biệt mùa Giáng-sinh

ĐÓNG THÀNH TẬP :

Tập XXV, từ số 145 đến số 150, giá 300 đồng một tập.
Tập XXVI, từ số 151 đến số 156, giá 280 đồng một tập.
Tập XXVII, từ số 157 đến số 162, giá 330 đồng một tập.
Tập XXVIII, từ số 163 đến số 168, giá 330 đồng một tập.

VĂN - UYÊN

Số 1 — CHO NHỮNG MÙA XUÂN PHAI **tuyệt-bản**
tập truyện Nguyễn Thị Hoàng
2 — ĐÊM ĐÊM ĐÈN SÁNG, *truyện* E. Caldwell **tuyệt-bản**
3 — DÒNG SÔNG RỰC RỠ, *truyện* Mai-Thảo **tuyệt-bản**
4 — MÊ HỒN CA, *tập thơ thứ nhất* Đinh Hùng **tuyệt-bản**

5 — SINH NHẬT, *truyện* Nguyễn-Xuân Hoàng **tuyệt-bản**

6 — NHỮNG NGƯỜI ĐÃ QUA, Thế-Uyên 30$

7 — CÀNH MAI TRẮNG MỘNG, 30.
tập thơ Vũ Hoàng Chương

8 — TUYỂN TRUYỆN TUỔI THƠ, Sáu Tác-giả **tuyệt-bản**

9 — GÀO THÉT, *truyện* Dương Nghiễm Mậu **tuyệt-bản**

10 — KHI TỪ THỨC VỀ TRẦN, 30.
truyện Bình-nguyên Lộc

11 — NHƯ NƯỚC TRONG NGUỒN, 30.
tập thơ Trần-thị Tuệ-Mai

12 — SỐNG BẰNG SỰ NGHIỆP, Nguyễn Mạnh-Côn 30.

13 — MÃ LỘ, *truyện dài* Viên-Linh 50.

14 — NGƯỜI THẦY HỌC CŨ, *truyện* Mai-Thảo **tuyệt-bản**

15 — QUÊ HƯƠNG NHƯ MỘT THÁNH TÍCH, 30.
tập thơ Hoàng Bảo Việt

16 — CÁNH CỬA SAU CÙNG, *tập truyện* Bảy Tác-giả 30.

17 — NỖI CHẾT KHÔNG RỜI, 40.
tập truyện Duy-Lam và Thế-Uyên

18 — MẮT THỦ, *truyện dài* Du Tử Lê 40.

19 — TUYỂN TRUYỆN TUỔI THƠ — quyển 2, 40.
tập truyện Bảy Tác-giả

20 — ĐUỐC SẬY, *tập truyện* Y-Uyên 40.

21 + 22 — NỬA ĐÊM NGOÀI PHỐ 40.
truyện dài Stephen Crane

LƯU Ý : Từ số 23, Văn-Uyển chuyển thành TÂN-VĂN :

23 — DỌC ĐƯỜNG, *tập truyện* Thanh-Tâm Tuyền 40.

24 — ĐÊM LÃNG QUÊN, 40.
tập truyện Nguyễn-đình Toàn

25 — NGÃ ĐẠN, *tập truyện* Dương Nghiễm Mậu 40.

26 — MÊ CHỮ, *tập truyện* Vũ Bằng 50.

27 — TRỜI XANH TRÊN MÁI CAO, 50.
truyện dài Nguyễn-thị Hoàng

28 — BUỒN ƠI, BẮT TAY, 50.
truyện dài Françoise Sagan

29 — TUYỂN TRUYỆN SÁNG TẠO, Bảy tác giả, 50.
Mai-Thảo chọn và giới thiệu

30 — MÓN LẠ MIỀN NAM, *tạp bút* Vũ Bằng 50$
31 — HANG ĐỘNG MỚI, *tập truyện* Phan Du 50.
32 — MƯA NÚI, *tập truyện* Mai-Thảo 50.

THỂ THỨC MUA BÁO

Bạn đọc cần mua sách báo cũ nên nhớ :

1) Xin **miễn** hỏi mua các số báo hoặc sách cũ **đã hết.**

2) Nếu mua ít (dăm ba chục đồng) bạn có thể trả bằng tem thư, đựng trong bao thư **gửi bảo đảm** để tránh thất lạc. Mỗi số báo Văn, Văn-Uyển hoặc Tân-Văn, bạn nhớ trả thêm 2 đồng cước phí, nếu bạn ở Sài-gòn ; hoặc 5 đồng cước phí, nếu bạn ở các tỉnh Nam-phần, Trung-phần và Cao-nguyên.

3) Nếu mua nhiều, xin trả tiền bằng bưu phiếu, đề tên ông Nguyễn-đình Vượng. Mua trên 3 cuốn, nên liên lạc với ty trị sự để biết rõ số cước phí *gởi theo lối bảo đảm* là bao nhiêu, rồi hãy gửi tiền đặt mua sau. Mỗi gói tối đa gửi máy bay (ra Trung-phần, các tỉnh Nam-phần và Cao - nguyên) được 5 cuốn, hết 30 đồng cước phí.

4) Mua báo nhớ cho biết tên họ thật để dễ nhận báo. Đừng dùng biệt hiệu. Nếu còn đi học, chưa có thẻ căn cước, xin ghi rõ là học sinh, để tránh phiền phức với nhà bưu điện, khi nhận lãnh báo. Ở quân ngũ, xin ghi rõ cấp bực, đơn vị và KBC.

5) Ở những bưu cục thuận tiện, bạn có thể trả tiền bằng *bưu-chi-phiếu.* Gửi theo lối này, bạn hãy hỏi xin tại bưu cuộc nơi bạn ở, thiếp phiếu (Mẫu số CH-1418) để gửi tiền cho ông Nguyễn-đình Vượng, trương mục số 19 42, Chánh-trung-khu Bưu-chi-phiếu Sài-gòn. Nếu bưu cuộc nơi bạn ở không có sẵn thiếp phiếu này, bạn hãy biên thư cho biết, kèm tem thư, chúng tôi sẽ gửi tới bạn ngay. Gởi bưu chi phiếu đỡ tốn bưu phí.

6) Tòa báo sẽ không chịu trách nhiệm gì về những số tiền hoặc tem thư gửi trong bao thư, dù gửi bảo đảm, nhưng rủi bị thất lạc từ trước khi tới tay tòa báo. Tòa báo cũng không chịu trách nhiệm về những số báo gửi theo lối thường và bị thất lạc.

7) Nếu bạn ở Sài-gòn, Chợ-lớn, Gia-định, mời bạn ghé báo quán hỏi mua báo là tiện hơn giao dịch qua nhà bưu điện, phiền phức và chậm chạp.

THƯ-LÂM ẤN THƯ QUÁN

số 231-233-235 đường Phạm Ngũ Lão

Sài-gòn — Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN

CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu,
cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI CỦA CƠ-SỞ XUẤT-BẢN

PHẠM QUANG KHAI

TỦ SÁCH NAM-CHI :

50 NĂM MÊ CẢI LƯƠNG
hồi ký của VƯƠNG HỒNG SỂN

BÀI HỌC ISRAEL
khảo luận của NGUYỄN HIẾN LÊ

ĐẠI TƯỚNG THỊT CHÓ
truyện dịch của PHÙNG HUY

•

TỦ SÁCH TIẾN BỘ :

NGHIÊM PHỤC • CÔ HỒNG MINH
LƯƠNG KHẢI SIÊU • HỒ THÍCH
tiểu truyện danh nhân của CỐ NHI TÂN